

TỔNG CÔNG TY
ĐIỆN LỰC DẦU KHÍ VIỆT NAM-CTCP
CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN HỦA NA
Số 294/CBTT-HHC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Nghệ An, ngày 04 tháng 4 năm 2025

Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
- Sở Giao dịch Chứng khoán Việt Nam
- Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh

Tên tổ chức: **Công ty Cổ phần Thủy điện Hủa Na**

Mã chứng khoán: HNA

Địa chỉ trụ sở chính: Tầng 9, Tòa nhà Dầu khí Nghệ An, số 07 đường Quang Trung, Phường Quang Trung, Thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An.

Điện thoại: 0238.3588766

Fax: 0238.3588767

Người thực hiện công bố thông tin: ông Nguyễn Xuân Sơn

Chức vụ: Phó Giám đốc.

Loại thông tin công bố: Định kỳ Bất thường 24h Theo yêu cầu

Nội dung công bố thông tin: Sửa đổi, bổ sung Thông báo mời họp và Tài liệu Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 Công ty cổ phần Thủy điện Hủa Na.

Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty vào ngày 04/4/2025 tại đường dẫn: <https://huana.com.vn>.

Công ty xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu VT.

Tài liệu gửi kèm:

- Thông báo mời họp và Tài liệu ĐHĐCĐ thường niên năm 2025.

**NGƯỜI ĐƯỢC ỦY QUYỀN CBTT
PHÓ GIÁM ĐỐC**



Nguyễn Xuân Sơn

THÔNG BÁO MỜI HỌP

Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 Công ty cổ phần thủy điện Hũa Na

Kính gửi: Quý Cổ đông Công ty cổ phần thủy điện Hũa Na

Hội đồng quản trị Công ty cổ phần thủy điện Hũa Na trân trọng thông báo và kính mời Quý Cổ đông tham dự phiên họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025, cụ thể như sau:

- Thời gian:** 08h00' thứ 5, ngày 17 tháng 4 năm 2025 (tiếp đón từ 7h15')
- Địa điểm:** Hội trường Công ty cổ phần thủy điện Hũa Na, Tầng 9, Tòa nhà Dầu khí Nghệ An, số 07 đường Quang Trung, phường Quang Trung, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An.
- Đối tượng tham dự:** Tất cả các Cổ đông có tên trong danh sách cổ đông của Công ty chốt ngày 20/3/2025 do Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam (VSDC) cấp hoặc những người được ủy quyền tham dự hợp lệ.
- Nội dung chương trình đại hội:**
 - Báo cáo Kết quả thực hiện nhiệm vụ năm 2024 và phương hướng nhiệm vụ năm 2025 của Hội đồng quản trị;
 - Báo cáo của Ban giám đốc Công ty về kết quả sản xuất kinh doanh năm 2024 và kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2025 của Công ty;
 - Báo cáo đánh giá của Thành viên HĐQT độc lập về Hoạt động của HĐQT Công ty năm 2024;
 - Báo cáo kết quả hoạt động năm 2024, kế hoạch hoạt động năm 2025 của Ban kiểm soát Công ty;
 - Báo cáo tài chính đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2024;
 - Tờ trình Thông qua kế hoạch tài chính năm 2025;
 - Tờ trình Thông qua kế hoạch tiền lương, thù lao năm 2025 của Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát;
 - Tờ trình Thông qua phương án phân phối lợi nhuận năm 2024;
 - Tờ trình Thông qua danh sách các đơn vị kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2025;
 - Tờ trình Thông qua bổ sung, sửa đổi ngành nghề kinh doanh và sửa đổi Điều lệ của Công ty.



5. **Tài liệu Đại hội:** Tài liệu Đại hội được đăng tải trên Website của Công ty theo địa chỉ: <http://huana.com.vn> tại mục Quan hệ cổ đông.

6. **Đăng ký tham dự đại hội:**

- Để thuận lợi cho công tác tổ chức, kính đề nghị quý cổ đông gửi Giấy đăng ký tham dự họp Đại hội bằng hình thức gửi thư hoặc fax hoặc gửi Email chậm nhất vào ngày 16/4/2025 theo địa chỉ:

Công ty cổ phần thủy điện Hủa Na, Tầng 9 tòa nhà Dầu khí Nghệ An, số 07 đường Quang Trung, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An.

Điện thoại: 02383.588.766;

Fax: 02383.588.767.

Email: vanthu@powerhhc.vn.

- Cổ đông khi đến tham dự Đại hội xin vui lòng mang theo Chứng minh thư nhân dân/Căn cước công dân, Thông báo mời họp và Giấy ủy quyền có đầy đủ chữ ký hợp lệ của người ủy quyền (trường hợp nhận ủy quyền).

Rất mong sự hiện diện đầy đủ của Quý cổ đông để Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 của Công ty thành công tốt đẹp./.

Trân trọng!

Nơi nhận:

- Như kính gửi;
- HĐQT, BKS Công ty;
- Ban điều hành Công ty;
- Lưu VT.



**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**



Hoàng Xuân Thành



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc



GIẤY ỦY QUYỀN

V/v: Tham dự Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025
Công ty cổ phần thủy điện Hòa Na

Kính gửi: Hội đồng quản trị Công ty cổ phần thủy điện Hòa Na

1. Bên ủy quyền:

- Tên cổ đông:.....
- Số CCCD/GPĐKKD:.....; ngày cấp:.....; nơi cấp:.....
- Địa chỉ:.....
- Sở hữu..... Cổ phần của Công ty cổ phần thủy điện Hòa Na theo danh sách chốt ngày 20/3/2025.

2. Bên nhận ủy quyền:

- Họ và tên:.....
- Số CCCD:..... Ngày cấp:..... Nơi cấp:.....
- Địa chỉ:.....

Hoặc ủy quyền cho một trong các thành viên Hội đồng quản trị Công ty cổ phần thủy điện Hòa Na có tên dưới đây (đánh dấu “✓” để chọn):

- Ông Hoàng Xuân Thành - Chủ tịch HĐQT
- Ông Bùi Huy Thành - Thành viên HĐQT, Giám đốc

- Số cổ phần được ủy quyền:cổ phần.

3. Nội dung ủy quyền:

Bên nhận ủy quyền được đại diện cho Bên ủy quyền thực hiện việc tham dự Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 Công ty cổ phần thủy điện Hòa Na tổ chức vào ngày 17/4/2025 và thực hiện mọi quyền lợi và nghĩa vụ tại Đại hội liên quan đến số cổ phần được ủy quyền.

Giấy ủy quyền này có hiệu lực từ ngày ký và hết hiệu lực khi Đại hội cổ đông thường niên năm 2025 của Công ty cổ phần thủy điện Hòa Na kết thúc.

....., ngày ... tháng năm 2025

BÊN ỦY QUYỀN

(Ký và ghi rõ họ tên, đóng dấu nếu là tổ chức)

BÊN NHẬN ỦY QUYỀN

(Ký và ghi rõ họ tên)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc



GIẤY ĐĂNG KÝ
V/v: Tham dự Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025
Công ty cổ phần thủy điện Hòa Na

Kính gửi: Hội đồng Quản trị Công ty cổ phần thủy điện Hòa Na

Tên cổ đông:.....

Số CCCD/CMND:....., Ngày cấp....., Nơi cấp.....

Số ĐKKD (đối với tổ chức):....., Ngày cấp.....

Địa chỉ:.....

.....

Số điện thoại:....., Số fax:.....

Sở hữu (tính đến ngày 20/3/2025) cổ phần của Công ty cổ phần thủy điện Hòa Na.

Bằng văn bản này, tôi đăng ký tham dự họp Đại hội cổ đông thường niên năm 2025 của Công ty cổ phần thủy điện Hòa Na được tổ chức vào ngày 17/4/2025.

Tôi cam kết sẽ chấp hành đúng các quy định của Đại hội./.

....., ngày tháng năm 2025

CỔ ĐÔNG
(Ký tên/đóng dấu)



TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC DẦU KHÍ VIỆT NAM - CTCP
CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN HỬA NÀ

Địa chỉ: Tầng 9, Tòa nhà Dầu khí, số 07, Quang Trung, TP Vinh, tỉnh Nghệ An
ĐT: 02383.588 766; Fax: 02383.588 767

TÀI LIỆU
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2025



Nghệ An, tháng 4 năm 2025

DANH MỤC
TÀI LIỆU ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2025
CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN HỦA NA

Thời gian: Thứ 5, ngày 17 tháng 4 năm 2025

Địa điểm: Hội trường Công ty cổ phần thủy điện Hòa Na, Tầng 9, Tòa nhà Dầu khí Nghệ An, số 07 đường Quang Trung, phường Quang Trung, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An.

| STT | Tên tài liệu | Ghi chú |
|------------|---|----------------|
| 1 | Chương trình Đại hội | |
| 2 | Quy chế Tổ chức đại hội; Thể lệ biểu quyết | |
| 3 | Báo cáo Kết quả thực hiện nhiệm vụ năm 2024 và phương hướng nhiệm vụ năm 2025 của Hội đồng quản trị | |
| 4 | Báo cáo của Ban giám đốc Công ty về kết quả sản xuất kinh doanh năm 2024 và kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2025 của Công ty | |
| 5 | Báo cáo đánh giá của Thành viên HĐQT độc lập về Hoạt động của HĐQT Công ty năm 2024 | |
| 6 | Báo cáo kết quả hoạt động của Ban kiểm soát Công ty năm 2024, kế hoạch hoạt động năm 2025 | |
| 7 | Báo cáo tài chính đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2024 | |
| 8 | Tờ trình về việc thông qua kế hoạch tài chính năm 2025 | |
| 9 | Tờ trình về việc thông qua Kế hoạch tiền lương, thù lao năm 2025 của Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát | |
| 10 | Tờ trình về việc thông qua phương án phân phối lợi nhuận năm 2024 | |
| 11 | Tờ trình về việc thông qua danh sách các đơn vị kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2025 | |
| 12 | Tờ trình về việc Thông qua bổ sung, sửa đổi ngành nghề kinh doanh và sửa đổi Điều lệ của Công ty cổ phần thủy điện Hòa Na | |
| 13 | Phiếu biểu quyết | |
| 14 | Dự thảo Nghị quyết Đại hội | |

CHƯƠNG TRÌNH
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2025
CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN HỦA NA

Thời gian: Thứ 5, ngày 17 tháng 4 năm 2025

Địa điểm: Hội trường Công ty cổ phần thủy điện Hòa Na, Tầng 9, Tòa nhà Dầu khí Nghệ An, số 07 đường Quang Trung, phường Quang Trung, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An.

| Thời gian dự kiến | Nội dung chương trình | Thực hiện |
|---|---|------------------------------|
| 07h30~08h00 | - Tiếp đón, kiểm tra tư cách cổ đông và ổn định tổ chức | Ban Tổ chức |
| 08h15~08h30 | - Báo cáo kiểm tra tư cách cổ đông | Ban kiểm tra tư cách cổ đông |
| | - Tuyên bố lý do, giới thiệu đại biểu, khách mời | Ban Tổ chức |
| | - Giới thiệu và thông qua danh sách Đoàn chủ tịch, Ban thư ký và Ban kiểm phiếu | Ban Tổ chức |
| 08h30~08h45 | - Thông qua nội dung chương trình Đại hội | Đoàn chủ tịch |
| | - Thông qua Quy chế tổ chức Đại hội và Thể lệ biểu quyết | |
| 08h45~10h20 | Trình bày các Báo cáo, Tờ trình: | |
| | - Báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ năm 2024 và phương hướng nhiệm vụ năm 2025 của Hội đồng quản trị | Đoàn chủ tịch |
| | - Báo cáo của Ban giám đốc Công ty về kết quả sản xuất kinh doanh năm 2024 và kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2025 | |
| | - Báo cáo đánh giá của Thành viên HĐQT độc lập về Hoạt động của HĐQT Công ty năm 2024. | TV HĐQT độc lập |
| | - Báo cáo kết quả hoạt động của Ban kiểm soát Công ty năm 2024, kế hoạch hoạt động năm 2025 | Ban kiểm soát |
| | - Báo cáo tài chính đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2024 | Đoàn chủ tịch |
| | - Tờ trình về việc thông qua kế hoạch tài chính năm 2025 | |
| | - Tờ trình về việc thông qua Kế hoạch tiền lương, thù lao năm 2025 của HĐQT, BKS | |
| - Tờ trình về việc thông qua phương án phân phối lợi nhuận năm 2024 | | |

| Thời gian dự kiến | Nội dung chương trình | Thực hiện |
|-------------------|---|----------------|
| | - Tờ trình về việc thông qua danh sách các đơn vị kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2025 | |
| | - Tờ trình về việc thông qua bổ sung, sửa đổi ngành nghề kinh doanh và sửa đổi Điều lệ của Công ty cổ phần thủy điện Hòa Na | Đoàn chủ tịch |
| 10h20~10h30 | - Ý kiến phát biểu của Lãnh đạo Cổ đông chi phối - Tổng công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam - CTCP | |
| 10h30~10h50 | - Thảo luận các vấn đề trình bày tại Đại hội; Đoàn chủ tịch giải đáp các ý kiến của Cổ đông | |
| 10h50~11h00 | - Biểu quyết thông qua các nội dung của đại hội (bằng phiếu biểu quyết) | |
| 11h00~11h30 | - Nghi giải lao và kiểm phiếu | Ban kiểm phiếu |
| | - Báo cáo kết quả kiểm phiếu biểu quyết | |
| | - Thông qua Biên bản Đại hội | Tổ Thư ký |
| | - Bế mạc Đại hội | Đoàn chủ tịch |

Nghệ An, ngày tháng 4 năm 2025

**QUY CHẾ TỔ CHỨC
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2025
CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN HỦA NA**

Điều 1. Mục tiêu

- Đảm bảo tuân thủ các quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty;
- Đảm bảo nguyên tắc công khai, dân chủ và quyền lợi hợp pháp của tất cả cổ đông;
- Đảm bảo tính tập trung, ổn định tổ chức của phiên họp Đại hội đồng cổ đông.

Điều 2. Đối tượng, Phạm vi áp dụng

- Quy chế này quy định điều kiện, thể thức tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên Công ty cổ phần thủy điện Hũa Na và quyền, nghĩa vụ của các bên tham dự Đại hội;
- Các cổ đông của công ty và các đối tượng tham dự Đại hội có trách nhiệm thực hiện theo các quy định của Quy chế này.

Điều 3. Quyền và nghĩa vụ của Cổ đông tham dự đại hội:

1. Điều kiện tham dự Đại hội: Tất cả các cổ đông là pháp nhân, thể nhân hoặc đại diện cổ đông sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty vào ngày chốt danh sách cổ đông được quyền tham dự Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025.
2. Quyền của các cổ đông tham dự đại hội:
 - Được thông báo mời họp qua thư mời được gửi đến địa chỉ theo Danh sách cổ đông có quyền tham dự đại hội, tại website của Công ty (<http://huana.com.vn>). Tài liệu đại hội được đăng tải công khai trên website của Công ty và phát cho cổ đông tại Đại hội để xem xét và thảo luận trực tiếp tại Đại hội.
 - Được trực tiếp tham dự hoặc ủy quyền cho người đại diện tham dự Đại hội và được phát biểu ý kiến đóng góp, biểu quyết các vấn đề được ghi trong nội dung chương trình của Đại hội.
 - Cổ đông đến dự đại hội muộn có quyền được đăng ký vào dự ngay và sau đó có quyền tham gia và biểu quyết ngay tại Đại hội; nhưng không có quyền tham gia và biểu quyết về những nội dung đã được Đại hội thông qua trước đó khi cổ đông chưa có mặt (hiệu lực của các đợt biểu quyết đã tiến hành sẽ không bị ảnh hưởng).

3. Nghĩa vụ của các cổ đông tham dự đại hội:

- Tuân thủ các quy định tại Quy chế này.
- Tôn trọng quyền điều hành của Chủ tọa Đại hội và tôn trọng kết quả biểu quyết của Đại hội được tiến hành một cách hợp lệ.
- Tự chịu chi phí đi lại, ăn ở để tham dự Đại hội.
- Mỗi cổ đông, đại diện cổ đông khi tham dự Đại hội cổ đông phải mang theo giấy Ủy quyền (trong trường hợp được ủy quyền), giấy tờ tùy thân (CCCD/CMND hoặc Hộ chiếu) và Thư mời tham dự trình cho Ban kiểm tra tư cách cổ đông.
- Trường hợp cổ đông là cá nhân thì văn bản ủy quyền phải được ký bởi cổ đông đó.
- Trường hợp cổ đông là pháp nhân/tổ chức thì văn bản ủy quyền phải được đóng dấu và được ký bởi người đại diện theo pháp luật của pháp nhân/tổ chức đó.
- Để thuận lợi cho việc tổ chức Đại hội, cổ đông gửi giấy xác nhận tham dự về Công ty theo địa chỉ và thời gian ghi trên Thư mời họp.
- Cổ đông đến tham dự Đại hội có mặt đúng thời gian quy định và phải hoàn thành các thủ tục đăng ký với Ban Kiểm tra tư cách cổ đông và nhận Phiếu biểu quyết, Thẻ biểu quyết,...
- Nghiêm túc chấp hành nội quy đại hội và tôn trọng kết quả Đại hội.

Điều 4: Quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm tra tư cách cổ đông

- Ban kiểm tra tư cách cổ đông do Hội đồng quản trị đề cử (Trưởng Ban kiểm soát làm trưởng Ban kiểm tra tư cách cổ đông).
- Ban kiểm tra tư cách cổ đông thực hiện:
 - Kiểm tra tư cách cổ đông hoặc Đại diện theo ủy quyền đến dự họp: Giấy tờ tùy thân (CCCD/CMND hoặc Hộ chiếu); Thư mời; Giấy ủy quyền (nếu có);
 - Phát tài liệu liên quan đến Đại hội cho cổ đông hoặc đại diện theo ủy quyền;
 - Báo cáo trước đại hội về kết quả kiểm tra tư cách cổ đông tham dự Đại hội trước khi Đại hội được chính thức tiến hành.
- Trường hợp người đến tham dự Đại hội không có đầy đủ tư cách tham dự Đại hội thì Ban kiểm tra tư cách cổ đông có quyền từ chối cấp Phiếu biểu quyết và các tài liệu khác liên quan đến Đại hội.

Điều 5. Quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm phiếu.

- Ban kiểm phiếu do Chủ tọa đề cử và được Đại hội biểu quyết thông qua.
- Ban kiểm phiếu có các nhiệm vụ sau:

- Xác định kết quả biểu quyết của cổ đông về các vấn đề thông qua tại Đại hội.
- Thực hiện kiểm tra, giám sát việc biểu quyết của các cổ đông hoặc người đại diện tham dự Đại hội; Tổng hợp số cổ phần biểu quyết theo từng nội dung, lập biên bản kiểm phiếu và công bố kết quả trước đại hội.
- Trong quá trình thực thi nhiệm vụ, Ban kiểm phiếu phải làm việc trung thực, chính xác và phải chịu trách nhiệm về kết quả biểu quyết.

Điều 6: Quyền và nghĩa vụ của Chủ tọa Đại hội và Ban thư ký Đại hội

1. Chủ tọa Đại hội

- Chủ tịch Hội đồng quản trị là người chủ trì, chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.
- Chủ tọa điều khiển đại hội theo đúng nội dung chương trình Đại hội và Quy chế đã được Đại hội thông qua.
- Chủ tọa hướng dẫn Đại hội thảo luận, lấy ý kiến biểu quyết các vấn đề trong nội dung chương trình nghị sự và các vấn đề có liên quan trong suốt quá trình Đại hội.
- Chủ tọa có quyền thực hiện các biện pháp cần thiết để điều khiển cuộc họp một cách hợp lý, có trật tự, đúng theo chương trình đã được thông qua và phản ánh được mong muốn của đa số người dự họp.
- Quyết định của Chủ tọa về vấn đề trình tự, thủ tục hoặc các sự kiện phát sinh ngoài chương trình của Đại hội sẽ mang tính phán quyết cao nhất.
- Chủ tọa có quyền yêu cầu cơ quan có thẩm quyền duy trì trật tự cuộc họp; trục xuất những người không tuân thủ quyền điều hành của Chủ tọa, cố ý gây rối trật tự, ngăn cản tiến triển bình thường của cuộc họp ra khỏi cuộc họp.
- Chủ tọa có quyền hoãn Đại hội đến một thời điểm khác hoặc thay đổi địa điểm họp nếu nhận thấy rằng:
 - Hành vi của những người có mặt cản trở hoặc có khả năng cản trở công việc diễn biến có trật tự của cuộc họp.
 - Sự trì hoãn là cần thiết để các công việc của Đại hội được tiến hành một cách hợp lệ.

2. Ban thư ký

- Ban thư ký Đại hội được Chủ tọa đề cử và được Đại hội biểu quyết thông qua.
- Ban thư ký thực hiện các công việc theo phân công của Chủ tọa, cụ thể như sau:

- Ghi chép đầy đủ, trung thực toàn bộ nội dung diễn biến Đại hội và những vấn đề đã được các cổ đông/đại diện cổ đông thông qua hoặc còn lưu ý tại Đại hội.
- Dự thảo Biên bản và Nghị quyết Đại hội về các vấn đề đã được thông qua tại Đại hội.
- Các nhiệm vụ khác theo sự phân công của Chủ tọa.

Điều 7. Tiến hành Đại hội

Đại hội được tiến hành khi có số cổ đông tham dự Đại hội đại diện trên 50% số cổ phần có quyền biểu quyết theo danh sách cổ đông được lập khi quyết định triệu tập Đại hội.

Điều 8. Biểu quyết tại Đại hội:

Việc biểu quyết thông qua các nội dung trong Đại hội được thực hiện theo quy định cụ thể tại “*Thẻ lệ biểu quyết*”.

Điều 9. Biên bản và nghị quyết Đại hội đồng cổ đông

- Tất cả nội dung tại Đại hội phải được Thư ký Đại hội ghi vào Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông.
- Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải được đọc và thông qua trước khi bế mạc Đại hội.
- Biên bản Đại hội là cơ sở để đưa ra Nghị quyết của đại hội.
- Căn cứ kết quả tại Đại hội, chủ tọa ra Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông về các vấn đề đã được Đại hội thông qua.

Điều 10. Hiệu lực của Quy chế

Quy chế này gồm 10 Điều được đọc công khai trước khi tiến hành Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 tổ chức vào ngày 17/4/2025 và có hiệu lực thi hành ngay sau khi được Đại hội đồng cổ đông biểu quyết thông qua.

**TM. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

Hoàng Xuân Thành

Nghệ An, ngày tháng 4 năm 2025

THẺ LỆ BIỂU QUYẾT TẠI ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2025

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động Công ty cổ phần thủy điện Hủa Na. Để đảm bảo sự thành công của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025, tất cả các vấn đề trong chương trình nghị sự của Đại hội đồng cổ đông đều phải được thông qua dưới hình thức biểu quyết công khai của tất cả cổ đông tham dự Đại hội, cụ thể như sau:

I. HÌNH THỨC BIỂU QUYẾT

Cổ đông/Người được ủy quyền, người Đại diện cổ đông thực hiện quyền biểu quyết tại Đại hội cổ đông thường niên năm 2025 của Công ty cổ phần thủy điện Hủa Na được biểu quyết bằng hình thức giơ Thẻ biểu quyết và bỏ Phiếu biểu quyết. Cổ đông/người được ủy quyền khi làm thủ tục đăng ký tham dự Đại hội sẽ được Ban tổ chức cung cấp Thẻ biểu quyết và Phiếu biểu quyết có in sẵn Tên cổ đông và số cổ phần sở hữu.

1. Thẻ biểu quyết:

Cổ đông biểu quyết bằng hình thức giơ Thẻ biểu quyết công khai tại Đại hội đối với các nội dung như: Thông qua nhân sự Đoàn chủ tịch, Ban thư ký, Ban kiểm phiếu; Nội dung chương trình làm việc của Đại hội; Quy chế Đại hội; Thẻ lệ biểu quyết; Biên bản - Nghị quyết Đại hội và các nội dung khác theo sự điều khiển của Chủ tọa đoàn để lấy ý kiến biểu quyết 03 lần theo trình tự: “**Tán thành**” hoặc “**Không tán thành**” hoặc “**Ý kiến khác**”.

2. Phiếu biểu quyết:

- Đối với các nội dung khác cần lấy ý kiến biểu quyết của Đại hội (trừ các nội dung đã nêu tại điểm 1) sẽ được cổ đông biểu quyết thông qua bằng hình thức Phiếu biểu quyết. Phiếu biểu quyết được ghi rõ các nội dung cần biểu quyết, cổ đông biểu quyết bằng cách đánh dấu lựa chọn vào 1 trong 3 ô: “**Tán thành**” hoặc “**Không tán thành**” hoặc “**Không có ý kiến**”, đối với từng nội dung trong Phiếu biểu quyết.

- Phiếu biểu quyết hợp lệ là Phiếu có đóng dấu treo của Công ty, có chữ ký của cổ đông/đại diện cổ đông hoặc người được ủy quyền hợp lệ, biểu quyết có đánh dấu lựa chọn chỉ vào 1 trong 3 ô đối với từng nội dung biểu quyết.

- Phiếu biểu quyết không hợp lệ là: Phiếu không có đóng dấu treo của Công ty; Phiếu không có chữ ký của cổ đông/đại diện cổ đông hoặc người được ủy quyền hợp lệ; Biểu quyết có đánh dấu lựa chọn vào nhiều hơn 1 ô đối với một nội dung biểu quyết hoặc không đánh dấu lựa chọn vào ô biểu quyết nào; Phiếu bị gạch xóa, sửa chữa; Phiếu bị tách rời, không còn nguyên vẹn; Phiếu ghi thêm những thông tin khác, thêm ký hiệu.

II. NGUYÊN TẮC THÔNG QUA

Các nội dung biểu quyết tại Đại hội được thông qua khi đạt tỷ lệ số cổ phiếu có quyền biểu quyết của tất cả cổ đông/đại diện cổ đông tham dự Đại hội chấp thuận theo quy định tại Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty.

**TM. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

Hoàng Xuân Thành

Số: 244/BC-HHC-HĐQT

Nghệ An, ngày 24 tháng 3 năm 2025

BÁO CÁO

Kết quả thực hiện nhiệm vụ năm 2024 và phương hướng nhiệm vụ năm 2025 của Hội đồng quản trị

Kính gửi: Đại hội đồng Cổ đông Công ty cổ phần thủy điện Hòa Na

A. TÌNH HÌNH THỰC HIỆN NHIỆM VỤ NĂM 2024

I. TÓM TẮT TÌNH HÌNH

1. Cơ cấu Hội đồng quản trị năm 2024

Hội đồng quản trị Công ty cổ phần thủy điện Hòa Na (HĐQT) năm 2024 gồm 05 thành viên trong đó: 01 Chủ tịch HĐQT chuyên trách; 01 thành viên HĐQT kiêm Giám đốc; 01 thành viên HĐQT kiêm Phó giám đốc; 01 thành viên HĐQT kiêm nhiệm (không điều hành) làm việc ở cổ đông Tổng Công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam - CTCP và 01 thành viên HĐQT độc lập.

1. Thông tin về thành viên Hội đồng quản trị:

| Stt | Thành viên HĐQT | Chức vụ | Ngày bắt đầu/không còn là thành viên HĐQT/HĐQT độc lập | |
|-----|------------------|---------------------------------|---|-----------------|
| | | | Ngày bổ nhiệm | Ngày miễn nhiệm |
| 1 | Hoàng Xuân Thành | Chủ tịch HĐQT | 19/4/2018; 21/4/2023 được bầu với nhiệm kỳ 2023-2028 | |
| 2 | Bùi Huy Thành | Thành viên HĐQT | 01/01/2023 | |
| 3 | Nguyễn Xuân Sơn | Thành viên HĐQT | 19/4/2018; 21/4/2023 được bầu với nhiệm kỳ 2023-2028 | |
| 4 | Lê Hải Long | Thành viên HĐQT không điều hành | 19/4/2018; 21/4/2023 được bầu với nhiệm kỳ 2023-2028 | |
| 5 | Vũ Văn Tâm | Thành viên HĐQT độc lập | 19/4/2018; 21/4/2023 được bầu với nhiệm kỳ 2023-2028 | |

Các thành viên HĐQT kiêm nhiệm và thành viên HĐQT độc lập đều đang nắm giữ các cương vị lãnh đạo ở các Cổ đông và có nhiều kinh nghiệm trong công tác quản lý đầu tư, công tác quản trị doanh nghiệp và quản lý chỉ đạo sản xuất kinh doanh.

2. Hoạt động của Hội đồng quản trị năm 2024.

Năm 2024, Hội đồng quản trị tiến hành 06 cuộc họp định kỳ hằng quý và chuyên đề, ban hành 84 Nghị quyết, Quyết định, cụ thể: Ban hành 13 Nghị quyết và 71 Quyết định. Các Nghị quyết/Quyết định được ban hành tại các cuộc họp và theo hình thức lấy ý kiến bằng văn bản đối với các thành viên Hội đồng quản trị để quản lý, quản trị, điều hành hoạt động của Công ty (*Danh mục Nghị quyết, Quyết định của Hội đồng quản trị năm 2024 đính kèm*).

Các Nghị quyết, Quyết định của Hội đồng quản trị Công ty được ban hành phù hợp với các quy chế, quy định của Nhà nước và Điều lệ Công ty để kịp thời chỉ đạo, giám sát điều hành các hoạt động của Ban giám đốc, cán bộ quản lý.

Định kỳ hàng tháng hoặc bất thường, Chủ tịch HĐQT và các Thành viên HĐQT điều hành đã thay mặt HĐQT tham dự các cuộc họp giao ban với Ban Giám đốc, các Trưởng phòng/Phân xưởng của Công ty để nghe báo cáo tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh, về công tác đầu tư, đồng thời có những chỉ đạo giải quyết, xử lý công việc trực tiếp tại cuộc họp.

Quản lý, quản trị chuyên nghiệp các vấn đề phát sinh trong quá trình đầu tư, hoạt động sản xuất kinh doanh thuộc thẩm quyền của HĐQT/ĐHĐCĐ, Hội đồng quản trị lấy ý kiến các thành viên/cổ đông bằng văn bản để ban hành các Nghị quyết/Quyết định ĐHĐCĐ/HĐQT kịp thời.

Năm 2024, Hội đồng quản trị đã tích cực trong công tác lãnh đạo, chỉ đạo và giám sát Giám đốc trong các hoạt động cụ thể:

- Luôn theo dõi sát sao các hoạt động của Giám đốc, kịp thời giải quyết các vấn đề phát sinh thuộc thẩm quyền Hội đồng quản trị nhằm tạo điều kiện cho hoạt động điều hành của Ban Giám đốc Công ty.

- Yêu cầu Giám đốc tăng cường công tác chỉ đạo thực hiện và thường xuyên báo cáo Hội đồng quản trị về hoạt động SXKD và đầu tư của Công ty.

- Quyết định, xem xét phương án sản xuất kinh doanh của Công ty từng quý, kịp thời đánh giá mức độ hoàn thành kế hoạch đồng thời đưa ra định hướng, giải pháp để thực hiện mục tiêu kế hoạch cả năm 2024.

- Chỉ đạo Giám đốc và các bộ phận tập trung triển khai đồng bộ các giải pháp như: Giải pháp kỹ thuật nhằm ổn định công tác vận hành nhà máy, công tác bảo dưỡng sửa chữa, kết hợp với Quản lý tài chính, Quản lý thiết bị, vật tư, nguồn nhân lực,... đảm bảo hoàn thành kế hoạch sản xuất kinh doanh.

- Chỉ đạo tổ chức các hoạt động phong trào nâng cao tinh thần đoàn kết, trách nhiệm, chia sẻ khó khăn, cùng nhau phấn đấu hoàn thành nhiệm vụ trong năm 2024.

- Hội đồng quản trị đưa ra định hướng đúng, các giải pháp khoa học và kịp thời để chỉ đạo thực hiện các nhiệm vụ trong năm, đảm bảo tính minh bạch và tạo điều kiện thuận lợi để cổ đông cũng như các cơ quan quản lý có thể thực hiện tốt chức năng giám sát, kiểm tra kiểm soát.

3. Lương, thù lao, các khoản lợi ích và chi phí hoạt động của Hội đồng quản trị trong năm 2024

3.1. Lương, thù lao, các khoản lợi ích.

| TT | Họ và tên | Chức vụ | Số tháng | Tổng thu nhập (VNĐ) |
|----|------------------|-------------------------|----------|----------------------|
| 1 | Hoàng Xuân Thành | CT HĐQT | 12 | 1.229.564.839 |
| 2 | Bùi Huy Thành | TV HĐQT, Giám đốc | 12 | 1.177.344.984 |
| 3 | Nguyễn Xuân Sơn | TV HĐQT, PGĐ | 12 | 1.125.287.203 |
| 4 | Lê Hải Long | TV HĐQT không điều hành | 12 | 123.611.111 |
| 5 | Vũ Văn Tâm | TV HĐQT độc lập | 12 | 123.611.111 |
| | TỔNG CỘNG | | | 3.779.419.248 |

3.2. Chi phí hoạt động của Hội đồng quản trị là: 492.419.907 đồng.

II. KẾT QUẢ THỰC HIỆN NHIỆM VỤ CỦA HĐQT NĂM 2024

1. Công tác sản xuất kinh doanh

Kết quả thực hiện các chỉ tiêu như sau:

| STT | Các chỉ tiêu | Đơn vị | Kế hoạch năm 2024 | Thực hiện năm 2024 | Tỷ lệ hoàn thành |
|-----|---------------------------|----------|-------------------|--------------------|------------------|
| (1) | (2) | (3) | (4) | (5) | (6=5/4) |
| 1 | Sản lượng điện thương mại | Tr.kw.h | 641,87 | 637,80 | 99% |
| 2 | Tổng doanh thu | Tỷ đồng | 773,69 | 800,57 | 103% |
| 3 | Tổng chi phí | Tỷ đồng | 584,27 | 516,15 | 88% |
| 4 | Lợi nhuận trước thuế TNDN | Tỷ đồng | 189,42 | 284,42 | 150% |
| 5 | Lợi nhuận sau thuế TNDN | Tỷ đồng | 179,95 | 269,75 | 150% |
| 6 | Nộp ngân sách Nhà nước | Tỷ đồng | 183,77 | 164,19 | 89% |
| 7 | Giá thành | Đồng/kWh | 910,25 | 820,31 | 89% |
| 8 | Tỷ lệ chia cổ tức (10%) | Tỷ đồng | 235,2 | 235,2 | 100% |

2. Công tác quản lý vận hành, bảo dưỡng sửa chữa và bảo trì công trình xây dựng

- Công tác quản lý vận hành: Nhà máy thủy điện Hòa Na, Nhà máy thủy điện Nậm Non được vận hành an toàn, không có sự cố bất thường xảy ra, đáp ứng nhu cầu huy động của hệ thống điện Quốc gia. Đội ngũ CBCNV thực hiện đúng quy trình và các yêu cầu kỹ thuật, an toàn trong quá trình vận hành.

- Công tác sửa chữa thường xuyên: Đội ngũ cán bộ, công nhân viên thường xuyên kiểm tra và tự tổ chức thực hiện trong suốt quá trình vận hành, công tác bảo dưỡng, sửa chữa thường xuyên đạt yêu cầu về kỹ thuật và chất lượng, đảm bảo nhà máy luôn khả dụng vận hành tin cậy và an toàn.

- Công tác bảo dưỡng, sửa chữa định kỳ: Năm 2024, Công ty đã thực hiện bảo dưỡng, sửa chữa định kỳ (tiểu tu) Nhà máy thủy điện Hòa Na đảm bảo đúng tiến độ, chất lượng và an toàn trong quá trình thực hiện. Sau kỳ bảo dưỡng nhà máy hoạt động hiệu quả.

- Công tác bảo trì công trình xây dựng được thực hiện theo quy định đảm bảo an toàn các hạng mục công trình trong quá trình sản xuất kinh doanh. Toàn bộ các trang thiết bị, công trình, hạng mục công trình, đập, nhà máy luôn được kiểm tra, giám sát đảm bảo vận hành an toàn, không có hư hỏng và sạt lở nghiêm trọng xảy ra.

3. Công tác đầu tư:

Năm 2024 là một cột mốc quan trọng đối với Công ty khi Công ty đã mua thành công Nhà máy thủy điện Nậm Non với công suất 20 MW tại xã Xá Lượng, huyện Tương Dương, tỉnh Nghệ An. Tổng giá trị giao dịch trước thuế là 640 tỷ đồng. Đến ngày 07/12/2024, Nhà máy thủy điện Nậm Non đã bắt đầu ghi nhận sản lượng và doanh thu. Nhà máy thủy điện Nậm Non đang vận hành hiệu quả, ổn định, đóng góp lâu dài vào lợi ích của các cổ đông.

4. Công tác thực hiện dịch vụ ngoài và bán chứng chỉ I-REC

- Công tác thực hiện dịch vụ ngoài: Công ty đã chủ động tiếp cận, làm việc với Công ty TNHH điện Nậm Sum 3 (Chủ đầu tư Dự án nhà máy thủy điện Nậm Sum 3) và đã ký hợp đồng Đào tạo nhân viên vận hành nhà máy thủy điện Nậm Sum 3 với giá trị hợp đồng 51.155,4 USD.

- Công tác tìm đối tác mua các chứng chỉ I-REC: Trong thời gian vừa qua, nắm bắt kịp thời được chủ trương, chính sách về phát triển năng lượng sạch và giảm phát thải nhà kính của thế giới và Việt Nam, Công ty đã chủ động tìm kiếm đối tác bán Chứng chỉ năng lượng xanh I-REC cho toàn bộ sản lượng điện thương mại sản xuất hàng năm, thu ngoại tệ về cho Công ty 100.475,81 USD.

5. Công tác lao động tiền lương, đào tạo, an sinh xã hội, an ninh, an toàn, phòng chống cháy nổ và ATVSM T.

5.1. Công tác lao động tiền lương:

- Tổng số lao động bình quân năm 2024 là: 119 người, Trong đó: 100 lao động nam và 19 lao động nữ.

- Tiền lương bình quân năm 2024 là: 26,58 triệu đồng/người/tháng.

5.2. Công tác đào tạo: Năm 2024, Công ty đã tổ chức các lớp đào tạo chuyên sâu chuyên ngành, đào tạo phục vụ sản xuất kinh doanh, cấp chứng chỉ, hội thảo,... cho CBCNV Công ty với tổng giá trị 1,286 tỷ đồng. Công tác đào tạo và phát triển nguồn nhân lực được Công ty thực hiện bám sát theo kế hoạch, các lớp học, khóa học được bố trí thời gian phù hợp, CBCNV tham gia đầy đủ, đảm bảo chất lượng, đáp ứng với tình hình sản xuất kinh doanh của Công ty.

5.3. Công tác an sinh xã hội: Trong năm 2024, Công ty đã thực hiện công tác an sinh xã hội đối với cộng đồng địa phương, với giá trị hơn 01 tỷ đồng.

5.4. Công tác an ninh, an toàn, phòng chống cháy nổ và ATVSMT: Thực hiện tốt công tác phối hợp với chính quyền địa phương và cơ quan Công an trong việc đảm bảo an ninh trật tự, phòng chống tội phạm, tệ nạn xã hội trên địa bàn; Phối hợp với các cơ quan liên quan tổ chức huấn luyện nghiệp vụ công tác bảo vệ, công tác phòng chống cháy nổ và an toàn vệ sinh môi trường. Trong năm 2024, Công ty không để xảy ra các vụ việc mất an ninh trật tự và sự cố cháy nổ và mất an toàn vệ sinh môi trường.

6. Tình hình tài chính

6.1. Các chỉ tiêu chính

| TT | Chỉ tiêu | 31/12/2023 | 31/12/2024 | % 2024/2023 |
|----------|------------------------------------|--------------------------|--------------------------|----------------|
| 1 | Tài sản ngắn hạn | 465.699.762.533 | 624.050.350.473 | 134,00% |
| - | Tiền và các khoản tương đương tiền | 92.664.874.209 | 416.932.431.896 | 449,94% |
| - | Đầu tư tài chính ngắn hạn | - | - | |
| - | Các khoản phải thu ngắn hạn | 350.715.891.733 | 131.901.447.943 | 37,61% |
| - | Hàng tồn kho | 20.422.590.130 | 20.863.838.125 | 102,16% |
| - | Tài sản ngắn hạn khác | 1.896.406.461 | 54.352.632.509 | 2.866,09% |
| 2 | Tài sản dài hạn | 3.015.762.864.597 | 3.386.146.348.202 | 112,28% |
| - | Tài sản cố định | 2.972.328.274.348 | 3.324.886.412.427 | 111,86% |
| - | Tài sản dở dang dài hạn | 37.916.615.968 | 56.556.578.932 | 149,16% |
| - | Tài sản dài hạn khác | 5.517.974.281 | 4.703.356.843 | 85,24% |
| | Tổng tài sản (1+2) | 3.481.462.627.130 | 4.010.196.698.675 | 115,19% |
| 3 | Nợ phải trả | 254.548.282.453 | 767.195.073.800 | 301,39% |
| - | Nợ ngắn hạn | 163.622.258.490 | 365.350.434.462 | 223,29% |
| - | Nợ dài hạn | 90.926.023.963 | 401.844.639.338 | 441,95% |

6.2. Tài sản: Tính đến 31/12/2024 tổng tài sản của Công ty là hơn 4.010 tỷ đồng, tăng so với năm 2023. Trong đó tài sản ngắn hạn tăng 34,00%, tài sản dài hạn tăng 12,28%. Trong cơ cấu tài sản ngắn hạn, tiền và các khoản tương đương tiền và đầu tư tài chính ngắn hạn chiếm tỷ trọng khá lớn 67,58%, đảm bảo khả năng thanh toán ngắn hạn. Các khoản khác lần lượt là các khoản phải thu ngắn hạn và hàng tồn kho.

6.3. Nợ phải trả: Đến thời điểm 31/12/2024, các khoản nợ phải trả của Công ty là hơn 767 tỷ đồng, tăng so với năm 2023, chủ yếu là nợ liên quan tới mua nhà máy Thủy điện Nậm Non, cụ thể là: nợ Công ty cổ phần TCT phát triển Năng lượng Nghệ An 181,2 tỷ đồng chưa đến hạn thanh toán và dư nợ dài hạn NH TMCP Ngoại thương Việt Nam 367,92 tỷ đồng. Trong năm 2024, Công ty không phát sinh các khoản nợ quá hạn và chậm thanh toán.

(Chi tiết xem Báo cáo tài chính năm 2024 đã được kiểm toán)

III. HOẠT ĐỘNG CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Trong năm 2024, các thành viên HĐQT đã thực hiện tốt các nhiệm vụ theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty, cụ thể:

1. Ông Hoàng Xuân Thành - Chủ tịch Hội đồng quản trị

Ngoài việc thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Chủ tịch HĐQT theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty, Chủ tịch HĐQT còn chịu trách nhiệm chỉ đạo chung trong việc thực hiện các quyền và nghĩa vụ của HĐQT quy định tại Luật doanh nghiệp, Điều lệ Công ty, quy chế làm việc của Hội đồng quản trị và các văn bản pháp luật khác liên quan.

Trực tiếp phụ trách các lĩnh vực: Nghiên cứu, xây dựng chiến lược phát triển, kế hoạch dài hạn, trung hạn; dự án đầu tư quy mô lớn; công tác quản lý vốn, tài sản công ty; Công tác sắp xếp, đổi mới và phát triển doanh nghiệp; Công tác cổ phần, cổ phiếu, quan hệ cổ đông, hợp tác đối ngoại; Công tác tổ chức bộ máy, công tác nhân sự và đào tạo, thi đua khen thưởng của Công ty; Công tác tài chính kế toán, phân phối lợi nhuận, trích lập và sử dụng các quỹ.

2. Ông Bùi Huy Thành - Thành viên HĐQT, Giám đốc Công ty.

Thực hiện chức năng nhiệm vụ và quyền hạn của Thành viên HĐQT, Giám đốc quy định tại Điều lệ công ty và các văn bản pháp luật hiện hành.

Trong quá trình thực hiện nhiệm vụ, ông Bùi Huy Thành đã tham gia đầy đủ các cuộc họp của Hội đồng quản trị và cho ý kiến bằng văn bản đối với các vấn đề thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị với tinh thần trách nhiệm cao, sát sao trong quản lý; chỉ đạo, điều hành, thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực, cẩn trọng, hiệu quả; đưa ra những giải pháp, quyết sách kịp thời, định hướng đúng đắn nhằm đảm bảo lợi ích hợp pháp của các cổ đông và sự phát triển bền vững của Công ty; thực hiện tốt chức năng, nhiệm vụ quyền hạn của Thành viên HĐQT, Giám đốc quy định tại Điều lệ Công ty và các văn bản pháp luật.

3. Ông Nguyễn Xuân Sơn - Thành viên HĐQT, Phó giám đốc

Thực hiện chức năng nhiệm vụ và quyền hạn của Thành viên HĐQT, quy định tại Điều lệ công ty và các văn bản pháp luật hiện hành.

Trong quá trình thực hiện nhiệm vụ, ông Nguyễn Xuân Sơn đã tham gia đầy đủ các cuộc họp của Hội đồng quản trị và cho ý kiến bằng văn bản đối với các vấn đề thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị; thực hiện chức năng, nhiệm vụ quyền hạn của Thành viên Hội đồng quản trị quy định tại Điều lệ Công ty và các văn bản pháp luật. Trục tiếp phụ trách lĩnh vực: Xây dựng các quy chế và quy định quản lý nội bộ; Các chế độ chính sách đối với người lao động, định mức lao động, tiền lương; công tác phòng, chống tham nhũng, thực hành tiết kiệm, chống lãng phí của Công ty.

4. Ông Lê Hải Long – Thành viên Hội đồng quản trị

Thực hiện chức năng nhiệm vụ và quyền hạn của Thành viên Hội đồng quản trị, quy định tại Điều lệ công ty và các văn bản pháp luật hiện hành.

Trong quá trình thực hiện nhiệm vụ, ông Lê Hải Long đã tham gia đầy đủ các cuộc họp của Hội đồng quản trị và cho ý kiến bằng văn bản đối với các vấn đề thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị với tinh thần trách nhiệm cao, sát sao trong quản lý; thực hiện tốt chức năng, nhiệm vụ quyền hạn của Thành viên Hội đồng quản trị quy định tại Điều lệ Công ty và các văn bản pháp luật.

5. Ông Vũ Văn Tâm - Thành viên Hội đồng quản trị độc lập:

Thực hiện chức năng nhiệm vụ và quyền hạn của thành viên Hội đồng quản trị độc lập, quy định tại Điều lệ công ty và các văn bản pháp luật hiện hành.

Trong quá trình thực hiện nhiệm vụ, ông Vũ Văn Tâm đã tham gia đầy đủ các cuộc họp của Hội đồng quản trị và cho ý kiến bằng văn bản đối với các vấn đề thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị với tinh thần trách nhiệm cao, sát sao trong quản lý; thực hiện tốt chức năng, nhiệm vụ quyền hạn của Thành viên Hội đồng quản trị quy định tại Điều lệ Công ty và các văn bản pháp luật.

IV. KẾT QUẢ GIÁM SÁT CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ ĐỐI VỚI GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC

Với vai trò, trách nhiệm và quyền hạn của mình, Hội đồng quản trị đã tích cực trong công tác lãnh đạo, chỉ đạo và giám sát Giám đốc và người điều hành khác (gọi chung là Ban điều hành) trong các hoạt động cụ thể như sau:

- Hội đồng quản trị luôn theo dõi sát sao các hoạt động của Ban điều hành, kịp thời giải quyết các vấn đề phát sinh thuộc thẩm quyền Hội đồng quản trị nhằm tạo điều kiện cho hoạt động điều hành của Ban điều hành Công ty.

- Yêu cầu Giám đốc tăng cường công tác chỉ đạo thực hiện và thường xuyên báo cáo HĐQT về các hoạt động của Công ty nhằm nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh năm 2024 và xây dựng kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2025.

Trong năm 2024, Ban điều hành đã có nhiều nỗ lực trong việc triển khai và thực hiện tốt các nội dung theo Nghị quyết và Quyết định của Hội đồng quản trị. Giám đốc đã tổ chức và điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty một cách hiệu quả, mang lại lợi ích thiết thực cho Công ty thông qua các chỉ tiêu kinh tế tài chính đã đạt được. Lợi nhuận từ kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh đã góp phần tích lũy được nguồn vốn, thực hiện đầy đủ nghĩa vụ giao nộp ngân sách nhà nước, ổn định thu nhập cho người lao động.

B. PHƯƠNG HƯỚNG NHIỆM VỤ NĂM 2025

I. KẾ HOẠCH SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2025

1. Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2025

Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2025 của Công ty cổ phần thủy điện Hòa Na đã được xây dựng với một số chỉ tiêu chính như sau:

| STT | Các chỉ tiêu | Đơn vị | Kế hoạch SXKD 2025 |
|-----|--------------------------------------|----------------|--------------------|
| 1 | Sản lượng điện thương mại | Tr.kw.h | 685,3 |
| - | <i>Nhà máy thủy điện Hòa Na</i> | <i>Tr.kw.h</i> | <i>625,3</i> |
| - | <i>Nhà máy thủy điện Nậm Non</i> | <i>Tr.kw.h</i> | <i>60,0</i> |
| 2 | Vốn điều lệ | Tỷ đồng | 2.352,3 |
| 3 | Tổng doanh thu | Tỷ đồng | 828,7 |
| - | Doanh thu phát điện | Tỷ đồng | 822,9 |
| + | <i>Nhà máy thủy điện Hòa Na</i> | <i>Tỷ đồng</i> | <i>743,7</i> |
| + | <i>Nhà máy thủy điện Nậm Non</i> | <i>Tỷ đồng</i> | <i>79,3</i> |
| - | Doanh thu tài chính + khác | Tỷ đồng | 5,8 |
| 4 | Tổng chi phí | Tỷ đồng | 633,6 |
| 5 | Lợi nhuận trước thuế TNDN | Tỷ đồng | 195,1 |
| 6 | Thuế TNDN | Tỷ đồng | 9,8 |
| 7 | Lợi nhuận sau thuế TNDN | Tỷ đồng | 185,3 |
| 8 | Tỷ suất lợi nhuận/VĐL | % | 8% |
| 9 | Đào tạo | Tỷ đồng | 1,9 |
| 10 | Giá thành (bao gồm thuế phí) | đồng/kWh | 924,6 |
| 11 | Nộp ngân sách nhà nước | Tỷ đồng | 199,1 |
| 12 | Kế hoạch đầu tư và mua sắm TSCĐ, TTB | Tỷ đồng | 239,8 |
| 13 | Lao động | Người | 143,0 |
| 14 | Quỹ tiền lương, thưởng vận hành | Tỷ đồng | 62,3 |
| 15 | Năng suất lao động bình quân | Tr.đ.ng/tháng | 150,0 |
| 16 | Tỷ lệ chia cổ tức (10%) | Tỷ đồng | 235,2 |

2. Công tác quản lý vận hành và bảo dưỡng sửa chữa.

- Tổ chức quản lý vận hành Nhà máy thủy điện Hòa Na, Nhà máy thủy điện Nậm Non đảm bảo luôn khả dụng, vận hành ổn định và an toàn. Đáp ứng yêu cầu huy động nguồn của Công ty TNHH MTV Vận hành hệ thống điện và thị trường điện Quốc gia (NSMO) và Trung tâm Điều độ hệ thống điện miền Bắc.

- Hoàn thành công tác sửa chữa định kỳ (đại tu) năm 2025 nhà máy thủy điện Hòa Na đảm bảo an toàn, chất lượng và tiến độ theo kế hoạch; tăng cường kiểm tra, bảo dưỡng, sửa chữa thường xuyên nhà máy thủy điện Hòa Na, thủy điện Nậm Non.

3. Công tác tài chính.

- Kiểm soát chặt chẽ chi phí, thực hành tiết kiệm, chống lãng phí nhằm nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh, giảm giá thành sản phẩm. Chỉ thực hiện những hạng mục thực sự cần thiết, mang lại hiệu quả cho Công ty.

- Cân đối dòng tiền đảm bảo chi trả đầy đủ, kịp thời nợ gốc và lãi vay Ngân hàng, hoàn thành nghĩa vụ với ngân sách Nhà nước, hoàn thành chi trả cổ tức bằng tiền cho các cổ đông, đảm bảo hoạt động sản xuất kinh doanh.

4. Công tác đầu tư phát triển

Tiếp tục tìm kiếm, đánh giá cơ hội đầu tư các dự án năng lượng tái tạo, thủy điện vừa và nhỏ; nghiên cứu đầu tư dự án mở rộng nhà máy thủy điện Hòa Na nhằm tăng quy mô sản xuất, phát huy tối đa nguồn lực của Công ty.

5. Các mục tiêu đối với môi trường, xã hội và cộng đồng

- Chú trọng và tích cực tham gia những hoạt động nhằm hướng tới mục tiêu trách nhiệm xã hội.

- Luôn duy trì, thường xuyên thực hiện các hoạt động an sinh xã hội như: Quyên góp giúp đỡ đồng bào bị thiên tai, tham gia ủng hộ các quỹ tương trợ hoàn cảnh khó khăn; Tham gia các chương trình xây dựng các công trình nhà cho người nghèo, trường học tại vùng sâu, vùng xa, ...

- Tích cực trong công tác bảo vệ môi trường và tham gia các sự kiện về môi trường như: giờ trái đất, ngày môi trường thế giới, ...

II. GIẢI PHÁP THỰC HIỆN KẾ HOẠCH NĂM 2025

1. Về phát triển nguồn nhân lực

- Tăng cường thực hiện các công tác đào tạo, nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ, khuyến khích tạo điều kiện cho CBCNV tích cực tham gia các hội thảo, chuyên đề nghiên cứu, cải tiến trong sản xuất để đảm bảo vận hành các nhà máy an toàn, ổn định giảm tối đa thời gian dừng máy do sửa chữa và sự cố; nâng cao năng lực quản lý của Công ty; tuân thủ các quy định của Nhà nước, Tập đoàn/Tổng công ty và Công ty.

- Đưa ra các chính sách khen thưởng động viên kịp thời đối với những công nhân viên ưu tú, nhiệt tình, tích cực học tập, có sáng kiến, đưa lại hiệu quả cao.

2. Về các điều kiện vận hành các nhà máy

- Căn cứ tình hình thực tế và dự báo thủy văn để có kế hoạch chào giá trong thị trường điện và vận hành các tổ máy trong thị trường phát điện cạnh tranh để đạt doanh thu tối ưu.

- Chuẩn bị đầy đủ vật tư và vật tư dự phòng để phục vụ sửa chữa và sự cố. Phối hợp chặt chẽ với đơn vị bảo dưỡng, sửa chữa để có biện pháp xử lý kịp thời mọi tình huống bất thường xảy ra, đảm bảo hạn chế mức thấp nhất sự cố.

- Triển khai đơn đốc thực hiện tốt công tác an toàn vệ sinh môi trường và phòng chống cháy nổ.

- Lập và triển khai kế hoạch phòng chống lụt, bão năm 2025 nhằm ứng phó kịp thời với tình hình phức tạp của mưa lũ, đảm bảo an toàn công trình và tính mạng con người.

3. Về công tác tài chính

- Tăng cường kiểm soát chi phí/giá thành, rà soát thường xuyên định mức kinh tế kỹ thuật, định mức chi phí phù hợp với thực tế và thực hành tiết kiệm.

- Tăng cường công tác quản lý vốn, tài sản hợp lý có hiệu quả; công tác quản lý công tác đầu tư, mua sắm. Đảm bảo cân đối dòng tiền, chủ động thu xếp nguồn vốn đảm bảo đủ, đáp ứng cho nhu cầu sản xuất kinh doanh và đầu tư.

4. Về công tác quản trị

- Tiếp tục rà soát, sửa đổi/bổ sung, hoàn thiện các hệ thống văn bản quản lý nội bộ của Công ty đảm bảo tuân thủ các quy định hiện hành của pháp luật, phù hợp với giai đoạn phát triển mới của Công ty.

- Đẩy mạnh công tác chuyển đổi số trong quản trị và điều hành doanh nghiệp, trong công tác quản lý vận hành các Nhà máy.

- Hỗ trợ và phối hợp cùng Ban giám đốc Công ty kịp thời tháo gỡ những khó khăn, vướng mắc để đem lại hiệu quả sản xuất kinh doanh cao nhất cho Công ty, lợi ích cao nhất cho các Cổ đông.

Trên đây là báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ năm 2024 và phương hướng nhiệm vụ năm 2025 của Hội đồng quản trị Công ty cổ phần thủy điện Hòa Na.

Kính trình Đại hội đồng Cổ đông xem xét thông qua!

Nơi nhận:

- Như kính gửi;
- Các thành viên HĐQT;
- Ban điều hành;
- Ban Kiểm soát;
- Lưu HĐQT, VT.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**



Hoàng Xuân Thành

DANH MỤC

NGHỊ QUYẾT, QUYẾT ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ NĂM 2024

(Kèm theo Báo cáo số 244/BC-HHC-HĐQT ngày 24/3/2025 của Hội đồng quản trị Công ty cổ phần thủy điện Hòa Na)

| TT | Số Nghị quyết/Quyết định | Ngày | Nội dung | Tỷ lệ thông qua |
|----|--------------------------|------------|--|-----------------|
| 1 | 01/QĐ-HHC-HĐQT | 03/01/2024 | Phê duyệt kế hoạch kiểm toán nội bộ năm 2024 của Bộ phận kiểm toán nội bộ Công ty cổ phần thủy điện Hòa Na | 100% |
| 2 | 02/QĐ-HHC-HĐQT | 03/01/2024 | Phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu gói thầu Xây dựng đường giao thông và san tạo mặt bằng khu 3 | 100% |
| 3 | 03/QĐ-HHC-HĐQT | 11/01/2024 | Phê duyệt dự toán chi phí, kế hoạch lựa chọn nhà thầu và dự toán gói thầu Bảo dưỡng, sửa chữa định kỳ hệ thống thiết bị NMTĐ Hòa Na năm 2024 (tiểu tu) | 100% |
| 4 | 04/QĐ-HHC-HĐQT | 15/01/2024 | Phê duyệt chủ trương tái cấu trúc tài chính để trả nợ trước hạn cho 02 hợp đồng vay tại Ngân hàng TMCP An Bình - Chi nhánh Hà Nội | 100% |
| 5 | 05/QĐ-HHC-HĐQT | 30/01/2024 | Phê duyệt và ban hành Quy chế đào tạo của Công ty cổ phần thủy điện Hòa Na | 100% |
| 6 | 06/QĐ-HHC-HĐQT | 31/01/2024 | Phê duyệt dự toán mua sắm, kế hoạch lựa chọn nhà thầu và dự toán gói thầu Cung cấp trang thiết bị, công cụ dụng cụ, vật tư sửa chữa thường xuyên đợt 1 năm 2024 Nhà máy thủy điện Hòa Na | 100% |
| 7 | 07/QĐ-HHC-HĐQT | 31/01/2024 | Phê duyệt phương án bán chứng chỉ I-REC của Nhà máy thủy điện Hòa Na | 100% |
| 8 | 08/QĐ-HHC-HĐQT | 31/01/2024 | Chi Quỹ thưởng Người quản lý Công ty nhân dịp Tết Nguyên đán Giáp Thìn năm 2024 | 100% |
| 9 | 09/QĐ-HHC-HĐQT | 15/02/2024 | Thành lập Ban tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024 | 100% |

| | | | | |
|----|---------------------|------------|--|------|
| 10 | 10/QĐ-HHC-HĐQT | 15/02/2024 | Phê duyệt Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2024 Công ty cổ phần thủy điện Hòa Na | 100% |
| 11 | 11/NQ-HHC-HĐQT | 22/02/2024 | Thông qua Kế hoạch tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024 | 100% |
| 12 | 12/QĐ-HHC-HĐQT | 23/02/2024 | Phê duyệt nội dung hợp đồng gói thầu Đào tạo nhân viên vận hành NMTĐ Nậm Sam 3 | 100% |
| 13 | 13/QĐ-HHC-HĐQT | 23/02/2024 | Thành lập Tổ thẩm định kết quả lựa chọn nhà thầu gói thầu bảo dưỡng, sửa chữa định kỳ hệ thống thiết bị NMTĐ Hòa Na năm 2024 (tiểu tu) | 100% |
| 14 | 14/QĐ-HHC-HĐQT | 29/02/2024 | Phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu gói thầu Bảo dưỡng, sửa chữa định kỳ hệ thống thiết bị Nhà máy thủy điện Hòa Na năm 2024 (tiểu tu) | 100% |
| 15 | 15/QĐ-HHC-HĐQT | 06/3/2024 | Phê duyệt kế hoạch sử dụng Quỹ khen thưởng, Phúc lợi năm 2024 của Công ty cổ phần thủy điện Hòa Na | 100% |
| 16 | 01-2024/NQ-HHC-HĐQT | 13/3/2024 | Tại cuộc họp định kỳ quý I năm 2024 của Hội đồng quản trị Công ty cổ phần thủy điện Hòa Na | 100% |
| 17 | 16/QĐ-HHC-HĐQT | 21/3/2024 | Phê duyệt nội dung Hợp đồng tín dụng với Ngân hàng TMCP Đầu tư và phát triển Việt Nam - Chi nhánh Quang Minh để trả nợ trước hạn 02 Hợp đồng vay tại Ngân hàng TMCP An Bình - Chi nhánh Hà Nội | 100% |
| 18 | 17/QĐ-HHC-HĐQT | 26/3/2024 | Phê duyệt và ban hành quy chế đảm bảo an toàn thông tin của Công ty cổ phần thủy điện Hòa Na | 100% |
| 19 | 18/NQ-HHC-HĐQT | 01/4/2024 | Thông qua chủ trương giới thiệu nhân sự để bổ nhiệm cán bộ | 100% |
| 20 | 19/QĐ-HHC-HĐQT | 03/4/2024 | Thành lập Tổ đàm phán hợp đồng mua tài sản Nhà máy thủy điện Nậm Non | 100% |
| 21 | 20/QĐ-HHC-HĐQT | 09/4/2024 | Thành lập Tổ thẩm định kết quả lựa chọn nhà thầu gói thầu Cung cấp trang thiết bị, CCDC, vật tư sửa chữa thường xuyên đợt 1 năm 2024 | 100% |

| | | | | |
|----|----------------|-----------|--|------|
| 22 | 21/QĐ-HHC-HĐQT | 17/4/2024 | Phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu gói thầu Cung cấp trang thiết bị, CCDC, vật tư sửa chữa thường xuyên đợt 1 năm 2024 | 100% |
| 23 | 22/QĐ-HHC-HĐQT | 17/4/2024 | Phê duyệt Báo cáo Kinh tế kỹ thuật đầu tư xây dựng, kế hoạch lựa chọn nhà thầu và dự toán gói thầu Sửa chữa, gia cố mái cơ Tháp điều áp nhà máy thủy điện Hòa Na | 100% |
| 24 | 23/QĐ-HHC-HĐQT | 17/4/2024 | Phê duyệt Báo cáo KTKT đầu tư xây dựng, kế hoạch lựa chọn nhà thầu và dự toán gói thầu Kè gia cố mái ta luy suối Kim đoạn tiếp giáp với hạ lưu kênh xả nhà máy thủy điện Hòa Na. | 100% |
| 25 | 25/QĐ-HHC-HĐQT | 06/5/2024 | Phê duyệt chủ trương thực hiện gói thầu Cung cấp bản tin dự báo khí tượng thủy văn phục vụ vận hành Nhà máy thủy điện Hòa Na năm 2024 và 2 năm tiếp theo | 100% |
| 26 | 26/QĐ-HHC-HĐQT | 20/5/2024 | Thành lập Tổ thẩm định kết quả lựa chọn nhà thầu gói thầu: Kè gia cố mái ta luy suối Kim đoạn tiếp giáp với hạ lưu kênh xả nhà máy thủy điện Hòa Na | 100% |
| 27 | 27/QĐ-HHC-HĐQT | 22/5/2024 | Phê duyệt và ban hành Quy chế chi tiêu nội bộ Công ty cổ phần thủy điện Hòa Na | 100% |
| 28 | 28/QĐ-HHC-HĐQT | 28/5/2024 | Phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu gói thầu kè gai cố mái ta luy suối Kim đoạn tiếp giáp với hạ lưu kênh xả nhà máy thủy điện Hòa Na | 100% |
| 29 | 29/QĐ-HHC-HĐQT | 28/5/2024 | Phê duyệt dự toán kinh phí hoạt động năm 2024 của Hội đồng bồi thường, hỗ trợ và tái định cư Công trình thủy điện Hòa Na | 100% |
| 30 | 30/NQ-HHC-HĐQT | 30/5/2024 | Thông qua kế hoạch tổ chức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản | 100% |
| 31 | 31/NQ-HHC-HĐQT | 30/5/2024 | Thông qua Đầu tư mua tài sản Nhà máy thủy điện Nậm Non, công suất 20MW tại huyện Tương Dương, tỉnh Nghệ An. | 100% |

| | | | | |
|----|----------------|-----------|--|------|
| 32 | 32/QĐ-HHC-HĐQT | 03/6/2024 | Phê duyệt đơn vị cung cấp dịch vụ soát xét BCTC từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/6/2024 và kiểm toán BCTC cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024 | 100% |
| 33 | 33/QĐ-HHC-HĐQT | 14/6/2024 | Phê duyệt đề cương nhiệm vụ và dự toán chi phí, Kế hoạch lựa chọn nhà thầu và dự toán gói thầu: Kiểm định an toàn đập, hồ chứa nước công trình thủy điện Hòa Na (chu kỳ 2) | 100% |
| 34 | 34/QĐ-HHC-HĐQT | 24/6/2024 | Phê duyệt nội dung Hồ sơ yêu cầu chào cấp tín dụng vay vốn đầu tư dự án mua Nhà máy thủy điện Nậm Nơn | 100% |
| 35 | 35/QĐ-HHC-HĐQT | 27/6/2024 | Phê duyệt kết quả rà soát, bổ sung quy hoạch cán bộ thuộc thẩm quyền quản lý của Công ty giai đoạn 2026-2031 | 100% |
| 36 | 36/QĐ-HHC-HĐQT | 27/6/2024 | Thành lập Tổ thẩm định kết quả lựa chọn nhà thầu gói thầu Sửa chữa, gia cố mái cơ Tháp điều áp nhà máy thủy điện Hòa Na | 100% |
| 37 | 37/QĐ-HHC-HĐQT | 09/7/2024 | Phê duyệt Báo cáo kinh tế kỹ thuật đầu tư xây dựng, kế hoạch lựa chọn nhà thầu và dự toán gói thầu Bảo trì và gia cố mái cơ Nhà máy thủy điện Hòa Na | 100% |
| 38 | 38/QĐ-HHC-HĐQT | 11/7/2024 | Phê duyệt Kết quả lựa chọn nhà thầu gói thầu Sửa chữa, gia cố mái cơ Tháp điều áp NMTĐ Hòa Na | 100% |
| 39 | 39/NQ-HHC-HĐQT | 16/7/2024 | Thông qua việc giải tỏa 50% cổ phiếu bị hạn chế chuyển nhượng trong đợt niêm yết cổ phiếu tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh | 100% |
| 40 | 40/NQ-HHC-HĐQT | 18/7/2024 | Gia hạn thời gian nhận Phiếu lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản | 100% |
| 41 | 41/QĐ-HHC-HĐQT | 01/8/2024 | Phê duyệt điều chỉnh mức tiền lương tháng đóng bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế bắt buộc của người quản lý chuyện trách Công ty kể từ ngày 01/7/2024 | 100% |

| | | | | |
|----|---------------------|-----------|--|------|
| 42 | 42/QĐ-HHC-HĐQT | 01/8/2024 | Phê duyệt dự toán mua sắm, kế hoạch lựa chọn nhà thầu và dự toán gói thầu Cung cấp vật tư, thiết bị dự phòng chiến lược năm 2024 Nhà máy thủy điện Hòa Na (đợt 1) | 100% |
| 43 | 43/QĐ-HHC-HĐQT | 06/8/2024 | Thành lập Ban kiểm phiếu lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản | 100% |
| 44 | 44/QĐ-HHC-HĐQT | 06/8/2024 | Phê duyệt quyết toán vốn đầu tư hạng mục công trình hoàn thành Công trình một số hạng mục công trình năm 2021, 2022 và bảo dưỡng, sửa chữa định kỳ hệ thống thiết bị Nhà máy thủy điện Hòa Na năm 2023 | 100% |
| 45 | 45/QĐ-HHC-HĐQT | 08/8/2024 | Phê duyệt chủ trương thực hiện gói thầu Cung cấp số liệu quan trắc lượng mưa phục vụ vận hành Nhà máy thủy điện Hòa Na năm 2024-2025 và 02 năm tiếp theo | 100% |
| 46 | 02-2024/NQ-HHC-HĐQT | 15/8/2024 | Nghị quyết tại cuộc họp định kỳ quý II năm 2024 của HĐQT Công ty cổ phần thủy điện Hòa Na | 100% |
| 47 | 47/QĐ-HHC-HĐQT | 16/8/2024 | Phê duyệt điều chỉnh một số chỉ tiêu Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2024 | 100% |
| 48 | 48/QĐ-HHC-HĐQT | 16/8/2024 | Phê duyệt Báo cáo Kinh tế kỹ thuật đầu tư xây dựng, kế hoạch lựa chọn nhà thầu và dự toán gói thầu xây dựng nhà khách, nhà ở CBCNV tại NMTĐ Hòa Na. | 100% |
| 49 | 49/QĐ-HHC-HĐQT | 21/8/2024 | Thành lập Tổ thẩm định Dự án đầu tư mua Nhà máy thủy điện Nậm Nôm, công suất 20 MW tại huyện Tương Dương, tỉnh Nghệ An | 100% |
| 50 | 50/QĐ-HHC-HĐQT | 23/8/2024 | Phê duyệt và ban hành Quy chế quản lý hoạt động kinh doanh dịch vụ của Công ty cổ phần thủy điện Hòa Na | 100% |
| 51 | 51/QĐ-HHC-HĐQT | 23/8/2024 | Thành lập Tổ thẩm định kết quả lựa chọn nhà thầu gói thầu Kiểm định an toàn đập, hồ chứa nước công trình thủy điện Hòa Na (chu kỳ 2) | 100% |

| | | | | |
|----|----------------|------------|---|------|
| 52 | 52/QĐ-HHC-HĐQT | 28/8/2024 | Bổ sung thêm thành viên vào Tổ thẩm định Dự án đầu tư mua Nhà máy thủy điện Nậm Non, công suất 20MW tại huyện Tương Dương, tỉnh Nghệ An | 100% |
| 53 | 53/QĐ-HHC-HĐQT | 29/8/2024 | Thành lập Tổ thẩm định kết quả lựa chọn nhà thầu gói thầu Bảo trì và gia cố mái cơ NMTĐ Hòa Na | 100% |
| 54 | 54/QĐ-HHC-HĐQT | 30/8/2024 | Phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu gói thầu Kiểm định an toàn đập, hồ chứa nước công trình thủy điện Hòa Na (chu kỳ 2) | 100% |
| 55 | 55/QĐ-HHC-HĐQT | 09/9/2024 | Điều chỉnh xếp lương hàng tháng của Người quản lý chuyên trách | 100% |
| 56 | 56/QĐ-HHC-HĐQT | 09/9/2024 | Phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu gói thầu Bảo trì và gia cố mái cơ NMTĐ Hòa Na | 100% |
| 57 | 57/NQ-HHC-HĐQT | 17/9/2024 | Rà soát các nội dung trong công tác đầu tư mua Nhà máy thủy điện nậm Non, công suất 20MW tại huyện Tương Dương, tỉnh Nghệ An | 100% |
| 58 | 58/QĐ-HHC-HĐQT | 25/9/20224 | Thành lập Tổ thẩm định kết quả lựa chọn nhà thầu gói thầu Xây dựng nhà khách, nhà ở CBCNV tại NMTĐ Hòa Na | 100% |
| 59 | 59/QĐ-HHC-HĐQT | 26/9/2024 | Phê duyệt bổ sung danh sách các Tổ chức tín dụng được Công ty lựa chọn để thực hiện tiền gửi | 100% |
| 60 | 60/QĐ-HHC-HĐQT | 26/9/2024 | Phê duyệt Dự án đầu tư mua Nhà máy thủy điện Nậm Non, công suất 20MW tại huyện Tương Dương, tỉnh Nghệ An | 80% |
| 61 | 61/QĐ-HHC-HĐQT | 04/10/2024 | Thành lập Tổ thẩm định kết quả lựa chọn nhà thầu gói thầu Cung cấp vật tư, thiết bị dự phòng chiến lược năm 2024 NMTĐ Hòa Na (đợt 1) | 100% |
| 62 | 62/QĐ-HHC-HĐQT | 04/10/2024 | Phê duyệt nội dung chính của Hợp đồng chuyển nhượng Nhà máy thủy điện Nậm Non, công suất 20MW tại huyện Tương Dương, tỉnh Nghệ An | 80% |

| | | | | |
|----|---------------------|------------|---|------|
| 63 | 63/QĐ-HHC-HĐQT | 07/10/2024 | Phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu gói thầu Xây dựng nhà khách, nhà ở CBCNV tại nhà máy thủy điện Hòa Na | 100% |
| 64 | 64/QĐ-HHC-HĐQT | 14/10/2024 | Phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu gói thầu Cung cấp vật tư, thiết bị dự phòng chiến lược năm 2024 Nhà máy thủy điện Hòa Na (đợt 1) | 100% |
| 65 | 65/QĐ-HHC-HĐQT | 16/10/2024 | Phê duyệt dự toán mua sắm, kế hoạch lựa chọn nhà thầu và dự toán gói thầu Cung cấp VTTB phục vụ công tác sửa chữa định kỳ hệ thống thiết bị NMTĐ Hòa Na năm 2025 (Đại tu) | 100% |
| 66 | 66/QĐ-HHC-HĐQT | 05/11/2024 | Phê duyệt nội dung Phụ lục sửa đổi, bổ sung Hợp đồng chuyển nhượng NMTĐ Nậm Nơn, công suất 20MW tại huyện Tương Dương, Nghệ An | 80% |
| 67 | 67/QĐ-HHC-HĐQT | 05/11/2024 | Thành lập Ban chuyên trách An toàn thông tin của Công ty cổ phần thủy điện Hòa Na | 100% |
| 68 | 68/QĐ-HHC-HĐQT | 07/11/2024 | Phê duyệt đơn vị cấp tín dụng và nội dung dự thảo HĐ cấp tín dụng các dự thảo HĐ thế chấp tài sản, quyền tài sản cho Dự án đầu tư mua NMTĐ Nậm Nơn | 80% |
| 69 | 69/NQ-HHC-HĐQT | 15/11/2024 | Thông qua Kế hoạch chi trả cổ tức năm 2023 | 100% |
| 70 | 70/QĐ-HHC-HĐQT | 25/11/2024 | Phê duyệt Phương án kỹ thuật, dự toán mua sắm, kế hoạch lựa chọn nhà thầu và dự toán gói thầu Nâng cấp, cải tạo hệ thống giám sát ác quy trực tuyến tại NMTĐ Hòa Na | 100% |
| 71 | 03-2024/NQ-HHC-HĐQT | 29/11/2024 | Tại cuộc họp định kỳ quý III năm 2024 của Hội đồng quản trị Công ty cổ phần thủy điện Hòa Na | 100% |
| 72 | 71/NQ-HHC-HĐQT | 06/12/2024 | Kế hoạch tổ chức Đại hội đồng cổ đông bất thường năm 2025 | 100% |
| 73 | 72/QĐ-HHC-HĐQT | 10/12/2024 | Phê duyệt Định mức Kinh tế - Kỹ thuật của Nhà máy thủy điện Hòa Na năm 2025 | 100% |

| | | | | |
|----|---------------------|------------|---|------|
| 74 | 73/QĐ-HHC-HĐQT | 12/12/2024 | Thành lập Tổ thẩm định kết quả lựa chọn nhà thầu gói thầu Cung cấp VTTB phục vụ công tác sửa chữa định kỳ hệ thống thiết bị NMTĐ Hòa Na năm 2025 (đại tu) | 100% |
| 75 | 74/QĐ-HHC-HĐQT | 23/12/2024 | Phê duyệt Kết quả lựa chọn nhà thầu gói thầu Cung cấp VTTB phục vụ công tác sửa chữa định kỳ hệ thống thiết bị NMTĐ Hòa Na năm 2025 (Đại tu) | 100% |
| 76 | 75/QĐ-HHC-HĐQT | 25/12/2024 | Phê duyệt nội dung dự thảo Hợp đồng mua bán điện Nhà máy thủy điện Nậm Non | 100% |
| 77 | 04-2024/NQ-HHC-HĐQT | 27/12/2024 | Tại cuộc họp định kỳ quý IV năm 2024 của Hội đồng quản trị Công ty cổ phần thủy điện Hòa Na | 100% |
| 78 | 76/QĐ-HHC-HĐQT | 30/12/2024 | Phê duyệt phương án lựa chọn ngân hàng cấp hạn mức tín dụng ngắn hạn | 100% |
| 79 | 77/QĐ-HHC-HĐQT | 30/12/2024 | Phê duyệt tăng tài sản cố định và thời gian khấu hao tài sản Nhà máy thủy điện Nậm Non, công suất 20MW tại huyện Tương Dương, tỉnh Nghệ An | 100% |
| 80 | 78/QĐ-HHC-HĐQT | 30/12/2024 | Tạm trích Quỹ khen thưởng - Phúc lợi và Quỹ thưởng Người quản lý từ lợi nhuận năm 2024 | 100% |
| 81 | 79/QĐ-HHC-HĐQT | 30/12/2024 | Chi quỹ thưởng người quản lý Công ty năm 2024 | 100% |
| 82 | 80/QĐ-HHC-HĐQT | 31/12/2024 | Tạm phê duyệt quỹ tiền lương, tiền thưởng an toàn thực hiện năm 2024 của người quản lý và người lao động Công ty | 100% |
| 83 | 81/QĐ-HHC-HĐQT | 31/12/2024 | Tạm phê duyệt kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2025 của Công ty cổ phần thủy điện Hòa Na | 100% |
| 84 | 82/QĐ-HHC-HĐQT | 31/12/2024 | Phê duyệt và ban hành Quy chế thưởng an toàn của Công ty cổ phần thủy điện Hòa Na | 100% |

Số: 245/BC-HHC

Nghệ An, ngày 24 tháng 3 năm 2025

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

V/v: **Kết quả sản xuất kinh doanh năm 2024 và kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2025 của Công ty cổ phần thủy điện Hủa Na**

Kính gửi: Đại hội đồng Cổ đông Công ty cổ phần thủy điện Hủa Na

Ban Giám đốc Công ty kính báo cáo Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2025 về kết quả thực hiện sản xuất kinh doanh (SXKD) năm 2024 và kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2025 với các nội dung như sau:

I. KẾT QUẢ THỰC HIỆN SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2024

1. Kết quả thực hiện các chỉ tiêu sản xuất kinh doanh năm 2024

Các chỉ tiêu sản lượng điện, chỉ tiêu tài chính năm 2024 đạt được như sau:

| TT | Chỉ tiêu | Đơn vị tính | Kế hoạch 2024 | Thực hiện 2024 | Thực hiện/Kế hoạch |
|-----|--|-------------|---------------|----------------|--------------------|
| (1) | (2) | (3) | (4) | (5) | (6)=(5)/(4) |
| 1 | Sản lượng điện | Tr.kWh | 641,87 | 637,80 | 99% |
| - | Nhà máy thủy điện Hủa Na | Tỷ đồng | 619,59 | 635,13 | 103% |
| - | Nhà máy thủy điện Nậm Non | Tỷ đồng | 22,28 | 2,67 | 12% |
| 2 | Tổng doanh thu | Tỷ đồng | 773,69 | 800,57 | 103% |
| 2.1 | Doanh thu bán điện | Tỷ đồng | 770,21 | 785,84 | 102% |
| - | Doanh thu bán điện (trước thuế, phí, ...) | Tỷ đồng | 672,93 | 689,07 | 102% |
| - | Doanh thu thực thanh thực chi (thuế, phí, ...) | Tỷ đồng | 97,28 | 96,76 | 99% |
| 2.2 | Doanh thu từ hoạt động cung cấp dịch vụ | Tỷ đồng | | 3,11 | |
| 2.3 | Doanh thu từ hoạt động tài chính | Tỷ đồng | 3,48 | 11,13 | 320% |
| 2.4 | Thu nhập khác | Tỷ đồng | - | 0,49 | |
| 3 | Tổng chi phí | Tỷ đồng | 584,27 | 516,15 | 88% |
| 4 | Lợi nhuận trước thuế thu nhập doanh nghiệp | Tỷ đồng | 189,42 | 284,42 | 150% |

| TT | Chỉ tiêu | Đơn vị tính | Kế hoạch 2024 | Thực hiện 2024 | Thực hiện/Kế hoạch |
|-----|--|-------------|---------------|----------------|--------------------|
| (1) | (2) | (3) | (4) | (5) | (6)=(5)/(4) |
| 5 | Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp | Tỷ đồng | 179,95 | 269,75 | 150% |
| 6 | Nộp ngân sách nhà nước | Tỷ đồng | 183,77 | 164,19 | 89% |
| 7 | Giá thành | đ/kWh | 910,25 | 820,31 | 89% |
| 8 | Tỷ lệ chia cổ tức (10%) | Tỷ đồng | 235,2 | 235,2 | 100% |

Trong năm 2024, tình hình thủy văn trên lưu vực hồ thủy điện Hòa Na diễn ra bất thường, gây khó khăn trong công tác tính toán chạy máy. Tuy nhiên, nửa cuối năm 2024, tình hình thủy văn lại diễn biến có lợi khi lưu lượng nước về hồ trung bình tăng khoảng 38% so với năm 2023. Đứng trước cơ hội, Ban lãnh đạo đã nhanh chóng chỉ đạo linh hoạt, báo sát thị trường điện để chào giá tối ưu, tập trung phát điện vào các giờ cao điểm. Kết quả đạt được, tổng doanh thu 800,57 tỷ đồng, đạt 103% kế hoạch. Lợi nhuận sau thuế 269,75 tỷ đồng, đạt 150% kế hoạch. Thành quả trên phần lớn đến từ tinh thần nỗ lực, tập trung và trách nhiệm cao của cán bộ công nhân viên của Công ty cổ phần thủy điện Hòa Na trong bối cảnh khó khăn và thuận lợi đan xen xuyên suốt năm 2024.

2. Công tác quản lý vận hành, sửa chữa bảo dưỡng, bảo trì công trình xây dựng

2.1. Công tác quản lý vận hành: Nhà máy thủy điện Hòa Na, Nhà máy thủy điện Nậm Nơn được vận hành an toàn, không có sự cố bất thường xảy ra, đáp ứng nhu cầu huy động của hệ thống điện Quốc gia. Đội ngũ CBCNV thực hiện đúng quy trình và các yêu cầu kỹ thuật, an toàn trong quá trình vận hành.

2.2. Công tác sửa chữa thường xuyên: Đội ngũ cán bộ, công nhân viên thường xuyên kiểm tra và tự tổ chức thực hiện trong suốt quá trình vận hành, công tác bảo dưỡng, sửa chữa thường xuyên đạt yêu cầu về kỹ thuật và chất lượng, đảm bảo nhà máy luôn khả dụng vận hành tin cậy và an toàn.

2.3. Công tác bảo dưỡng, sửa chữa định kỳ: Năm 2024, Công ty đã thực hiện bảo dưỡng, sửa chữa định kỳ (tiểu tu) Nhà máy thủy điện Hòa Na đảm bảo đúng tiến độ, chất lượng và an toàn trong quá trình thực hiện. Sau kỳ bảo dưỡng nhà máy hoạt động hiệu quả.

2.4. Công tác bảo trì công trình xây dựng được thực hiện theo quy định đảm bảo an toàn các hạng mục công trình xây dựng. Toàn bộ các trang thiết bị, công trình, hạng mục công trình, đập, nhà máy luôn được kiểm tra, giám sát đảm bảo vận hành an toàn, không có hư hỏng và sạt lở nghiêm trọng xảy ra.

3. Công tác tài chính

3.1. Công nợ đối với các tổ chức tín dụng.

Đến ngày 31/12/2024, dư nợ tại các tổ chức tín dụng của Công ty là 499,23 tỷ đồng, cụ thể như sau:

Đơn vị tính: Tỷ đồng

| TT | Tổ chức tín dụng/Ngân hàng | 31/12/2024 |
|----|---|---------------|
| 1 | Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam | 25,45 |
| 2 | Ngân hàng TMCP Đầu tư và phát triển Việt Nam – CN Quang Minh | 64,98 |
| 3 | Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam (vay vốn đầu tư mua Nhà máy thủy điện Nậm Non) | 408,8 |
| | CỘNG | 499,23 |

3.2. Công tác cân đối dòng tiền.

Trong năm 2024, Công ty thu xếp đủ dòng tiền để thực hiện trả nợ gốc, lãi vay cho các ngân hàng theo quy định của các hợp đồng tín dụng, đảm bảo hoạt động sản xuất kinh doanh, hoạt động đầu tư và chi trả cổ tức cho các cổ đông với tỷ lệ 10%, tương đương với số tiền là 235.232.210.000 đồng.

4. Công tác đầu tư

Năm 2024 là một cột mốc quan trọng đối với Công ty khi Công ty đã mua thành công Nhà máy thủy điện Nậm Non với công suất 20 MW tại xã Xá Lượng, huyện Tương Dương, tỉnh Nghệ An. Tổng giá trị giao dịch trước thuế là 640 tỷ đồng. Đến ngày 07/12/2024, Nhà máy thủy điện Nậm Non đã bắt đầu ghi nhận sản lượng và doanh thu. Nhà máy thủy điện Nậm Non đang vận hành hiệu quả, ổn định, đóng góp lâu dài vào lợi ích của các cổ đông.

5. Công tác thực hiện dịch vụ ngoài và bán chứng chỉ I-REC

5.1. Công tác thực hiện dịch vụ ngoài: Công ty đã chủ động tiếp cận, làm việc với Công ty TNHH điện Nậm Sum 3 (Chủ đầu tư Dự án nhà máy thủy điện Nậm Sum 3) và đã ký hợp đồng Đào tạo nhân viên vận hành nhà máy thủy điện Nậm Sum 3 với giá trị hợp đồng 51.155,4 USD.

5.2. Công tác tìm đối tác mua các chứng chỉ I-REC: Trong thời gian vừa qua, nắm bắt kịp thời được chủ trương, chính sách về phát triển năng lượng sạch và giảm phát thải nhà kính của thế giới và Việt Nam, Công ty đã chủ động tìm kiếm đối tác bán Chứng chỉ năng lượng xanh I-REC cho toàn bộ sản lượng điện thương mại sản xuất hàng năm, thu ngoại tệ về cho Công ty 100.475,81 USD.

6. Công tác lao động tiền lương, đào tạo, an sinh xã hội, an ninh, an toàn, phòng chống cháy nổ và ATVSMT.

6.1. Công tác lao động tiền lương:

- Tổng số lao động bình quân năm 2024 là: 119 người, Trong đó: 100 lao động nam và 19 lao động nữ.

- Tiền lương bình quân năm 2024 là: 26,58 triệu đồng/người/tháng.

6.2. Công tác đào tạo: Năm 2024, Công ty đã tổ chức các khóa đào tạo chuyên sâu chuyên ngành phục vụ sản xuất kinh doanh, cấp chứng chỉ và tổ chức, tham gia các cuộc hội thảo,... cho CBCNV Công ty với tổng giá trị 1,286 tỷ đồng. Công tác đào tạo và phát triển nguồn nhân lực được Công ty thực hiện bám sát theo kế hoạch, các lớp học, khóa học được bố trí thời gian phù hợp, CBCNV tham gia đầy đủ, đảm bảo chất lượng, đáp ứng nhu cầu sản xuất kinh doanh của Công ty.

6.3. Công tác an sinh xã hội: Trong năm 2024, Công ty đã thực hiện công tác an sinh xã hội đối với cộng đồng địa phương, với giá trị hơn 01 tỷ đồng.

6.4. Công tác an ninh, an toàn, phòng chống cháy nổ và ATVSMT: Công ty thực hiện tốt công tác phối hợp với chính quyền địa phương và cơ quan Công an trong việc đảm bảo an ninh trật tự, phòng chống tội phạm, tệ nạn xã hội trên địa bàn; Phối hợp với các cơ quan liên quan tổ chức huấn luyện nghiệp vụ công tác bảo vệ, công tác phòng chống cháy nổ và an toàn vệ sinh môi trường. Trong năm 2024, Công ty không để xảy ra các vụ việc mất an ninh trật tự và sự cố cháy nổ và mất an toàn vệ sinh môi trường.

II. KẾ HOẠCH SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2025.

1. Các chỉ tiêu sản xuất kinh doanh

Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2025 của Công ty cổ phần thủy điện Hòa Na đã được xây dựng với chỉ tiêu chính như sau:

| STT | Các chỉ tiêu | Đơn vị | Kế hoạch năm 2025 |
|-----|---------------------------|---------|-------------------|
| 1 | Sản lượng điện thương mại | Tr.kw.h | 685,3 |
| - | Nhà máy thủy điện Hòa Na | Tr.kw.h | 625,3 |
| - | Nhà máy thủy điện Nậm Nơn | Tr.kw.h | 60,0 |
| 2 | Các chỉ tiêu tài chính | | |
| 2.1 | Vốn điều lệ | Tỷ đồng | 2.352,3 |
| 2.2 | Tổng doanh thu | Tỷ đồng | 828,7 |

| STT | Các chỉ tiêu | Đơn vị | Kế hoạch năm 2025 |
|-----|--------------------------------------|----------------|-------------------|
| - | Doanh thu phát điện | Tỷ đồng | 822,9 |
| + | <i>Nhà máy thủy điện Hòa Na</i> | <i>Tỷ đồng</i> | <i>743,7</i> |
| + | <i>Nhà máy thủy điện Nậm Non</i> | <i>Tỷ đồng</i> | <i>79,3</i> |
| - | Doanh thu tài chính + khác | Tỷ đồng | 5,8 |
| 2.3 | Tổng chi phí | Tỷ đồng | 633,6 |
| 2.4 | Lợi nhuận trước thuế TNDN | Tỷ đồng | 195,1 |
| 2.5 | Thuế TNDN | Tỷ đồng | 9,8 |
| 2.6 | Lợi nhuận sau thuế TNDN | Tỷ đồng | 185,3 |
| - | Tỷ suất lợi nhuận/VĐL | % | 8% |
| 3 | Đào tạo | Tỷ đồng | 1,9 |
| 4 | Giá thành (bao gồm thuế phí) | đồng/kWh | 924,6 |
| 5 | Nộp ngân sách nhà nước | Tỷ đồng | 199,1 |
| 6 | Kế hoạch đầu tư và mua sắm TSCĐ, TTB | Tỷ đồng | 239,8 |
| 7 | Lao động | Người | 143,0 |
| 8 | Quỹ tiền lương, thưởng vận hành | Tỷ đồng | 62,3 |
| 9 | Năng suất lao động bình quân | Tr.đ.ng/tháng | 150,0 |
| 10 | Tỷ lệ chia cổ tức (10%) | Tỷ đồng | 235,2 |

2. Các nhiệm vụ trọng tâm khác.

- Tổ chức quản lý vận hành Nhà máy thủy điện Hòa Na, Nhà máy thủy điện Nậm Non đảm bảo luôn khả dụng, vận hành ổn định và an toàn. Đáp ứng yêu cầu huy động nguồn của Công ty TNHH MTV Vận hành hệ thống điện và thị trường điện Quốc gia và Trung tâm Điều độ hệ thống điện miền Bắc.

- Thực hiện tốt công tác an toàn, sức khỏe, môi trường, phòng chống cháy nổ. Phối hợp chặt chẽ với chính quyền địa phương trong công tác vận hành, điều tiết hồ chứa theo đúng quy định của Quy trình vận hành hồ chứa và liên hồ chứa.

- Hoàn thành công tác sửa chữa định kỳ (đại tu) năm 2025 nhà máy thủy điện Hòa Na đảm bảo an toàn, chất lượng và tiến độ theo kế hoạch; tăng cường kiểm tra, bảo dưỡng, sửa chữa thường xuyên nhà máy thủy điện Hòa Na, thủy điện Nậm Non.

- Kiểm soát chặt chẽ chi phí, thực hành tiết kiệm, chống lãng phí nhằm nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh, giảm giá thành sản phẩm.

- Cân đối dòng tiền đảm bảo chi trả đầy đủ, kịp thời nợ gốc và lãi vay Ngân hàng, hoàn thành nghĩa vụ với ngân sách Nhà nước, đảm bảo hoạt động sản xuất kinh doanh, đầu tư và chi trả cổ tức cho Cổ đông.

- Tiếp tục thực hiện công tác số hóa, chuyển đổi số trong toàn Công ty để ứng dụng các tiến bộ khoa học, nâng cao hiệu quả trong vận hành, quản lý, quản trị điều hành và đảm bảo an toàn thông tin.

- Tiếp tục tìm kiếm, đánh giá cơ hội đầu tư các dự án năng lượng tái tạo, thủy điện vừa và nhỏ; nghiên cứu đầu tư dự án mở rộng nhà máy thủy điện Hòa Na nhằm tăng quy mô sản xuất, phát huy tối đa nguồn lực của Công ty.

- Tiếp tục phối hợp với các cấp chính quyền địa phương và các sở/ban/ngành liên quan để giải quyết dứt điểm các khó khăn, vướng mắc trong công tác bồi thường, hỗ trợ và tái định cư còn lại của dự án thủy điện Hòa Na.

3. Giải pháp hoàn thành kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2025.

Để hoàn thành các chỉ tiêu kế hoạch năm 2025, Công ty sẽ nỗ lực, quyết tâm, phát huy tối đa mọi nguồn lực, thực hiện đồng bộ các giải pháp sau:

2.1. Về công tác vận hành, sản xuất kinh doanh.

- Tiếp tục bám sát, phối hợp chặt chẽ với NSMO/NSO, EVN/EPTC trong quá trình vận hành để huy động tối đa công suất, đặc biệt là trong mùa mưa lũ; thoả thuận sản lượng điện hợp đồng năm/tháng phù hợp, trên cơ sở hài hoà lợi ích giữa các bên để đảm bảo hiệu quả sản xuất kinh doanh; thanh toán tiền bán điện kịp thời để đảm bảo cân đối được dòng tiền phục vụ sản xuất kinh doanh.

- Dự báo tốt tình hình khí tượng thủy văn trên lưu vực và diễn biến thị trường điện cạnh tranh để khai thác tối đa hiệu quả nguồn nước, tối ưu doanh thu và lợi nhuận.

- Tổ chức thực hiện công tác bảo dưỡng, sửa chữa định kỳ hệ thống thiết bị nhà máy thủy điện Hòa Na đảm bảo chất lượng, tiến độ và an toàn; Thường xuyên kiểm tra, đánh giá hệ thống thiết bị, tổ chức quản lý, vận hành đảm bảo độ khả dụng cao, vận hành an toàn, ổn định và tin cậy.

- Tổ chức vận hành nhà máy thủy điện Nậm Non an toàn, ổn định và tin cậy; rà soát các trang thiết bị/công trình, phát hiện các nguy cơ và đưa ra biện pháp khắc phục, gia cố, sửa chữa, thay thế (nếu cần),.. Làm việc với Công ty thủy điện Bản Vẽ (đơn vị quản lý vận hành Hồ thủy điện Bản Vẽ là bậc trên của Thủy điện Nậm Non) tăng cường sự phối hợp vận hành giữa 02 nhà máy, ưu tiên phát tối đa công suất vào các khung giờ cao điểm, khai thác tối ưu tài nguyên nước để nâng cao doanh thu sản xuất điện của Nhà máy.

- Thực hiện tốt công tác an toàn, sức khỏe, môi trường, phòng chống cháy nổ tại. Phối hợp chặt chẽ với chính quyền địa phương trong công tác vận hành, điều tiết hồ chứa theo đúng quy định của Quy trình vận hành hồ chứa và liên hồ chứa.

2.2. Về công tác tài chính

- Rà soát, cân đối dòng tiền, thu hồi kịp thời tiền bán điện đảm bảo chi trả đầy đủ, kịp thời chi trả nợ gốc và lãi vay đối với các Ngân hàng;

- Đẩy mạnh tiết giảm chi phí, thực hành tiết kiệm, chống lãng phí nhằm nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh, giảm giá thành sản phẩm. Chỉ thực hiện những hạng mục thực sự cần thiết, mang lại hiệu quả cho Công ty.

2.3. Về công tác quản trị, quản lý

- Tập trung thực hiện chuyên đổi số, hệ thống quản trị nguồn nhân lực doanh nghiệp, xây dựng chiến lược tổng thể với việc xác định tầm nhìn số, lộ trình triển khai cụ thể.

- Thực hiện rà soát, sửa đổi/bổ sung và hoàn thiện hệ thống quy chế, quy định nội bộ cho phù hợp với các quy định của Nhà nước, Tổng công ty và tình hình thực tiễn tại Công ty. Nâng cao công tác quản trị, quản lý sử dụng linh hoạt nguồn vốn. Tăng cường quản lý công tác mua sắm vật tư thiết bị, thực hiện các giải pháp giảm tồn kho nhằm nâng cao hiệu quả sử dụng. Thường xuyên rà soát vật tư thay thế cho sửa chữa thường xuyên, sửa chữa định kỳ nhằm duy trì hàng tồn kho ở mức hợp lý đảm bảo hiệu quả sản xuất kinh doanh.

2.4. Về công tác quản lý nguồn nhân lực

- Tập trung đào tạo nâng cao phát triển nguồn nhân lực, tổ chức các lớp/khóa đào tạo nâng cao tay nghề cho người lao động, đào tạo chuyên sâu cho cán bộ công nhân viên, người quản lý, ưu tiên phương án tự đào tạo tại chỗ.

- Chăm lo đời sống cho người lao động, tăng cường các phong trào, hoạt động đoàn thể; tuyên truyền xây dựng và thực hiện văn hoá doanh nghiệp.

- Tổ chức phát động phong trào thi đua sản xuất kinh doanh, an toàn, vệ sinh, môi trường, tuyên truyền phổ biến để toàn thể cán bộ, công nhân viên triển khai thực hiện. Kịp thời phát hiện, bồi dưỡng, biểu dương, khen thưởng các tập thể, cá nhân có thành tích xuất sắc và nhân rộng các điển hình tiên tiến.

2.5. Về khoa học công nghệ

Đẩy mạnh công tác ứng dụng khoa học công nghệ, nghiên cứu các sáng kiến, cải tiến kỹ thuật để áp dụng vào thực tế, nhằm nâng cao năng suất, hiệu quả sản xuất kinh doanh. Tạo cơ chế khuyến khích, động viên CBNV - NLĐ tích cực phát huy sáng kiến, cải tiến kỹ thuật và nghiên cứu khoa học; áp dụng mạnh mẽ, có hiệu quả chuyển đổi số vào công tác quản lý kỹ thuật và công tác quản trị.

Trên đây là báo cáo tổng kết tình hình thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2024 và kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2025 của Công ty cổ phần thủy điện Hòa Na.

Kính báo cáo Đại hội đồng Cổ đông xem xét thông qua!

Nơi nhận:

- Như trên;
- HĐQT, BKS (để b/c);
- Các Phó giám đốc (để t/h);
- Các Phòng/Phân xưởng (để t/h);
- Lưu VT.

GIÁM ĐỐC



Bùi Huy Thành





Nghệ An, ngày 24 tháng 3 năm 2025

BÁO CÁO

Đánh giá của Thành viên Hội đồng quản trị độc lập về hoạt động của Hội đồng quản trị năm 2024

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần thủy điện Hòa Na

Đánh giá về hoạt động của Hội đồng quản trị Công ty cổ phần thủy điện Hòa Na (HĐQT) trong năm 2024, thành viên HĐQT độc lập đánh giá như sau:

- HĐQT Công ty đã làm việc với tinh thần trách nhiệm và minh bạch trong công tác quản trị, tuân thủ đúng các quy định đối với Công ty đại chúng. Các cuộc họp của HĐQT đã được triệu tập kịp thời và thực hiện theo các trình tự quy định tại Điều lệ và Quy chế nội bộ về quản trị Công ty. Nội dung các cuộc họp đều được các thành viên HĐQT thảo luận, đánh giá đầy đủ và cẩn thận để đưa ra những định hướng và giải pháp đem lại lợi ích cao nhất cho Công ty.

- Các vấn đề liên quan đến chiến lược kinh doanh, đầu tư và xây dựng hệ thống quản lý đều được HĐQT thường xuyên xem xét và đánh giá trong các cuộc họp định kỳ và chuyên đề.

- Các quyết định của HĐQT tại các cuộc họp đều được HĐQT thông qua theo nguyên tắc đa số, biên bản cuộc họp được lập đầy đủ, có chữ ký của các thành viên HĐQT tham dự họp.

1. Về cơ cấu tổ chức

Trong năm 2024, HĐQT có tất cả 05 thành viên, trong đó có 01 thành viên độc lập. Toàn bộ các thành viên HĐQT đều tham gia đầy đủ và tích cực vào các hoạt động hoạch định, kiểm soát tuân thủ, phản biện, đảm bảo tốt các thông lệ quản trị công ty chuẩn mực.

2. Về cơ chế vận hành hoạt động:

- Năm 2024, HĐQT đã tổ chức 04 phiên họp định kỳ hàng quý, 02 phiên họp theo chuyên đề và lấy ý kiến thành viên HĐQT bằng văn bản. Các cuộc họp của HĐQT đã được triệu tập và thực hiện với lịch trình cụ thể, chuẩn bị tài liệu đầy đủ, tuân thủ quy định tại Điều lệ Công ty và quy định của pháp luật. Nội dung các cuộc họp được các thành viên HĐQT thảo luận, phản biện, đánh giá đầy đủ và cẩn trọng.

- Các vấn đề liên quan đến chiến lược, kế hoạch kinh doanh, tài chính, đầu tư văn hóa doanh nghiệp và xây dựng hệ thống quản lý trong Công ty đều được thảo luận, kiểm soát một cách chặt chẽ giữa HĐQT và Ban điều hành.

- Việc bổ sung, điều chỉnh kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2024 đều được nghiên cứu độc lập, có cơ sở khoa học và phân biện giữa Hội đồng quản trị và Ban điều hành.

3. Về kết quả công tác quản trị và giám sát:

Về tổng thể, HĐQT đã thực hiện tốt vai trò của mình trong việc triển khai các kế hoạch, chủ trương, định hướng do Đại hội đồng cổ đông Công ty đề ra.

- HĐQT đã tuân thủ các quy định về quản trị công ty, triệu tập các cuộc họp định kỳ và bất thường nhằm kịp thời chỉ đạo, ban hành các Nghị quyết/Quyết định phù hợp với tình hình thực tế.

- HĐQT đã thực hiện đúng vai trò, trách nhiệm trong việc chỉ đạo, hỗ trợ, giám sát Ban điều hành thực hiện các nội dung đã được Đại hội đồng cổ đông và HĐQT thông qua, đảm bảo tuân thủ quy định của pháp luật, đồng thời hài hòa lợi ích của Công ty và các cổ đông.

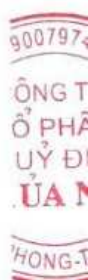
- Thành viên HĐQT giữ chức danh trong Ban điều hành và chuyên trách thường xuyên tham dự các cuộc họp giao ban định kỳ và bất thường của Công ty do Ban điều hành tổ chức. Các quyết định quan trọng của Ban điều hành đều được phân tích, phân biện và tham vấn từ các thành viên HĐQT/Chủ tịch HĐQT nhằm bảo đảm lợi ích của Công ty.

- Các thành viên HĐQT nhận diện một cách chủ động vai trò, trách nhiệm hỗ trợ đối với Ban điều hành và có sự chia sẻ kinh nghiệm, tương tác, trao đổi đối với Ban điều hành về nghiệp vụ quản trị Công ty.

4. Kết luận:

- HĐQT đã thực hiện đầy đủ chức năng đại diện của các chủ sở hữu trong việc giám sát hoạt động điều hành của Công ty, định hướng phù hợp và chỉ đạo kịp thời đảm bảo sử dụng hiệu quả các nguồn lực để đạt được các chỉ tiêu do Đại hội đồng cổ đông giao, trên cơ sở tuân thủ các quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty.

- Bên cạnh việc thực hiện chức năng quản lý, giám sát công tác điều hành của Ban điều hành, HĐQT đã phối hợp chặt chẽ với Ban điều hành tìm kiếm những giải pháp tháo gỡ khó khăn trong hoạt động sản xuất kinh doanh, công tác đầu tư trong năm 2024.



Năm 2024, mặc dù là năm gặp nhiều khó trong công tác sản xuất kinh doanh và công tác đầu tư nhưng với tinh thần trách nhiệm cao, đoàn kết, hợp tác thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực, cần trọng, HĐQT đã triển khai các giải pháp quyết liệt trong công tác giám sát, chỉ đạo Ban điều hành thực hiện các Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông, Nghị quyết/Quyết định HĐQT để thực hiện hoàn thành vượt mức các chỉ tiêu kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2024 và đã mua thành công Nhà máy thủy điện Nậm Nơn với công suất 20 MW tại xã Xá Lượng, huyện Tương Dương, tỉnh Nghệ An đảm bảo lợi ích cho Công ty và Cổ đông.

Trân trọng!

Nơi nhận:

- Như kg;
- Các TV HĐQT, BKS;
- Ban điều hành;
- Lưu VT, HĐQT

Thành viên HĐQT độc lập



Vũ Văn Tâm





TỔNG CÔNG TY
ĐIỆN LỰC DẦU KHÍ VIỆT NAM - CTCP
CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN HÒA NA

Số: 94 /HHC-BKS

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Nghệ An, ngày 24 tháng 3 năm 2025

BÁO CÁO
CỦA BAN KIỂM SOÁT VỀ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG NĂM 2024
VÀ KẾ HOẠCH NĂM 2025 TRÌNH ĐHĐCĐ THƯỜNG NIÊN NĂM 2025

Kính gửi: Quý vị cổ đông Công ty Cổ phần Thủy điện Hòa Na.

Căn cứ:

- Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/6/2020;
- Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Thủy điện Hòa Na;
- Quy chế hoạt động số 06/QĐ-BKS-HHC ngày 22/4/2021 của Ban kiểm soát;
- Nghị quyết số 24/ NQ-HHC-ĐHĐCĐ ngày 24/4/2024 của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024 Công ty Cổ phần Thủy điện Hòa Na.

Ban kiểm soát kính báo cáo Quý vị cổ đông Công ty Cổ phần Thủy điện Hòa Na, về kết quả hoạt động năm 2024 và kế hoạch năm 2025 của Ban kiểm soát với những nội dung như sau:

I. Hoạt động của Ban kiểm soát trong năm 2024.

1. Nhân sự Ban kiểm soát

Nhân sự Ban kiểm soát Công ty Cổ phần Thủy điện Hòa Na năm 2024, bao gồm các thành viên:

| TT | Họ và tên | Chức vụ | Thời gian |
|----|----------------|----------------|--|
| 1 | Võ Trung Chính | Trưởng BKS | Ngày 21/4/2023 được bầu với nhiệm kỳ 2023-2028 |
| 2 | Lê Đình Hiệu | Kiểm soát viên | Ngày 21/4/2023 được bầu với nhiệm kỳ 2023-2028 |
| 3 | Lê Vân Anh | Kiểm soát viên | Ngày 21/4/2023 được bầu với nhiệm kỳ 2023-2028 |

2. Phân công nhiệm vụ Ban kiểm soát:

2.1. Ông: Võ Trung Chính - Trưởng ban kiểm soát: Phụ trách chung.

- Giám sát Hội đồng quản trị và Giám đốc trong việc quản lý và điều hành sản xuất kinh doanh của công ty;

- Tham dự và tham gia thảo luận tại các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ), họp Hội đồng quản trị (HĐQT) và các cuộc họp khác của công ty;

- Lập kế hoạch, triển khai công tác, phân công nhiệm vụ cho các thành viên Ban kiểm soát;

- Thực hiện các nhiệm vụ khác theo quy định của Luật doanh nghiệp, Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty, Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát.

2.2. Ông Lê Đình Hiệu - Thành viên ban kiểm soát:

- Thẩm định tính đầy đủ, hợp pháp và trung thực của Báo cáo tài chính 06 tháng và hàng năm của công ty;

- Kiểm tra, kiểm soát, tính hệ thống, nhất quán và phù hợp của công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính;

- Kiểm tra, kiểm soát việc quản lý tài chính phù hợp với quy định của pháp luật, điều lệ của công ty và Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông;

- Xem xét sổ kế toán, ghi chép kế toán và các tài liệu khác của công ty, công việc quản lý, điều hành hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết hoặc theo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông hoặc theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông;

- Thực hiện các nhiệm vụ khác theo quy định của Luật doanh nghiệp, Điều lệ của Công ty, Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông, Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát và do Trưởng ban kiểm soát phân công.

2.3. Bà Lê Vân Anh - Thành viên ban kiểm soát:

- Thẩm định tính đầy đủ, hợp pháp và trung thực của Báo cáo tình hình kinh doanh 06 tháng và hàng năm của công ty;

- Rà soát hợp đồng, giao dịch với người có liên quan thuộc thẩm quyền phê duyệt của HĐQT hoặc ĐHĐCĐ;

- Rà soát, kiểm tra và đánh giá hiệu lực và hiệu quả của hệ thống kiểm soát nội bộ, kiểm toán nội bộ, quản lý rủi ro và cảnh báo sớm cho Công ty;

- Đánh giá tính hợp lý và hiệu quả trong việc thực hiện các dự án đầu tư mới của công ty;

- Kiểm tra, kiểm soát việc tuân thủ quy định công bố thông tin của Công ty;

- Xem xét hồ sơ và tài liệu liên quan đến kết quả sản xuất kinh doanh của công ty khi xét thấy cần thiết hoặc theo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông hoặc theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông;

- Thực hiện các nhiệm vụ khác theo quy định của Luật doanh nghiệp, Điều lệ của Công ty, Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông, Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát và do Trưởng ban kiểm soát phân công.

3. Kết quả hoạt động của Ban kiểm soát:

Trên cơ sở quyền và nghĩa vụ được quy định tại Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/6/2020, Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty và Quy

chế làm việc của Ban kiểm soát. Năm 2024, Ban kiểm soát Công ty đã tổ chức thực hiện các nhiệm vụ như sau:

- Báo cáo Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024 của Công ty về hoạt động của Ban kiểm soát; kết quả giám sát về tình hình hoạt động; thẩm định Báo cáo tài chính và kết quả kinh doanh của Công ty; kết quả giám sát Hội đồng quản trị, Giám đốc và cán bộ quản lý trong việc quản trị và điều hành Công ty.

- Giám sát việc tuân thủ Luật Doanh nghiệp, Điều lệ tổ chức và hoạt động của công ty, Nghị quyết đại hội đồng cổ đông năm 2024 của HĐQT và Giám đốc trong việc quản lý và điều hành hoạt động sản xuất năm 2024.

- Tham dự và tham gia thảo luận trong các cuộc họp ĐHĐCĐ, họp HĐQT, họp Công ty về các vấn đề liên quan đến hoạt động của công ty thuộc phạm vi và trách nhiệm của Ban kiểm soát.

- Thẩm định báo cáo tình hình kinh doanh, báo cáo tài chính 06 tháng và hàng năm của Công ty và báo cáo đánh giá công tác quản lý của HĐQT trong năm 2024. Kiểm tra, giám sát tình hình triển khai kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2024.

- Rà soát hợp đồng, giao dịch với người có liên quan thuộc thẩm quyền phê duyệt của HĐQT hoặc ĐHĐCĐ.

- Kiểm tra, kiểm soát việc tuân thủ quy định công bố thông tin của Công ty.

- Kiểm tra, xem xét và đánh giá một số nội dung khác trong hoạt động sản xuất kinh doanh.

4. Đánh giá kết quả hoạt động của Ban kiểm soát:

Với kết quả hoạt động năm 2024, Ban kiểm soát đánh giá cụ thể như sau:

- Ban kiểm soát đã thực hiện quyền và nghĩa vụ theo đúng quy định tại Luật Doanh nghiệp, Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty và Quy chế làm việc của Ban kiểm soát.

- Ban kiểm soát đã phát huy tốt chức năng của mình trong việc giám sát HĐQT, Ban giám đốc trong việc quản trị và điều hành Công ty. Ban kiểm soát đã triển khai nhiệm vụ có hiệu quả và phù hợp với tình hình sản xuất của công ty.

- Qua thực hiện nhiệm vụ, Ban kiểm soát đã có các đề xuất, kiến nghị với HĐQT để tăng cường công tác quản trị, quản lý rủi ro, đáp ứng yêu cầu phát triển kinh doanh của công ty.

- Trong quá trình hoạt động, để giải quyết kịp thời các công việc Ban kiểm soát thường xuyên trao đổi thông tin, thảo luận, lắng ý kiến các kiểm soát viên để thống nhất các vấn đề liên quan đến việc thực thi chức trách, nhiệm vụ của mình.

- Các kiểm soát viên đã hoàn thành tốt nhiệm vụ được phân công, theo sát tình hình hoạt động của Công ty nhằm phát hiện những rủi ro tiềm tàng, đề xuất các giải pháp khắc phục.

- Trong quá trình thực hiện nhiệm vụ, Ban kiểm soát luôn nhận được sự quan tâm, tạo điều kiện thuận lợi từ HĐQT, Ban giám đốc và các cán bộ quản lý trong công ty để Ban kiểm soát hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao.

5. Lương, thù lao và chi phí hoạt động của Ban kiểm soát

+ Đối với Trưởng Ban kiểm soát chuyên trách hưởng lương, thưởng theo Quy chế trả lương, thưởng và hiệu quả sản xuất kinh doanh của Công ty;

+ Đối với các thành viên Ban kiểm soát không chuyên trách hưởng thù lao theo quy định tại Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2024 (6 triệu đồng/người/tháng);

+ Các khoản chi phí hoạt động và lợi ích khác của Ban kiểm soát được chi trả tuân thủ theo Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2024 và Quy chế của Công ty;

+ Thu nhập của Ban kiểm soát trong năm 2024 là: 1,248 tỷ đồng.

II. Kết quả kiểm tra, giám sát năm 2024.

1. Thẩm định Báo cáo đánh giá công tác quản lý, điều hành của HĐQT

1.1. Cơ cấu HĐQT năm 2024:

Hội đồng quản trị năm 2022 gồm 05 thành viên, trong đó: 01 Chủ tịch HĐQT chuyên trách; 01 thành viên HĐQT kiêm Giám đốc; 01 thành viên HĐQT kiêm Phó giám đốc; 01 thành viên HĐQT kiêm nhiệm làm việc ở cổ đông Tổng Công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam - CTCP và 01 thành viên HĐQT độc lập.

1.2. Hoạt động của HĐQT năm 2024:

- Hội đồng quản trị (HĐQT) công ty đã tổ chức thực hiện đầy đủ Nghị quyết số 24/ NQ-HHC-ĐHĐCĐ ngày 24/4/2024 của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024 Công ty cổ phần thủy điện Hòa Na.

- HĐQT thực hiện đầy đủ vai trò, trách nhiệm trong công tác quản lý, kiểm tra, giám sát các hoạt động của công ty. HĐQT tiến hành 06 cuộc họp định kỳ hàng quý và chuyên đề; ban hành 84 Nghị quyết, Quyết định, cụ thể: Ban hành 13 Nghị quyết và 71 Quyết định, các Nghị quyết và Quyết định của HĐQT được ban hành phù hợp với các Quy định của Nhà nước, Điều lệ công ty, Nghị quyết của ĐHĐCĐ và tình hình sản xuất kinh doanh.

- HĐQT đã kiểm tra, giám sát các hoạt động sản xuất kinh doanh, kịp thời giải quyết các vấn đề phát sinh thuộc thẩm quyền HĐQT nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho hoạt động sản xuất của Công ty.

1.3. Kết quả thực hiện các Nghị quyết, Quyết định của HĐQT và một số nhiệm vụ trọng tâm:

- Năm 2024, Giám đốc công ty điều hành hoạt động sản xuất tuân thủ các Quy định của Nhà nước, Điều lệ công ty, Nghị quyết của ĐHĐCĐ, Nghị quyết và Quyết định của HĐQT.

- Giám đốc công ty đã triển khai thực hiện đầy đủ, kịp thời các nội dung theo Nghị quyết, Quyết định của HĐQT. Giám đốc đã tổ chức và điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh vượt các chỉ tiêu về sản lượng, doanh thu, lợi nhuận so với kế hoạch năm 2024, thực hiện đầy đủ nghĩa vụ giao nộp ngân sách nhà nước.

- Giám đốc tổ chức thực hiện đầy đủ các chế độ, chính sách cho người lao động; bảo đảm thu nhập về tiền lương, tiền thưởng kịp thời, ổn định; triển khai công tác đào tạo, nâng cao tay nghề cho người lao động; thực hiện công tác an sinh xã hội; thực hiện tốt công tác an ninh, an toàn, phòng chống cháy nổ và ATVSMT;...

2. Thẩm định Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

Năm 2024, Nhà máy vận hành an toàn, ổn định, sản xuất đạt hiệu quả. Cụ thể sản lượng, doanh thu, chi phí, lợi nhuận thực hiện năm 2024 so với năm 2023 và so với kế hoạch như sau:

| TT | Chỉ tiêu | ĐVT | TH năm 2023 | KH năm 2024 | TH năm 2024 | Tỷ lệ % | |
|------------|--|----------------|---------------|---------------|---------------|---------------|---------------|
| A | B | C | 1 | 2 | 3 | 4=3/1 | 5=3/2 |
| I | Sản lượng | Tr.kwh | 587,50 | 641,87 | 637,80 | 108,56 | 99,37 |
| 1 | Thủy điện Hòa Na | Tr.kwh | - | 619,59 | 635,13 | - | 102,51 |
| 2 | Thủy điện Nậm Nơn | Tr.kwh | - | 22,28 | 2,67 | - | 11,98 |
| II | Doanh thu | Tỷ đồng | 762,78 | 773,69 | 800,57 | 104,95 | 103,47 |
| 1 | Doanh thu bán điện | Tỷ đồng | 748,75 | 770,21 | 788,95 | 105,37 | 102,43 |
| 2 | Doanh thu tài chính | Tỷ đồng | 13,87 | 3,48 | 11,13 | 80,25 | 319,66 |
| 3 | Thu nhập khác | Tỷ đồng | 0,16 | 0,00 | 0,49 | 306,25 | - |
| III | Chi phí | Tỷ đồng | 513,57 | 584,27 | 516,15 | 100,50 | 88,34 |
| 1 | Chi phí sản xuất | Tỷ đồng | 479,02 | 558,01 | 504,54 | 105,33 | 90,42 |
| 2 | Chi phí tài chính | Tỷ đồng | 34,26 | 26,26 | 11,58 | 33,80 | 44,10 |
| 3 | Chi phí khác | Tỷ đồng | 0,29 | 0,00 | 0,03 | 10,34 | - |
| IV | Lợi nhuận trước thuế | Tỷ đồng | 249,21 | 189,42 | 284,42 | 114,13 | 150,15 |
| V | Thuế TNDN | Tỷ đồng | 12,69 | 9,47 | 14,67 | 115,60 | 154,89 |
| VI | Lợi nhuận sau thuế | Tỷ đồng | 236,52 | 179,95 | 269,75 | 114,05 | 149,90 |
| V | Thuế và các khoản phải nộp NSNN | Tỷ đồng | 174,15 | 183,77 | 164,19 | 94,28 | 89,35 |

Chỉ tiêu sản lượng thực hiện đạt 99,37% so với kế hoạch (trong đó Nhà máy thủy điện Hòa Na đạt 102,51%), chỉ tiêu chi phí thực hiện đạt 88,34% so với kế hoạch, chỉ tiêu doanh thu thực hiện đạt 103,47% so với kế hoạch, chỉ tiêu lợi nhuận sau thuế thực hiện đạt 149,90% so với kế hoạch. Để đạt được kết quả về sản lượng, doanh thu và lợi nhuận thực hiện vượt kế hoạch là do Công ty đã thực hiện tốt công

tác chào giá thị trường; thực hiện tiết kiệm, tiết giảm chi phí; công tác vận hành, bảo trì, bảo dưỡng nhà máy an toàn, hiệu quả.

3. Thẩm định Báo cáo tài chính năm 2024 đã được kiểm toán

Báo cáo tài chính năm 2024 đã được Công ty TNHH Kiểm toán An Việt kiểm toán và phát hành Báo cáo kiểm toán độc lập số: 65/2025/BCKT-AVI-TC1 ngày 11/3/2025. Ý kiến của kiểm toán viên: Báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Thủy điện Hòa Na tại ngày 31/12/2024 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp và các quy định pháp lý có liên quan tới việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

3.1. Cơ cấu Tài sản và Nguồn vốn tại thời điểm 31/12/2024:

Đơn vị tính: đồng

| TÀI SẢN | Mã số | Số cuối năm | Số đầu năm | Tỷ lệ % |
|--|------------|--------------------------|--------------------------|---------------|
| (1) | (2) | (3) | (4) | (5)=(3)/(4) |
| A. TÀI SẢN NGẮN HẠN | 100 | 624.050.350.473 | 465.699.762.533 | 134,00 |
| I. Tiền và các khoản tương đương tiền | 110 | 416.932.431.896 | 92.664.874.209 | 449,94 |
| II. Đầu tư tài chính ngắn hạn | 120 | - | - | - |
| III. Các khoản phải thu ngắn hạn | 130 | 131.901.447.943 | 350.715.891.733 | 37,61 |
| IV. Hàng tồn kho | 140 | 20.863.838.125 | 20.422.590.130 | 102,16 |
| V. Tài sản ngắn hạn khác | 150 | 54.352.632.509 | 1.896.406.461 | 2.866,09 |
| B. TÀI SẢN DÀI HẠN | 200 | 3.386.146.348.202 | 3.015.762.864.597 | 112,28 |
| I. Các khoản phải thu dài hạn | 210 | - | - | - |
| II. Tài sản cố định | 220 | 3.324.886.412.427 | 2.972.328.274.348 | 111,86 |
| III. Bất động sản đầu tư | 230 | - | - | - |
| IV. Tài sản dở dang dài hạn | 240 | 56.556.578.932 | 37.916.615.968 | 149,16 |
| V. Đầu tư tài chính dài hạn | 250 | - | - | - |
| VI. Tài sản dài hạn khác | 260 | 4.703.356.843 | 5.517.974.281 | 85,24 |
| TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200) | 270 | 4.010.196.698.675 | 3.481.462.627.130 | 115,19 |
| C. NỢ PHẢI TRẢ | 300 | 767.195.073.800 | 254.548.282.453 | 301,39 |
| I. Nợ ngắn hạn | 310 | 365.350.434.462 | 163.622.258.490 | 223,29 |
| II. Nợ dài hạn | 330 | 401.844.639.338 | 90.926.023.963 | 441,95 |

| | | | | |
|--|------------|--------------------------|--------------------------|---------------|
| D. NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU | 400 | 3.243.001.624.875 | 3.226.914.344.677 | 100,50 |
| I. Vốn của chủ sở hữu | 410 | 3.243.001.624.875 | 3.226.914.344.677 | 100,50 |
| II. Nguồn kinh phí và quỹ khác | 430 | - | - | - |
| TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400) | 440 | 4.010.196.698.675 | 3.481.462.627.130 | 115,19 |

3.2. Một số chỉ tiêu tài chính:

| TT | Chỉ tiêu | Đơn vị | 31/12/2024 | 31/12/2023 |
|----|--|--------|------------|------------|
| 1 | Hệ số bảo toàn vốn | Lần | 1,00 | 0,96 |
| 2 | Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên vốn chủ sở hữu (ROE) | % | 8,32 | 7,33 |
| 3 | Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên tài sản (ROA) | % | 6,73 | 6,79 |
| 4 | Hệ số khả năng thanh toán nhanh | Lần | 1,65 | 2,72 |
| 5 | Khả năng thanh toán nợ đến hạn | Lần | 1,71 | 2,85 |

4. Kiểm tra, xem xét và đánh giá một số nội dung khác:

4.1. Những công việc còn lại trong giai đoạn đầu tư của dự án:

Quyết toán dự án:

- Quyết toán giai đoạn 1: Quyết toán dự án hoàn thành nhà máy thủy điện Hòa Na (giai đoạn 1) với giá trị là: 6.474,33 tỷ đồng/7.092,3 tỷ đồng TMĐT (bao gồm thuế GTGT) đã được phê duyệt.

- Hiện nay, Công ty đang rà soát, hoàn thiện công tác quyết toán vốn giai đoạn 2 để trình cấp có thẩm quyền phê duyệt/thông qua với giá trị 213,17 tỷ đồng. Giá trị còn lại dự kiến phải thực hiện 65,7 tỷ đồng thuộc các hạng mục bồi thường, hỗ trợ và tái định cư còn vướng mắc đất sản xuất nông nghiệp có rừng tự nhiên theo Chỉ thị 13-CT/TW ngày 12/01/2017 của Ban Bí thư Trung ương Đảng nên chưa hoàn thành.

Trong thời gian tới, đề nghị Ban lãnh đạo Công ty tiếp tục tập trung phối hợp với các cấp chính quyền địa phương và các đơn vị có liên quan để thực hiện theo quy định và hoàn thành công tác quyết toán dự án thủy điện Hòa Na.

4.2. Tình hình cân đối dòng tiền và chi cho hoạt động sản xuất

Tính đến ngày 31/12/2024 Công ty đã hoàn thành việc trả nợ vay đầy đủ, kịp thời cho các tổ chức tín dụng và tổ chức sản xuất có hiệu quả. Cụ thể: Trong năm trả nợ gốc vay: 193,58 tỷ đồng; trả nợ lãi vay: 11,71 tỷ đồng; dư nợ vay đến 31/12/2024: 499,23 tỷ đồng; tiền gửi tại 31/12/2024: 416,93 tỷ đồng.

Tình hình dư nợ vay các hợp đồng tín dụng đầu tư dự án đến 31/12/2024:

Đơn vị: tỷ đồng

| TT | Hợp đồng | Lũy kế số đã giải ngân | Lũy kế trả nợ gốc 31/12/2024 | Dư nợ gốc vay 31/12/2024 | Ghi chú |
|----|--|------------------------------|------------------------------------|--------------------------------|---------|
| 1 | NH TMCP ĐT&PT VN - CN Quang Minh (HĐ 01/2024/2219756/HĐTD ngày 25/3/2024) | 104,98 | 40,00 | 64,98 | |
| 2 | NH TMCP Kỹ Thương VN (HĐ số MMD202113392590/HĐTD ngày 25/5/2021) | 64,39 | 38,94 | 25,45 | |
| 3 | NH TMCP Ngoại Thương VN (HĐ 01/2024/CVDA/VCBHN/VCBHN-TĐHN ngày 05/12/2024) | 408,80 | - | 408,80 | |
| | Tổng cộng | 578,17 | 78,94 | 499,23 | |

Theo kế hoạch năm 2025 dòng tiền chi là 986,89 tỷ đồng, trong đó: dòng tiền chi trả nợ gốc và lãi vay cùng các chi phí tài chính có liên quan là 234,39 tỷ đồng, dự kiến chi trả cổ tức cho các cổ đông là 235,23 tỷ đồng, các chi phí hoạt động sản xuất và nộp thuế là 301,43 tỷ đồng, chi đầu tư tài sản cố định là 215,83 tỷ đồng và chi cho công tác bồi thường, hỗ trợ và tái định cư là 24,01 tỷ đồng. Với đặc thù hoạt động sản xuất kinh doanh phụ thuộc nhiều vào yếu tố thủy văn, Ban kiểm soát đề nghị Ban lãnh đạo Công ty tính toán cân đối dòng tiền hợp lý để tránh các rủi ro thanh khoản cho Công ty và đảm bảo quyền lợi cho các cổ đông.

4.3. Công tác vận hành, sửa chữa bảo dưỡng, bảo trì Nhà máy:

Nhà máy vận hành an toàn, ổn định, hiệu quả, không có sự cố bất thường xảy ra, đáp ứng kế hoạch huy động điện của Công ty TNHH MTV Vận hành hệ thống điện và thị trường điện Quốc gia (NSMO).

4.4. Công tác quản lý và thực hiện hợp đồng

Về cơ bản Công ty đã thực hiện theo các quy định của Luật đấu thầu, các quy định, quy chế của Công ty. Ban kiểm soát đề nghị Ban lãnh đạo Công ty, trong quá trình quản lý và thực hiện hợp đồng luôn chú trọng kiểm tra, giám sát, bảo đảm tuân thủ các quy định pháp luật và quy định nội bộ của Công ty.

4.5. Công tác lao động, tiền lương

Lao động bình quân của Công ty tính đến ngày 31/12/2024 là 119 người. Người lao động Công ty được ký Hợp đồng lao động đầy đủ. Trong đó người lao động có việc làm, thu nhập ổn định; Tiền lương bình quân người lao động là 26,58 triệu đồng/người/tháng.

4.6. Công tác đào tạo

Năm 2024, Công ty tiếp tục thực hiện công tác đào tạo về năng lực chuyên môn, nghiệp vụ cho CBCNV. Công ty đã tổ chức các lớp đào tạo, tham quan học hỏi, tham gia các cuộc hội thảo..., với tổng giá trị 1,28 tỷ đồng. Công tác đào tạo và phát triển nguồn nhân lực được Công ty thực hiện bám sát theo kế hoạch, các lớp

học, khóa học được bố trí thời gian phù hợp, CBCNV tham gia đầy đủ, đảm bảo chất lượng, đáp ứng nhu cầu sản xuất kinh doanh của Công ty.

4.7. Kết quả kiểm tra, thanh tra trong kỳ của các cơ quan chức năng Nhà nước

Đề nghị Công ty khẩn trương thực hiện các kiến nghị còn tồn đọng theo Thông báo kết quả kiểm toán số 221/TB-KTNN ngày 18/8/2020 của Kiểm toán Nhà nước: Quyết toán giá trị bổ sung giai đoạn 2 dự án nhà máy thủy điện Hòa Na làm cơ sở để thực hiện đàm phán với EVN về giá phát điện; Làm việc với Bộ TN&MT, UBND tỉnh Nghệ An và các cơ quan chức năng có liên quan xử lý dứt điểm diện tích đất 251,89 ha đất nông nghiệp đã bàn giao cho các hộ dân phải thu hồi.

4.8. Rà soát hợp đồng, giao dịch giữa Công ty và các bên liên quan.

Công ty Cổ phần Thủy điện Hòa Na hiện không có công ty con, và Công ty không nắm giữ trên 50% vốn điều lệ hoặc tổng số cổ phần có quyền biểu quyết đối với bất kỳ công ty nào khác. Năm 2024 không phát sinh hợp đồng, giao dịch với người có liên quan thuộc thẩm quyền phê duyệt của HĐQT hoặc ĐHĐCĐ.

4.9. Công tác đầu tư phát triển các dự án mới.

Năm 2024, Công ty đã thực hiện đầu tư mua Nhà máy thủy điện Nậm Non có công suất 20 MW tại xã Xá Lượng, huyện Tương Dương, tỉnh Nghệ An với giá trị chuyển nhượng trước thuế là 640 tỷ đồng (Giá trị sau thuế là 691,2 tỷ đồng). Tiếp nhận bàn giao tài sản Nhà máy và ghi nhận sản lượng, doanh thu từ ngày 07/12/2024. Nhà máy thủy điện Nậm Non hiện đang vận hành an toàn, ổn định.

Ban kiểm soát đề nghị Ban lãnh đạo Công ty thực hiện tiếp nhận, giám sát chặt chẽ cơ chế vận hành nhà máy mới, đánh giá, rà soát công tác nhân sự nhằm đảm bảo công tác đầu tư có hiệu quả, phù hợp với mô hình, chiến lược phát triển của Công ty.

4.10. Công tác thực hiện dịch vụ ngoài và chào bán Chứng chỉ I-REC.

Năm 2024, Công ty đã thực hiện dịch vụ Đào tạo nhân viên vận hành Nhà máy thủy điện Nậm Sum 3 cho Công ty TNHH điện Nậm Sum 3, với giá trị hơn 51.000 USD và Công ty đã bán thành công Chứng chỉ năng lượng xanh I-REC cho sản lượng điện thương mại sản xuất hàng năm, với giá trị hơn 100.000 USD. Hiện nay, Công ty đang chào bán Chứng chỉ năng lượng xanh I-REC cho sản lượng điện trong giai đoạn 2025-2027.

4.11. Đánh giá sự tuân thủ trong việc công bố thông tin.

Trong năm 2024, Công ty đã thực hiện đầy đủ công tác công bố thông tin theo quy định tại Thông tư 96/2020/TT-BTC. Ban kiểm soát đề nghị trong thời gian tới Công ty cần tiếp tục quan tâm công tác công bố thông tin để đảm bảo tuân thủ đầy đủ các quy định của pháp luật.

4.12. Hoàn thiện các thủ tục liên quan để hoàn thành việc cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền trên đất tại Nhà máy trong năm 2024.

Công ty đã hoàn thành việc cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền trên đất tại Nhà máy thủy điện Hòa Na. Trong thời gian tới đề nghị lãnh đạo Công ty tiếp tục quan tâm thực hiện các kiến nghị của Ban kiểm soát đã nêu.

4.13. Chi trả cổ tức cho các cổ đông.

Đại hội đồng cổ đông năm 2024 đã thông qua việc chi trả cổ tức bằng tiền với mức 10% vốn điều lệ tại Nghị quyết số 24/ NQ-HHC-ĐHĐCĐ ngày 24/4/2024 của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024. Công ty hoàn thành việc chi trả cổ tức cho các cổ đông với tổng số tiền là 235.232.210.000 đồng trong năm 2024.

4.14. Đánh giá sự phối hợp hoạt động giữa Ban kiểm soát, HĐQT và Ban giám đốc và các cổ đông.

Ban kiểm soát đã chủ động xây dựng kế hoạch trình ĐHCĐ thông qua làm cơ sở thực hiện và triển khai thực hiện kế hoạch tuân thủ các quy định của Luật doanh nghiệp, Điều lệ của Công ty. Thực hiện trách nhiệm và nghĩa vụ của mình một cách độc lập, tự chịu trách nhiệm về kết quả hoạt động của Ban kiểm soát.

Thực hiện chế độ báo cáo ĐHCĐ, công bố thông tin theo đúng quy định hiện hành. Tuyệt đối bảo vệ quyền lợi của các cổ đông, thông tin báo cáo tới ĐHCĐ một cách trung thực, cẩn trọng, chính xác. Trong năm không phát sinh bất cứ yêu cầu nào từ các cổ đông về các hoạt động kiểm soát bất thường.

HĐQT và Ban giám đốc đã tạo điều kiện thuận lợi để Ban kiểm soát thực hiện nhiệm vụ kiểm tra, giám sát, tham gia các cuộc họp của HĐQT và được cung cấp đầy đủ các thông tin liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

III. Đề xuất và kiến nghị của Ban kiểm soát.

Để tăng cường và nâng cao hiệu quả công tác quản trị rủi ro, đảm bảo các hoạt động quản lý, sản xuất kinh doanh của Công ty an toàn và hiệu quả cao. Ban kiểm soát kiến nghị HĐQT, Ban giám đốc Công ty khẩn trương xem xét, chỉ đạo, thực hiện các nội dung:

1. Vận hành Nhà máy an toàn, hiệu quả. Chủ động thực hiện công tác điều tiết hồ chứa; chào giá linh hoạt trên thị trường; cân đối dòng tiền; tiết kiệm, tiết giảm chi phí;... phấn đấu hoàn thành vượt mức các chỉ tiêu kế hoạch SXKD 2025 đã được phê duyệt.

2. Hoàn thiện các thủ tục chuyển đổi, điều chỉnh đối với Quy trình vận hành hồ chứa, Phương án bảo vệ đập và cấp Giấy phép hoạt động điện lực dài hạn Nhà máy thủy điện Nậm Nơn theo quy định của Hợp đồng chuyển nhượng.

3. Đối với công tác Bồi thường, hỗ trợ và tái định cư: Đề nghị HĐQT công ty chỉ đạo, Ban giám đốc phối hợp với các bên liên quan để sớm hoàn thành những công việc còn vướng mắc trong công tác Bồi thường, hỗ trợ và tái định cư trên cơ sở đảm bảo đúng các quy định hiện hành và tổng chi phí thực hiện không vượt quá TMDT hiệu chỉnh lần 3 đã được phê duyệt.

4. Hoàn thành nội dung kiến nghị còn lại tại Thông báo kết quả kiểm toán số 221/TB-KTNN ngày 18/8/2020 của Kiểm toán Nhà nước.

IV. Kế hoạch hoạt động năm 2025 của Ban kiểm soát.

Thực hiện quyền và nghĩa vụ được quy định tại Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/6/2020, Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty và Quy chế làm việc của Ban kiểm soát.

1. Giám sát việc tuân thủ Luật Doanh nghiệp, Điều lệ tổ chức và hoạt động của công ty, Nghị quyết đại hội đồng cổ đông năm 2025 của HĐQT và Giám đốc trong việc quản lý và điều hành hoạt động sản xuất năm 2025.

2. Dự họp và tham gia ý kiến trong các cuộc họp ĐHĐCĐ, họp HĐQT, và các cuộc họp khác của Công ty.

3. Thẩm định báo cáo tình hình kinh doanh, báo cáo tài chính 06 tháng và hàng năm của Công ty và báo cáo đánh giá công tác quản lý của HĐQT trong năm 2025. Kiểm tra, giám sát tình hình triển khai kế hoạch hoạt động sản xuất năm 2025.

4. Kiểm tra, rà soát hợp đồng, giao dịch với người có liên quan thuộc thẩm quyền phê duyệt của HĐQT hoặc ĐHĐCĐ theo quy định.

5. Thực hiện chế độ các báo cáo định kỳ theo đúng các quy chế, quy định hiện hành của Ban kiểm soát.

6. Thực hiện các nhiệm vụ khác theo quy định của Luật doanh nghiệp, Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty, Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông, Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát.

Ban kiểm soát kính trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025, Báo cáo của Ban kiểm soát về kết hoạt động năm 2024, kế hoạch hoạt động năm 2025 và xin tiếp thu các ý kiến tham gia của Quý vị cổ đông. Ban kiểm soát trân trọng cảm ơn sự tín nhiệm của Quý vị cổ đông và sự hợp tác của HĐQT, Ban điều hành Công ty giúp Ban kiểm soát hoàn thành nhiệm vụ được giao.

Trân trọng!

Nơi nhận :

- Như trên;
- Lưu BKS.

**TM. BAN KIỂM SOÁT
TRƯỞNG BAN**



Võ Trung Chính

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN HỦA NA
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

Nghệ An, tháng 03 năm 2025

MỤC LỤC

| NỘI DUNG | TRANG |
|--------------------------------------|--------|
| BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC | 2 |
| BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP | 3 |
| BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN | 4 - 5 |
| BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH | 6 |
| BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ | 7 |
| THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH | 8 - 26 |

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Thủy điện Hủa Na ("Công ty") trình bày báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính đã được kiểm toán của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024 và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng quản trị

| | |
|----------------------|-------------------------|
| Ông Hoàng Xuân Thành | Chủ tịch |
| Ông Bùi Huy Thành | Thành viên |
| Ông Nguyễn Xuân Sơn | Thành viên |
| Ông Lê Hải Long | Thành viên |
| Ông Vũ Văn Tâm | Thành viên HĐQT độc lập |

Ban Giám đốc

| | |
|------------------------|--------------|
| Ông Bùi Huy Thành | Giám đốc |
| Ông Nguyễn Xuân Sơn | Phó giám đốc |
| Ông Đoàn Văn Trường | Phó giám đốc |
| Ông Nguyễn Trọng Thạch | Phó giám đốc |

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc có trách nhiệm lập báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024 phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Tuân thủ Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Thiết lập và áp dụng kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận;
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp và các quy định pháp lý có liên quan tới việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Thay mặt và đại diện Ban Giám đốc,



Bùi Huy Thành
Giám đốc

Nghệ An, ngày 11 tháng 03 năm 2025

Số: 65/2025/BCKT-AVI-TC1

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: **Các cổ đông**
Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Thủy điện Hòa Na

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Thủy điện Hòa Na (gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 11/03/2025, từ trang 4 đến trang 26, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2024, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và bản thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Thủy điện Hòa Na tại ngày 31/12/2024 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp và các quy định pháp lý có liên quan tới việc lập và trình bày báo cáo tài chính.



Vũ Bình Minh
Tổng giám đốc
Giấy CN ĐKHN kiểm toán số 0034-2023-055-1

Đoàn Thu Hằng
Kiểm toán viên
Giấy CN ĐKHN kiểm toán số 1396-2023-055-1

Thay mặt và đại diện cho
CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN AN VIỆT
Hà Nội, ngày 11 tháng 03 năm 2025

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
 Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024

MÃ SỐ B01 - DN
 Đơn vị tính: VND

| CHỈ TIÊU | Mã số | Thuyết minh | 31/12/2024 | 01/01/2024 |
|--|------------|-------------|--------------------------|--------------------------|
| A - TÀI SẢN NGẮN HẠN | 100 | | 624.050.350.473 | 465.699.762.533 |
| I. Tiền và các khoản tương đương tiền | 110 | 5 | 416.932.431.896 | 92.664.874.209 |
| 1. Tiền | 111 | | 136.932.431.896 | 6.864.874.209 |
| 2. Các khoản tương đương tiền | 112 | | 280.000.000.000 | 85.800.000.000 |
| II. Các khoản phải thu ngắn hạn | 130 | | 131.901.447.943 | 350.715.891.733 |
| 1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng | 131 | 6 | 126.868.777.106 | 345.898.650.093 |
| 2. Trả trước cho người bán ngắn hạn | 132 | 7 | 4.012.072.120 | 4.457.994.479 |
| 3. Phải thu ngắn hạn khác | 136 | 8 | 1.020.598.717 | 359.247.161 |
| III. Hàng tồn kho | 140 | 9 | 20.863.838.125 | 20.422.590.130 |
| 1. Hàng tồn kho | 141 | | 20.863.838.125 | 20.422.590.130 |
| IV. Tài sản ngắn hạn khác | 150 | | 54.352.632.509 | 1.896.406.461 |
| 1. Chi phí trả trước ngắn hạn | 151 | 10 | 7.497.411.393 | 489.386.417 |
| 2. Thuế GTGT được khấu trừ | 152 | | 46.855.221.116 | 1.407.020.044 |
| B - TÀI SẢN DÀI HẠN | 200 | | 3.386.146.348.202 | 3.015.762.864.597 |
| I. Tài sản cố định | 220 | | 3.324.886.412.427 | 2.972.328.274.348 |
| 1. Tài sản cố định hữu hình | 221 | 14 | 3.324.886.412.427 | 2.972.328.274.348 |
| - Nguyên giá | 222 | | 6.540.789.975.953 | 5.897.151.831.242 |
| - Giá trị hao mòn lũy kế | 223 | | (3.215.903.563.526) | (2.924.823.556.894) |
| II. Tài sản dở dang dài hạn | 240 | | 56.556.578.932 | 37.916.615.968 |
| 1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang | 242 | 11 | 56.556.578.932 | 37.916.615.968 |
| V. Tài sản dài hạn khác | 260 | | 4.703.356.843 | 5.517.974.281 |
| 1. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn | 263 | | 4.703.356.843 | 5.517.974.281 |
| TỔNG CỘNG TÀI SẢN | 270 | | 4.010.196.698.675 | 3.481.462.627.130 |

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)
 Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024

MẪU SỐ B01 - DN
 Đơn vị tính: VND

| CHỈ TIÊU | Mã số | Thuyết minh | 31/12/2024 | 01/01/2024 |
|--|------------|-------------|--------------------------|--------------------------|
| C - NỢ PHẢI TRẢ | 300 | | 767.195.073.800 | 254.548.282.453 |
| I. Nợ ngắn hạn | 310 | | 365.350.434.462 | 163.622.258.490 |
| 1. Phải trả người bán ngắn hạn | 311 | 15 | 197.866.212.865 | 23.646.071.048 |
| 2. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước | 313 | 16 | 13.767.910.579 | 11.217.485.264 |
| 3. Phải trả người lao động | 314 | | 17.343.706.413 | 14.641.017.253 |
| 4. Chi phí phải trả ngắn hạn | 315 | 12 | 6.087.692.292 | 5.263.914.689 |
| 5. Phải trả ngắn hạn khác | 319 | 13 | 9.084.726.303 | 7.552.611.906 |
| 6. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn | 320 | 17 | 97.851.723.064 | 88.591.084.002 |
| 7. Dự phòng phải trả ngắn hạn | 321 | | - | 123.163.779 |
| 8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi | 322 | | 23.348.462.946 | 12.586.910.549 |
| II. Nợ dài hạn | 330 | | 401.844.639.338 | 90.926.023.963 |
| 1. Phải trả dài hạn khác | 337 | 13 | 460.990.591 | 490.652.152 |
| 2. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn | 338 | 17 | 401.383.648.747 | 90.435.371.811 |
| D - VỐN CHỦ SỞ HỮU | 400 | | 3.243.001.624.875 | 3.226.914.344.677 |
| I. Vốn chủ sở hữu | 410 | 18 | 3.243.001.624.875 | 3.226.914.344.677 |
| 1. Vốn góp của chủ sở hữu | 411 | | 2.352.322.103.444 | 2.352.322.103.444 |
| - Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết | 411a | | 2.352.322.103.444 | 2.352.322.103.444 |
| 2. Vốn khác của chủ sở hữu | 414 | | 64.985.781.295 | 64.985.781.295 |
| 3. Quỹ đầu tư phát triển | 418 | | 94.204.113.656 | 70.551.901.463 |
| 4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối | 421 | | 731.489.626.480 | 739.054.558.475 |
| - LNST chưa PPLK đến cuối năm trước | 421a | | 461.736.894.282 | 502.532.436.547 |
| - LNST chưa phân phối năm nay | 421b | | 269.752.732.198 | 236.522.121.928 |
| TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN | 440 | | 4.010.196.698.675 | 3.481.462.627.130 |

Nghệ An, ngày 11 tháng 03 năm 2025

Người lập

Nguyễn Phan Mạnh Hiền

Kế toán trưởng

Trần Thị Thu Hà

Giám đốc



Bùi Huy Thành

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

MẪU SỐ B02 - DN
Đơn vị tính: VND

| CHỈ TIÊU | Mã số | Thuyết minh | Năm 2024 | Năm 2023 |
|--|-------|-------------|-----------------|-----------------|
| 1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ | 01 | 20 | 788.945.850.435 | 748.752.815.653 |
| 2. Các khoản giảm trừ doanh thu | 02 | | - | - |
| 3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ | 10 | | 788.945.850.435 | 748.752.815.653 |
| 4. Giá vốn hàng bán | 11 | 21 | 466.549.996.777 | 445.653.424.780 |
| 5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ | 20 | | 322.395.853.658 | 303.099.390.873 |
| 6. Doanh thu hoạt động tài chính | 21 | 22 | 11.132.575.886 | 13.865.433.074 |
| 7. Chi phí tài chính | 22 | 23 | 11.574.664.692 | 34.255.995.726 |
| - Trong đó: Chi phí lãi vay | 23 | | 9.892.403.392 | 33.327.955.977 |
| 8. Chi phí bán hàng | 25 | | - | - |
| 9. Chi phí quản lý doanh nghiệp | 26 | 24 | 37.991.113.063 | 33.364.926.312 |
| 10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh | 30 | | 283.962.651.789 | 249.343.901.909 |
| 11. Thu nhập khác | 31 | 26 | 490.795.823 | 160.682.578 |
| 12. Chi phí khác | 32 | 27 | 34.262.540 | 293.638.309 |
| 13. Lợi nhuận khác | 40 | | 456.533.283 | (132.955.731) |
| 14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế | 50 | | 284.419.185.072 | 249.210.946.178 |
| 15. Chi phí thuế TNDN hiện hành | 51 | 28 | 14.666.452.874 | 12.688.824.250 |
| 16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại | 52 | | - | - |
| 17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp | 60 | | 269.752.732.198 | 236.522.121.928 |
| 18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu | 70 | 29 | 1.147 | 927 |

Nghệ An, ngày 11 tháng 03 năm 2025

Người lập

Nguyễn Phan Mạnh Hiền

Kế toán trưởng

Trần Thị Thu Hà

Giám đốc



Bùi Huy Thành

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(Theo phương pháp gián tiếp)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

MẪU SỐ B03 - DN
Đơn vị tính: VND

| CHỈ TIÊU | Mã số | Năm 2024 | Năm 2023 |
|--|-----------|--------------------------|--------------------------|
| I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH | | | |
| 1. Lợi nhuận trước thuế | 01 | 284.419.185.072 | 249.210.946.178 |
| 2. Điều chỉnh cho các khoản | | | |
| - Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT | 02 | 292.354.703.690 | 284.509.042.077 |
| - Các khoản dự phòng | 03 | (123.163.779) | 123.163.779 |
| - Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ | 04 | (62.801.239) | - |
| - Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư | 05 | (11.185.210.461) | (13.960.496.778) |
| - Chi phí lãi vay | 06 | 9.892.403.392 | 33.827.955.977 |
| 3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước | 08 | 575.295.116.675 | 553.710.611.233 |
| - Tăng, giảm các khoản phải thu | 09 | 173.807.514.255 | (149.007.241.621) |
| - Tăng, giảm hàng tồn kho | 10 | 373.369.443 | 1.608.985.816 |
| - Tăng, giảm các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp) | 11 | 23.798.424.273 | (8.661.517.089) |
| - Tăng, giảm chi phí trả trước | 12 | (7.008.024.976) | (100.736.092) |
| - Tiền lãi vay đã trả | 14 | (11.714.354.065) | (38.395.499.885) |
| - Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp | 15 | (13.677.474.545) | (17.392.069.878) |
| - Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh | 17 | (7.263.549.518) | (7.710.915.486) |
| Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh | 20 | 733.611.021.542 | 334.051.616.998 |
| II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ | | | |
| 1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TSDH khác | 21 | (506.669.068.166) | (16.010.488.085) |
| 2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TSDH khác | 22 | 175.181.819 | 95.063.704 |
| 3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác | 23 | (90.000.000.000) | (55.000.000.000) |
| 4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác | 24 | 90.000.000.000 | 255.000.000.000 |
| 5. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia | 27 | 10.568.880.012 | 15.023.839.999 |
| Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư | 30 | (495.925.006.335) | 199.108.415.618 |
| III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH | | | |
| 1. Tiền thu từ đi vay | 33 | 513.784.560.000 | 33.790.830.519 |
| 2. Tiền trả nợ gốc vay | 34 | (193.575.644.002) | (369.024.526.557) |
| 3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu | 36 | (233.690.051.850) | (350.905.554.925) |
| Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính | 40 | 86.518.864.148 | (686.139.250.963) |
| Lưu chuyển tiền thuần trong năm | 50 | 324.204.879.355 | (152.979.218.347) |
| Tiền và tương đương tiền đầu năm | 60 | 92.664.874.209 | 245.644.092.556 |
| Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ | 61 | 62.678.332 | - |
| Tiền và tương đương tiền cuối năm | 70 | 416.932.431.896 | 92.664.874.209 |

Nghệ An, ngày 11 tháng 03 năm 2025

Người lập



Nguyễn Phan Mạnh Hiền

Kế toán trưởng



Trần Thị Thu Hà

Giám đốc



Bùi Huy Thành

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Thủy điện Hủa Na (gọi tắt "Công ty") được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 2900797430 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Nghệ An cấp lần đầu ngày 16/05/2007, đăng ký thay đổi lần thứ 10 ngày 03/01/2023.

Vốn điều lệ của Công ty theo Giấy chứng nhận kinh doanh điều chỉnh là 2.352.322.100.000 đồng tương ứng với 235.232.210 cổ phần, mệnh giá cổ phần là 10.000 đồng/cổ phần. Từ ngày 12/01/2024, Cổ phiếu của Công ty được niêm yết trên Sở giao dịch Thành phố Hồ Chí Minh với mã cổ phiếu là HNA.

Trụ sở chính của Công ty tại tầng 9, tòa nhà Dầu khí Nghệ An, số 07, đường Quang Trung, phường Quang Trung, Thành phố Vinh, Tỉnh Nghệ An.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31/12/2024 là 140 người (tại ngày 31/12/2023 là 117 người)

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

- Sản xuất, truyền tải và phân phối điện. Chi tiết: sản xuất, mua bán điện năng;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đầu. Chi tiết: Cho thuê văn phòng;
- Khai thác quặng sắt;
- Lắp đặt hệ thống điện;
- Buôn bán máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác. Chi tiết: Mua bán máy móc, vật tư thiết bị phục vụ ngành điện;
- Bán buôn tổng hợp;
- Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác. Chi tiết: Đầu tư xây dựng công trình thủy điện;
- Khai thác quặng kim loại khác không chứa sắt;
- Khai thác quặng kim loại quý hiếm;
- Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê;
- Dịch vụ lưu trú ngắn ngày. Chi tiết: Kinh doanh khách sạn;
- Xây dựng nhà để ở. Chi tiết: Đầu tư xây dựng nhà để ở;
- Xây dựng nhà không để ở. Chi tiết: Đầu tư xây dựng văn phòng, trung tâm thương mại, nhà hàng, khách sạn;
- Dịch vụ đặt chỗ và các dịch vụ hỗ trợ liên quan đến quảng bá và tổ chức tour du lịch;
- Sửa chữa máy móc, thiết bị;
- Sửa chữa thiết bị điện
- Kiểm tra và phân tích kỹ thuật. Chi tiết: Kiểm tra, đo lường, thí nghiệm hiệu chỉnh thiết bị Nhà máy thủy điện;
- Hoạt động tư vấn quản lý. Chi tiết: Dịch vụ tư vấn quản lý dự án, tư vấn giám sát thi công xây dựng công trình;
- Hoạt động thiết kế chuyên dụng. Chi tiết: Thiết kế, thẩm tra thiết kế xây dựng;
- Giáo dục khác chưa được phân vào đầu. Chi tiết: Đào tạo cung cấp nguồn nhân lực về quản lý vận hành, bảo dưỡng sửa chữa và chuyển giao công nghệ các nhà máy thủy điện.

Hoạt động chính của Công ty là quản lý và vận hành Nhà máy Thủy điện Hủa Na.

Trong năm 2024, Công ty đã nhận chuyển nhượng toàn bộ dự án Nhà máy Thủy điện Nậm Nơn từ Công ty Cổ phần Tổng công ty Phát triển Năng lượng Nghệ An. Nhà máy Thủy điện Nậm Nơn có công suất 20MW, được xây dựng tại xã Xá Lượng và xã Lượng Minh, huyện Tương Dương, tỉnh Nghệ An.

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

Từ ngày 07/12/2024, Công ty đã nhận bàn giao các công trình hạ tầng và toàn bộ tài sản, trang thiết bị, nhân sự (vận hành và sửa chữa), các quyền và nghĩa vụ và lợi ích gắn liền và có liên quan đến Nhà máy Thủy điện Nậm Non.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

2. NIÊN ĐỘ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

Niên độ kế toán của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 năm dương lịch.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán: Đồng Việt Nam (VND).

3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), được lập dựa trên các nguyên tắc kế toán phù hợp với quy định của Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành tại Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính, Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.



4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

4.1. Cơ sở lập báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ một số thông tin liên quan đến lưu chuyển tiền tệ), theo nguyên tắc giá gốc, dựa trên giả thiết hoạt động liên tục.

4.2. Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

4.3. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền phản ánh toàn bộ số tiền hiện có của Công ty tại ngày kết thúc niên độ kế toán bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn và tiền đang chuyển.

Các khoản tương đương tiền phản ánh các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 03 tháng kể từ ngày đầu tư có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo, được ghi nhận phù hợp với quy định của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 24 - Báo cáo lưu chuyển tiền tệ.

4.4. Chuyển đổi ngoại tệ

Nguyên tắc chuyển đổi ngoại tệ được thực hiện theo quy định của chuẩn mực kế toán Việt Nam (VAS) số 10 - Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái và Chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành.

Trong năm, các nghiệp vụ kinh tế phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi sang VND theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày phát sinh hoặc tỷ giá ghi sổ kế toán. Chênh lệch tỷ giá phát sinh được phản ánh vào doanh thu hoạt động tài chính (nếu lãi) và chi phí tài chính (nếu lỗ). Các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày kết thúc niên độ kế toán. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại được phản ánh vào chênh lệch tỷ giá hối đoái và số dư được kết chuyển sang doanh thu hoạt động tài chính (nếu lãi) hoặc chi phí tài chính (nếu lỗ) tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

4.5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Phân ánh các khoản đầu tư mà Công ty có ý định và khả năng nắm giữ đến ngày đáo hạn có kỳ hạn còn lại không quá 12 tháng (ngắn hạn) và trên 12 tháng (dài hạn) kể từ thời điểm báo cáo (ngoài các khoản chứng khoán kinh doanh), bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu) với mục đích thu lãi hàng kỳ.

Công ty căn cứ kỳ hạn còn lại kể từ thời điểm báo cáo của các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn để phân loại là dài hạn hoặc ngắn hạn.

Khi có các bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được và số tổn thất được xác định một cách đáng tin cậy thì tổn thất được ghi nhận vào chi phí tài chính trong năm và giảm trừ trực tiếp vào giá trị đầu tư. Dự phòng đối với các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn có bản chất tương tự các khoản phải thu khó có khả năng thu hồi được trích lập tương tự phải thu khó đòi.

4.6. Các khoản phải thu và dự phòng phải thu khó đòi

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn gốc, kỳ hạn còn lại tại thời điểm báo cáo, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty. Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng, phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc:

- Phải thu của khách hàng gồm các khoản phải thu mang tính thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua - bán, bao gồm cả các khoản phải thu về tiền bán hàng, xuất khẩu ủy thác cho đơn vị khác;
- Phải thu khác gồm các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua - bán, bao gồm: Phải thu về lãi cho vay, lãi tiền gửi; các khoản đã chi hộ; phải thu về tiền phạt, bồi thường; các khoản tạm ứng; cầm cố, ký cược, ký quỹ, cho mượn tài sản.

Công ty căn cứ kỳ hạn còn lại tại thời điểm báo cáo của các khoản phải thu để phân loại là phải thu dài hạn hoặc ngắn hạn.

Các khoản phải thu được ghi nhận không vượt quá giá trị có thể thu hồi. Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ trên sáu tháng trở lên hoặc các khoản phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị giải thể, phá sản hay các khó khăn tương tự phù hợp với các quy định của Chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành.

4.7. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp thực tế đích danh. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành, chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh. Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được của chúng tại ngày kết thúc niên độ kế toán được trích lập phù hợp với chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành.

4.8. Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử.

Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu được ghi tăng nguyên giá của tài sản nếu chúng thực sự cải thiện trạng thái hiện tại so với trạng thái tiêu chuẩn ban đầu của tài sản đó, như:

- Thay đổi bộ phận của tài sản cố định hữu hình làm tăng thời gian sử dụng hữu ích, hoặc làm tăng công suất sử dụng của chúng; hoặc

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

- Cải tiến bộ phận của tài sản cố định hữu hình làm tăng đáng kể chất lượng sản phẩm sản xuất ra; hoặc
- Áp dụng quy trình công nghệ sản xuất mới làm giảm chi phí hoạt động của tài sản so với trước.

Các chi phí phát sinh để sửa chữa, bảo dưỡng nhằm mục đích khôi phục hoặc duy trì khả năng đem lại lợi ích kinh tế của tài sản theo trạng thái hoạt động tiêu chuẩn ban đầu, không thỏa mãn một trong các điều kiện trên, được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian sử dụng ước tính của tài sản, phù hợp với khung khấu hao theo quy định tại Thông tư 45/2013/TT-BTC ngày 25/04/2013 của Bộ Tài chính. Cụ thể như sau:

| | Năm |
|---------------------------------|---------|
| Nhà cửa, vật kiến trúc | 06 - 25 |
| Máy móc thiết bị | 03 - 15 |
| Phương tiện vận tải, truyền dẫn | 06 - 10 |
| Thiết bị quản lý | 03 - 05 |
| Tài sản cố định khác | 05 |

4.9. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang được ghi nhận theo giá gốc, phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp (bao gồm cả chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty) đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt để phục vụ cho mục đích sản xuất, cho thuê và quản lý cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa tài sản cố định đang thực hiện. Việc khấu hao các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

4.10. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Các khoản chi phí trả trước bao gồm chi phí sửa chữa tài sản cố định khắc phục sự cố có giá trị lớn và các khoản trả trước khác được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty. Chi phí sửa chữa tài sản cố định được phân bổ vào báo cáo kết quả kinh doanh trong thời gian không quá 36 tháng kể từ thời điểm phát sinh. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước và được phân bổ vào báo cáo kết quả kinh doanh, sử dụng phương pháp đường thẳng theo các quy định kế toán hiện hành.

4.11. Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn gốc, kỳ hạn còn lại tại thời điểm báo cáo, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty. Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc:

- Phải trả người bán gồm các khoản phải trả mang tính thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua - bán, bao gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác;
- Phải trả khác gồm các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ, bao gồm: Phải trả về lãi vay; cổ tức và lợi nhuận phải trả; chi phí hoạt động đầu tư tài chính phải trả; các khoản phải trả do bên thứ ba chi hộ; mượn tài sản; phải trả về tiền phạt, bồi thường; tài sản phát hiện thừa chưa rõ nguyên nhân; phải trả về các khoản bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, kinh phí công đoàn; các khoản nhận ký cược, ký quỹ...

Công ty căn cứ kỳ hạn còn lại tại thời điểm báo cáo của các khoản nợ phải trả để phân loại là dài hạn hoặc ngắn hạn.

Các khoản nợ phải trả được ghi nhận không thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán. Khi có các bằng chứng cho thấy một khoản tổn thất có khả năng xảy ra, Công ty ghi nhận ngay một khoản phải trả theo nguyên tắc thận trọng.

4.12. Chi phí phải trả

Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả cho các hàng hóa, dịch vụ đã sử dụng trong năm tài chính do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán, bao gồm: lãi tiền vay, chi phí phải trả các nhà thầu và chi phí hoạt động khác.

4.13. Các khoản dự phòng phải trả

Các khoản dự phòng phải trả phản ánh dự phòng cho việc sửa chữa, bảo dưỡng tài sản cố định nhà máy thủy điện Hòa Na. Các khoản dự phòng phải trả hàng kỳ được ghi nhận dựa trên cơ sở ước tính của Công ty về tổng giá trị các khoản phí cần thiết để thực hiện công việc bảo dưỡng, sửa chữa cho mỗi chu kỳ bảo dưỡng, sửa chữa tài sản cố định là 48 tháng và phân bổ đều cho số tháng thực hiện. Chi phí thực tế bỏ ra để thực hiện công việc bảo dưỡng, sửa chữa tài sản cố định phát sinh trong kỳ được hạch toán giảm vào số dự phòng phải trả.

4.14. Vay và nợ thuê tài chính

Các khoản đi vay và nợ thuê tài chính được theo dõi chi tiết theo từng đối tượng cho vay, cho nợ, từng khối ước vay nợ và từng loại tài sản vay nợ; theo kỳ hạn phải trả của các khoản vay, nợ thuê tài chính và theo nguyên tệ (nếu có). Các khoản có thời gian trả nợ còn lại trên 12 tháng kể từ thời điểm báo cáo được trình bày là vay và nợ thuê tài chính dài hạn. Các khoản đến hạn trả trong vòng 12 tháng tiếp theo kể từ thời điểm báo cáo được trình bày là vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn.

4.15. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư, xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng), để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán, được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hóa) khi có đủ các điều kiện quy định của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 16 - Chi phí đi vay. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng từ 12 tháng trở xuống.

4.16. Ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm, hàng hóa cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại sản phẩm, hàng hóa đã mua theo những điều kiện cụ thể, Công ty chỉ được ghi nhận doanh thu khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại sản phẩm, hàng hóa (trừ trường hợp khách hàng có quyền trả lại hàng hóa dưới hình thức đổi lại để lấy hàng hóa, dịch vụ khác);
- Công ty đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được các chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu bán điện được ghi nhận căn cứ vào biên bản tổng hợp giao nhận điện năng giữa Công ty và Công ty Mua bán điện - Tập đoàn Điện lực Việt Nam. Doanh thu được ghi nhận bao gồm các khoản thuế tài nguyên nước, phí bảo vệ môi trường rừng và phí cấp quyền sử dụng nước mặt tính trong giá quyết toán hàng tháng với Công ty Mua bán điện - Tập đoàn Điện lực Việt Nam.

Doanh thu hoạt động tài chính phát sinh từ lãi tiền gửi được xác định tương đối chắc chắn trên cơ sở số dư tiền gửi, cho vay và lãi suất thực tế từng kỳ.

Thu nhập khác phản ánh các khoản thu nhập phát sinh từ các sự kiện hay các nghiệp vụ riêng biệt với hoạt động kinh doanh thông thường của Công ty, ngoài các khoản doanh thu nêu trên.

4.17. Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại. Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các quy định thuế hiện hành tại Việt Nam.

4.18. Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan với Công ty nếu có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động hoặc có chung các thành viên quản lý chủ chốt hoặc cùng chịu sự chi phối của một công ty khác (cùng chung Tổng Công ty).

Các cá nhân có quyền trực tiếp hoặc gián tiếp biểu quyết dẫn đến có ảnh hưởng đáng kể tới Công ty, kể cả các thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này (bố, mẹ, vợ, chồng, con, anh, chị em ruột).

Các nhân viên quản lý chủ chốt có quyền và trách nhiệm về việc lập kế hoạch, quản lý và kiểm soát các hoạt động của Công ty: những người lãnh đạo, các nhân viên quản lý của Công ty và các thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này.

Các doanh nghiệp do các cá nhân được nêu ở trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phần quan trọng quyền biểu quyết hoặc thông qua việc này người đó có thể có ảnh hưởng đáng kể tới Công ty, bao gồm những doanh nghiệp được sở hữu bởi những người lãnh đạo hoặc các cổ đông chính của Công ty và những doanh nghiệp có chung một thành viên quản lý chủ chốt với Công ty.

5. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

| | 31/12/2024 | 01/01/2024 |
|--------------------------------|------------------------|-----------------------|
| | VND | VND |
| Tiền mặt | 285.106.136 | 175.082.652 |
| Tiền gửi ngân hàng | 136.647.325.760 | 6.689.791.557 |
| Các khoản tương đương tiền (*) | 280.000.000.000 | 85.800.000.000 |
| Cộng | 416.932.431.896 | 92.664.874.209 |

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN HÒA NÁ

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

MẪU SỐ B09 - DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

(*) Các khoản tương đương tiền phản ánh các khoản tiền gửi có kỳ hạn tại các ngân hàng thương mại với kỳ hạn gốc là 01 tháng, lãi suất từ 3,7%/năm đến 4,65%/năm.

6. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

| | 31/12/2024 | 01/01/2024 |
|--|------------------------|------------------------|
| | VND | VND |
| Công ty Mua bán điện - Tập đoàn Điện lực Việt Nam | 121.306.490.799 | 345.887.497.962 |
| Công ty Cổ phần Tổng công ty Phát triển năng lượng Nghệ An | 5.268.973.675 | - |
| Các khách hàng khác | 293.312.632 | 11.152.131 |
| Cộng | 126.868.777.106 | 345.898.650.093 |

7. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

| | 31/12/2024 | 01/01/2024 |
|--|----------------------|----------------------|
| | VND | VND |
| Công ty TNHH Thương mại và Xây dựng Sơn Lâm | 1.570.669.438 | - |
| Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng & Kiểm định Anh Phương | - | 475.204.938 |
| Công ty TNHH Xây dựng Thạch Phát | 305.100.205 | 898.923.545 |
| Công ty Cổ phần Đại Tam Sơn | - | 980.704.896 |
| Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Công trình Thăng Long | 323.301.900 | 323.301.900 |
| Các nhà cung cấp khác | 1.813.000.577 | 1.779.859.200 |
| Cộng | 4.012.072.120 | 4.457.994.479 |

8. PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC

| | 31/12/2024 | | 01/01/2024 | |
|------------------------|----------------------|----------|--------------------|----------|
| | Giá trị | Dự phòng | Giá trị | Dự phòng |
| | VND | VND | VND | VND |
| Lãi dự thu | 538.780.823 | - | 97.632.193 | - |
| Tạm ứng | 283.627.198 | - | 46.310.298 | - |
| Ký quỹ ngắn hạn | 34.332.000 | - | 26.332.000 | - |
| Phải thu ngắn hạn khác | 163.858.696 | - | 188.972.670 | - |
| Cộng | 1.020.598.717 | - | 359.247.161 | - |

9. HÀNG TỒN KHO

| | 31/12/2024 | | 01/01/2024 | |
|-----------------------|-----------------------|----------|-----------------------|----------|
| | Giá gốc | Dự phòng | Giá gốc | Dự phòng |
| | VND | VND | VND | VND |
| Nguyên liệu, vật liệu | 20.546.928.934 | - | 20.421.090.130 | - |
| Công cụ, dụng cụ | 316.909.191 | - | 1.500.000 | - |
| Cộng | 20.863.838.125 | - | 20.422.590.130 | - |

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

10. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC NGẮN HẠN

| | 31/12/2024 | 01/01/2024 |
|-------------------------------------|----------------------|--------------------|
| | VND | VND |
| Chi phí sửa chữa, bảo dưỡng tài sản | 6.857.905.868 | - |
| Chi phí bảo hiểm nhân thọ | 210.330.000 | 206.550.000 |
| Chi phí bảo hiểm sản xuất, vận hành | 34.293.092 | 34.293.087 |
| Công cụ, dụng cụ | 241.634.167 | - |
| Chi phí khác | 153.248.266 | 248.543.330 |
| Cộng | 7.497.411.393 | 489.386.417 |

11. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

| | 31/12/2024 | 01/01/2024 |
|---|-----------------------|-----------------------|
| | VND | VND |
| Chi phí xây dựng công trình Nhà máy Thủy điện | 54.008.334.976 | 35.433.004.894 |
| Mua sắm tài sản cố định | 907.272.727 | - |
| Chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định | - | 1.641.076.357 |
| Chi phí xây dựng khác | 1.640.971.229 | 842.534.717 |
| Cộng | 56.556.578.932 | 37.916.615.968 |

12. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

| | 31/12/2024 | 01/01/2024 |
|----------------------------|----------------------|----------------------|
| | VND | VND |
| Lãi vay dự trả | 1.832.549.030 | 3.654.499.703 |
| Chi phí phải trả nhà thầu | 1.058.963.062 | 1.058.963.062 |
| Chi phí nhãn hiệu phải trả | 2.492.109.462 | - |
| Chi phí phải trả khác | 704.070.738 | 550.451.924 |
| Cộng | 6.087.692.292 | 5.263.914.689 |

13. PHẢI TRẢ KHÁC

| | 31/12/2024 | 01/01/2024 |
|--|----------------------|----------------------|
| | VND | VND |
| Ngắn hạn | 9.084.726.303 | 7.552.611.906 |
| Các loại thuế, phí tạm tính chưa kê khai (*) | 5.324.463.676 | 5.057.397.009 |
| Kinh phí công đoản, các khoản bảo hiểm | 70.021.385 | 175.012.939 |
| Cổ tức phải trả | 2.910.100.825 | 1.942.760.075 |
| Các khoản phải trả, phải nộp khác | 780.140.417 | 377.441.883 |
| Dài hạn | 460.990.591 | 490.652.152 |
| Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn | 460.990.591 | 490.652.152 |
| Cộng | 9.545.716.894 | 8.043.264.058 |

(*) Phản ánh số dư phải trả Cục thuế tỉnh Nghệ An và Quỹ bảo vệ môi trường và phát triển rừng tỉnh Nghệ An về các khoản phải nộp về thuế tài nguyên, thuế giá trị gia tăng, phí bảo vệ môi trường và phí cấp quyền sử dụng nước mặt mà Công ty tạm tính, chưa kê khai và nộp cho Cục thuế tỉnh Nghệ An và Quỹ bảo vệ môi trường và phát triển rừng tỉnh Nghệ An.

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN HỦA NA

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

MẪU SỐ B09 - DN

14. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

| | Nhà cửa và vật kiến trúc | Máy móc thiết bị | Phương tiện vận tải | Thiết bị văn phòng | TSCĐ khác | Cộng |
|--|-----------------------------|---------------------|------------------------|-----------------------|-------------|-------------------|
| | VND | VND | VND | VND | | VND |
| NGUYÊN GIÁ | | | | | | |
| Tại ngày 01/01/2024 | 4.514.772.303.636 | 1.364.756.633.829 | 11.198.644.143 | 6.339.249.634 | 85.000.000 | 5.897.151.831.242 |
| Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành | 3.087.030.430 | - | - | - | - | 3.087.030.430 |
| Mua trong năm | 470.089.102.975 | 171.390.898.549 | - | 575.349.900 | 178.600.000 | 642.233.951.424 |
| Thanh lý, nhượng bán | - | - | (1.682.837.143) | - | - | (1.682.837.143) |
| Tại ngày 31/12/2024 | 4.987.948.437.041 | 1.536.147.532.378 | 9.515.807.000 | 6.914.599.534 | 263.600.000 | 6.540.789.975.953 |
| GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ | | | | | | |
| Tại ngày 01/01/2024 | 1.980.401.603.279 | 932.120.110.618 | 6.484.889.312 | 5.804.345.349 | 12.608.336 | 2.924.823.556.894 |
| Khấu hao trong năm | 185.862.940.294 | 105.808.592.581 | 687.800.148 | 374.027.951 | 29.482.801 | 292.762.843.775 |
| Thanh lý, nhượng bán | - | - | (1.682.837.143) | - | - | (1.682.837.143) |
| Tại ngày 31/12/2024 | 2.166.264.543.573 | 1.037.928.703.199 | 5.489.852.317 | 6.178.373.300 | 42.091.137 | 3.215.903.563.526 |
| GIÁ TRỊ CÒN LẠI | | | | | | |
| Tại ngày 01/01/2024 | 2.534.370.700.357 | 432.636.523.211 | 4.713.754.831 | 534.904.285 | 72.391.664 | 2.972.328.274.348 |
| Tại ngày 31/12/2024 | 2.821.683.893.468 | 498.218.829.179 | 4.025.954.683 | 736.226.234 | 221.508.863 | 3.324.886.412.427 |
| Nguyên giá TSCĐ hết khấu hao còn sử dụng | 15.039.375.380 | 3.266.951.067 | 2.637.805.455 | 5.768.302.765 | - | 26.712.434.667 |

Như đã trình bày ở thuyết minh số 16, Công ty đã thế chấp toàn bộ giá trị tài sản hình thành từ Dự án Đầu tư xây dựng Nhà máy Thủy điện Hủa Na và Nhà máy Thủy điện Nậm Nơn để đảm bảo cho các khoản tiền vay ngân hàng.

15. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

| | 31/12/2024 | | 01/01/2024 | |
|--|------------------------|------------------------|-----------------------|-----------------------|
| | Giá trị | Số có khả năng trả nợ | Giá trị | Số có khả năng trả nợ |
| | VND | VND | VND | VND |
| Bên liên quan | | | | |
| Tổng công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam - CTCP | 52.218.299 | 52.218.299 | 298.938.239 | 298.938.239 |
| Phải trả người bán khác | | | | |
| Công ty Cổ phần Tổng công ty Phát triển năng lượng Nghệ An | 181.200.000.000 | 181.200.000.000 | - | - |
| Công ty TNHH Xây dựng Thạch Phát | 867.435.869 | 867.435.869 | 2.201.709.735 | 2.201.709.735 |
| Công ty Cổ phần Truyền dẫn Long Biên | 1.722.932.283 | 1.722.932.283 | 11.710.183.142 | 11.710.183.142 |
| Các nhà cung cấp khác | 14.023.626.414 | 14.023.626.414 | 9.435.239.932 | 9.435.239.932 |
| Cộng | 197.866.212.865 | 197.866.212.865 | 23.646.071.048 | 23.646.071.048 |

16. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

| | 01/01/2024 | Số phải nộp trong năm | Số đã nộp trong năm | 31/12/2024 |
|--------------------------------|-----------------------|------------------------|------------------------|-----------------------|
| | VND | VND | VND | VND |
| Thuế giá trị gia tăng | - | 52.059.581.318 | 52.059.581.318 | - |
| Thuế thu nhập doanh nghiệp | 4.612.295.873 | 14.666.452.874 | 13.677.474.545 | 5.601.274.202 |
| Thuế thu nhập cá nhân | 699.227.931 | 2.922.942.305 | 2.310.609.759 | 1.311.560.477 |
| Thuế tài nguyên nước | - | 64.741.583.961 | 64.741.583.961 | - |
| Phí bảo vệ môi trường rừng | 5.905.961.460 | 22.976.338.104 | 22.027.223.664 | 6.855.075.900 |
| Phí cấp quyền sử dụng nước mặt | - | 9.365.469.000 | 9.365.469.000 | - |
| Các loại thuế, phí khác | - | 12.075.000 | 12.075.000 | - |
| Cộng | 11.217.485.264 | 166.744.442.562 | 164.194.017.247 | 13.767.910.579 |

17. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH

| | 01/01/2024 | | Trong năm | | 31/12/2024 | |
|---|------------------------|------------------------|------------------------|------------------------|------------------------|------------------------|
| | Giá trị | Số có khả năng trả nợ | Tăng | Giảm | Giá trị | Số có khả năng trả nợ |
| | VND | VND | VND | VND | VND | VND |
| Vay ngắn hạn | 11.724.360.938 | 11.724.360.938 | - | 11.724.360.938 | - | - |
| Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam | 11.724.360.938 | 11.724.360.938 | - | 11.724.360.938 | - | - |
| Nợ dài hạn đến hạn trả | 76.866.723.064 | 76.866.723.064 | 202.836.283.064 | 181.851.283.064 | 97.851.723.064 | 97.851.723.064 |
| Ngân hàng TMCP An Bình | 60.000.000.000 | 60.000.000.000 | 64.984.560.000 | 124.984.560.000 | - | - |
| Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam (1) | 16.866.723.064 | 16.866.723.064 | 16.971.723.064 | 16.866.723.064 | 16.971.723.064 | 16.971.723.064 |
| Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Quang Minh (2) | - | - | 80.000.000.000 | 40.000.000.000 | 40.000.000.000 | 40.000.000.000 |
| Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Hà Nội (3) | - | - | 40.880.000.000 | - | 40.880.000.000 | 40.880.000.000 |
| Vay dài hạn | 90.435.371.811 | 90.435.371.811 | 513.784.560.000 | 202.836.283.064 | 401.383.648.747 | 401.383.648.747 |
| Ngân hàng TMCP An Bình | 64.984.560.000 | 64.984.560.000 | - | 64.984.560.000 | - | - |
| Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam (1) | 25.450.811.811 | 25.450.811.811 | - | 16.971.723.064 | 8.479.088.747 | 8.479.088.747 |
| Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Quang Minh (2) | - | - | 104.984.560.000 | 80.000.000.000 | 24.984.560.000 | 24.984.560.000 |
| Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Hà Nội (3) | - | - | 408.800.000.000 | 40.880.000.000 | 367.920.000.000 | 367.920.000.000 |
| Cộng | 179.026.455.813 | 179.026.455.813 | 716.620.843.064 | 396.411.927.066 | 499.235.371.811 | 499.235.371.811 |

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN HỦA NA

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

MẪU SỐ B09 - DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

Thông tin các hợp đồng vay của Công ty tại ngày 31/12/2024 như sau:

| TT | Ngân hàng | Số hợp đồng | Hạn mức (tỷ đồng) | Mục đích | Thời hạn | Lãi suất tại 31/12/2024 | Tài sản đảm bảo |
|-----|---|--------------------------------------|-------------------|--|---|-------------------------|--|
| (1) | Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam | MMD202113392590/HDTD ngày 25/05/2021 | 100 | Thanh toán các khoản chi phí thi công, giải phóng mặt bằng dự án Nhà máy Thủy điện Hòa Na | 60 tháng từ kể ngày giải ngân đầu tiên | 7,275% | Bảo lãnh thanh toán của Tổng công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam (bên liên quan) và các tài sản bảo đảm khác được các bên thỏa thuận sử dụng đảm bảo cho toàn bộ nghĩa vụ nợ tại Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam |
| (2) | Ngân hàng TMCP Đầu tư và phát triển Việt Nam - Chi nhánh Quang Minh | 01/2024/2219756/HĐTĐ ngày 25/03/2024 | 104,98 | Trả nợ trước hạn các khoản vay đầu tư dự án Nhà máy Thủy điện Hòa Na tại Ngân hàng TMCP An Bình - Chi nhánh Hà Nội | Tương đương thời hạn còn lại của các khoản vay Dự án tại Ngân hàng TMCP An Bình - Chi nhánh Hà Nội: - Khoản vay 1: HĐĐ số 124.12/HĐTĐ/II ngày 17/12/2012 và các phụ lục hợp đồng kèm theo. Thời hạn vay: 31/12/2024 - Khoản vay 2: HĐĐ số 182/16/TĐ-TT/II ngày 21/1/2016 và các phụ lục hợp đồng kèm theo. Thời hạn vay: 30/01/2026 | 5,20% | Giá trị máy móc, thiết bị, công trình xây dựng của Dự án Nhà máy Thủy điện Hòa Na |

| | | | | | | | |
|-----|---|--|--------|--|--|----|--|
| (3) | Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Hà Nội | 01/2024/CVDA/VCBHN-THUYDIENHUANA ngày 05/12/2024 | 489,62 | Tài trợ cho các nhu cầu tín dụng hợp pháp, hợp lý hợp lệ liên quan đến việc thực hiện Dự án đầu tư mua Nhà máy thủy điện Nậm Nơn | 120 tháng kể từ ngày tiếp theo của ngày giải ngân đầu tiên | 6% | <ul style="list-style-type: none"> - Thế chấp toàn bộ máy móc thiết bị và các động sản khác thuộc Nhà máy thủy điện Nậm Nơn - Thế chấp toàn bộ quyền sử dụng đất và toàn bộ công trình xây dựng và tài sản gắn liền với đất thuộc Nhà máy thủy điện Nậm Nơn - Thế chấp toàn bộ quyền phát sinh từ Nhà máy thủy điện Nậm Nơn, bao gồm nhưng không giới hạn quyền phát sinh từ hợp đồng mua bán điện, quyền khai thác vận hành nhà máy, quyền phát sinh từ hợp đồng chuyển nhượng, quyền thụ hưởng các khoản bồi thường có thể nhận được từ bên thứ 3 |
|-----|---|--|--------|--|--|----|--|

Chi tiết lịch trả nợ của khoản vay dài hạn như sau:

| | 31/12/2024 | 01/01/2024 |
|----------------------|------------------------|------------------------|
| | VND | VND |
| Trong vòng 1 năm | 97.851.723.064 | 76.866.723.064 |
| Trên 1 năm đến 5 năm | 196.983.648.747 | 90.435.371.811 |
| Trên 5 năm | 204.400.000.000 | - |
| Cộng | 499.235.371.811 | 167.302.094.875 |

18. VỐN CHỦ SỞ HỮU

Bảng đối chiếu biến động vốn chủ sở hữu

| | Vốn góp của chủ sở hữu | Vốn khác của chủ sở hữu | Quỹ đầu tư phát triển | LNST chưa phân phối | Cộng |
|-------------------------------------|---------------------------|----------------------------|--------------------------|------------------------|-------------------|
| | VND | VND | VND | VND | VND |
| Tại ngày 01/01/2023 | 2.352.322.103.444 | 64.985.781.295 | 12.204.520.935 | 928.180.872.075 | 3.357.693.277.749 |
| Lãi trong năm | - | - | - | 236.522.121.928 | 236.522.121.928 |
| Trích quỹ đầu tư và phát triển | - | - | 58.347.380.528 | (58.347.380.528) | - |
| Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi | - | - | - | (13.675.140.000) | (13.675.140.000) |
| Trích quỹ thưởng người quản lý | - | - | - | (777.600.000) | (777.600.000) |
| Chi cổ tức bằng tiền | - | - | - | (352.848.315.000) | (352.848.315.000) |
| Tại ngày 01/01/2024 | 2.352.322.103.444 | 64.985.781.295 | 70.551.901.463 | 739.054.558.475 | 3.226.914.344.677 |
| Lãi trong năm | - | - | - | 269.752.732.198 | 269.752.732.198 |
| Trích quỹ đầu tư và phát triển (*) | - | - | 23.652.212.193 | (23.652.212.193) | - |
| Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (*) | - | - | - | (17.681.400.000) | (17.681.400.000) |
| Trích quỹ thưởng người quản lý (*) | - | - | - | (751.842.000) | (751.842.000) |
| Chia cổ tức bằng tiền (*) | - | - | - | (235.232.210.000) | (235.232.210.000) |
| Tại ngày 31/12/2024 | 2.352.322.103.444 | 64.985.781.295 | 94.204.113.656 | 731.489.626.480 | 3.243.001.624.875 |

(*) Công ty phân phối lợi nhuận theo Nghị quyết đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024 số 24/NQ-HHC-ĐHĐCĐ ngày 24/04/2024.

Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

| | 31/12/2024 | | 01/01/2024 | |
|---|-------------------|--------|-------------------|--------|
| | Giá trị | Tỷ lệ | Giá trị | Tỷ lệ |
| Tổng công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam - CTCP | 1.898.727.600.000 | 80,72% | 1.898.727.600.000 | 80,72% |
| Ngân hàng Thương mại Cổ phần Bắc Á | 115.500.000.000 | 4,91% | 115.500.000.000 | 4,91% |
| Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân đội | 105.000.000.000 | 4,46% | 105.000.000.000 | 4,46% |
| Tổng công ty Lắp máy Việt Nam | 87.200.270.000 | 3,71% | 87.200.270.000 | 3,71% |
| Các cổ đông khác | 145.894.230.000 | 6,20% | 145.894.230.000 | 6,20% |
| Cộng | 2.352.322.100.000 | 100% | 2.352.322.100.000 | 100% |

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

Cổ phiếu

| | 31/12/2024 | 01/01/2024 |
|--|-------------|-------------|
| Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành | 235.232.210 | 235.232.210 |
| Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng | 235.232.210 | 235.232.210 |
| - Cổ phiếu phổ thông | 235.232.210 | 235.232.210 |
| Số lượng cổ phiếu được mua lại (cổ phiếu quỹ) | - | - |
| Số lượng cổ phiếu đang lưu hành | 235.232.210 | 235.232.210 |
| - Cổ phiếu phổ thông | 235.232.210 | 235.232.210 |
| Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (VND/cổ phiếu) | 10.000 | 10.000 |

19. KHOẢN MỤC NGOẠI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

| | 31/12/2024 | 01/01/2024 |
|----------------|------------|------------|
| Đô la Mỹ (USD) | 125.746,16 | - |

20. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

| | Năm 2024 VND | Năm 2023 VND |
|----------------------------------|------------------------|------------------------|
| Doanh thu bán điện | 689.073.349.942 | 661.994.144.806 |
| Các khoản thuế, phí gián thu (*) | 96.764.762.522 | 86.758.670.847 |
| Doanh thu khác | 3.107.737.971 | - |
| Cộng | 788.945.850.435 | 748.752.815.653 |

(*) Phản ánh các khoản thuế tài nguyên nước, phí bảo vệ môi trường rừng và phí cấp quyền sử dụng nước mặt.

21. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

| | Năm 2024 VND | Năm 2023 VND |
|----------------------------------|------------------------|------------------------|
| Giá vốn sản xuất điện | 368.341.734.648 | 358.894.753.933 |
| Các khoản thuế, phí gián thu (*) | 96.764.762.522 | 86.758.670.847 |
| Giá vốn khác | 1.443.499.607 | - |
| Cộng | 466.549.996.777 | 445.653.424.780 |

(*) Phản ánh các khoản thuế tài nguyên nước, phí bảo vệ môi trường rừng và phí cấp quyền sử dụng nước mặt.

22. DOANH THU TÀI CHÍNH

| | Năm 2024 VND | Năm 2023 VND |
|------------------------|-----------------------|-----------------------|
| Lãi tiền gửi ngân hàng | 11.010.028.642 | 13.865.433.074 |
| Lãi chênh lệch tỷ giá | 122.547.244 | - |
| Cộng | 11.132.575.886 | 13.865.433.074 |

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

23. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

| | Năm 2024 | Năm 2023 |
|-----------------------------------|-----------------------|-----------------------|
| | VND | VND |
| Chi phí lãi vay | 9.892.403.392 | 33.327.955.977 |
| Phí trả nợ trước hạn | 1.574.768.400 | 156.277.714 |
| Phí bảo lãnh các hợp đồng vay | 47.471.181 | 271.762.035 |
| Phí bảo lãnh phát hành trái phiếu | - | 500.000.000 |
| Lỗi chênh lệch tỷ giá | 60.021.719 | - |
| Cộng | 11.574.664.692 | 34.255.995.726 |

24. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

| | Năm 2024 | Năm 2023 |
|----------------------------------|-----------------------|-----------------------|
| | VND | VND |
| Chi phí nhân viên | 23.602.432.985 | 21.672.690.571 |
| Chi phí vật liệu quản lý | 572.359.946 | 883.849.996 |
| Chi phí khấu hao tài sản cố định | 1.503.864.684 | 1.373.057.275 |
| Thuế, phí và lệ phí | 13.275.000 | 82.445.696 |
| Chi phí dịch vụ mua ngoài | 4.066.042.925 | 2.643.555.634 |
| Chi phí khác | 8.233.137.523 | 6.709.327.140 |
| Cộng | 37.991.113.063 | 33.364.926.312 |

25. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

| | Năm 2024 | Năm 2023 |
|--|------------------------|------------------------|
| | VND | VND |
| Chi phí nguyên liệu, vật liệu | 11.126.522.563 | 10.801.939.482 |
| Chi phí nhân công | 56.579.371.476 | 51.650.958.999 |
| Chi phí khấu hao tài sản cố định | 292.354.703.690 | 284.509.042.077 |
| Chi phí dịch vụ mua ngoài | 31.127.918.951 | 27.518.474.276 |
| Chi phí thuê tài nguyên, phí môi trường rừng và phí cấp quyền sử dụng nước mặt | 96.764.762.522 | 86.758.670.847 |
| Chi phí khác | 16.587.830.638 | 17.779.265.411 |
| Cộng | 504.541.109.840 | 479.018.351.092 |

26. THU NHẬP KHÁC

| | Năm 2024 | Năm 2023 |
|--------------------------------------|--------------------|--------------------|
| | VND | VND |
| Thu nhập từ thanh lý tài sản cố định | 175.181.819 | - |
| Các khoản thu nhập khác | 315.614.004 | 160.682.578 |
| Cộng | 490.795.823 | 160.682.578 |

27. CHI PHÍ KHÁC

| | Năm 2024 | Năm 2023 |
|-------------------------------------|-------------------|--------------------|
| | VND | VND |
| Phạt hành chính, phạm chậm nộp thuế | 28.963.285 | 162.596.890 |
| Chi phí khác | 5.299.255 | 131.041.419 |
| Cộng | 34.262.540 | 293.638.309 |

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

28. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

| | Năm 2024 | Năm 2023 |
|--|------------------------|------------------------|
| | VND | VND |
| Lợi nhuận kế toán trước thuế thu nhập doanh nghiệp | 284.419.185.072 | 249.210.946.178 |
| Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế | | |
| - Trừ: Thu nhập không chịu thuế | - | - |
| - Cộng: Các khoản chi phí không được khấu trừ | 3.917.157.320 | 4.425.787.468 |
| Thu nhập chịu thuế | 288.336.342.392 | 253.636.733.646 |
| <i>Trong đó, chi tiết theo hoạt động</i> | | |
| Hoạt động kinh doanh thông thường được ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp | | |
| - Thu nhập chịu thuế hoạt động kinh doanh thông thường | 286.672.104.028 | 253.636.733.646 |
| - Thuế suất | 10% | 10% |
| - Thuế TNDN phải nộp tính trên thu nhập chịu thuế | 28.667.210.403 | 25.363.673.365 |
| - Thuế TNDN được giảm | 14.333.605.202 | 12.681.836.683 |
| - Thuế TNDN phải nộp (a) | 14.333.605.201 | 12.681.836.682 |
| Hoạt động kinh doanh khác | | |
| - Thu nhập chịu thuế hoạt động khác không được ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp | 1.664.238.364 | - |
| - Thuế suất | 20% | 20% |
| - Thuế TNDN phải nộp (b) | 332.847.673 | - |
| Thuế TNDN bổ sung của các năm trước (c) | - | 6.987.568 |
| Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành (a)+(b)+(c) | 14.666.452.874 | 12.688.824.250 |

Dự án đầu tư Nhà máy Thủy điện Hủa Na là dự án đầu tư mới tại huyện Quế Phong, tỉnh Nghệ An thuộc địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn theo Nghị định số 124/2008/NĐ-CP ngày 11 tháng 12 năm 2008 và Nghị định số 218/2013/NĐ-CP ngày 26/12/2013 của Chính phủ.

Theo Luật thuế thu nhập doanh nghiệp số 14/2008/QH12 ngày 03/6/2008 của Quốc hội, được sửa đổi, bổ sung bởi Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật thuế thu nhập doanh nghiệp số 32/2013/QH13 ngày 19/6/2013, đối với hoạt động kinh doanh điện, Công ty được hưởng ưu đãi thuế suất 10% trong 15 năm đầu hoạt động tính trên thu nhập chịu thuế, được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong bốn (04) năm kể từ năm đầu tiên kinh doanh có thu nhập chịu thuế (năm 2013) và giảm 50% cho chín (09) năm tiếp theo (từ năm 2017). Thời gian miễn thuế, giảm thuế được tính liên tục từ năm đầu tiên Công ty có thu nhập chịu thuế từ dự án đầu tư được hưởng ưu đãi thuế.

Trong năm 2024, Công ty đầu tư mua lại Nhà máy Thủy điện Nậm Nơn từ Công ty Cổ phần Tổng công ty Phát triển Năng lượng Nghệ An. Nhà máy Thủy điện Nậm Nơn là dự án đầu tư mới tại huyện Tương Dương, tỉnh Nghệ An thuộc địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn theo Nghị định 218/2013/NĐ-CP ngày 26/12/2013 của Chính phủ. Dự án Nhà máy thủy điện Nậm Nơn được hưởng ưu đãi được hưởng ưu đãi thuế suất 10% trong 15 năm đầu hoạt động tính trên thu nhập chịu thuế, được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong bốn (04) năm kể từ năm đầu tiên kinh doanh có thu nhập chịu thuế (năm 2014) và giảm 50% cho chín (09) năm tiếp theo (từ năm 2018). Thời gian miễn thuế, giảm thuế được tính liên tục từ năm đầu tiên có thu nhập chịu thuế từ dự án đầu tư được hưởng ưu đãi thuế. Công ty được nhận chuyển tiếp quyền được hưởng ưu đãi về thuế TNDN trong thời gian còn lại.

Đối với các hoạt động kinh doanh khác, Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo thuế suất hiện hành tính trên thu nhập chịu thuế.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc điều chỉnh (nếu có) sẽ được Công ty thực hiện khi có kết quả kiểm tra chính thức của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

29. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

| | Năm 2024 | Năm 2023 |
|---|-----------------|------------------|
| | VND | VND |
| Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông | 269.752.732.198 | 236.522.121.928 |
| Trích quỹ khen thưởng phúc lợi | - | (18.433.242.000) |
| Lợi nhuận để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu | 269.752.732.198 | 218.088.879.928 |
| Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm | 235.232.210 | 235.232.210 |
| Lãi cơ bản trên cổ phiếu | 1.147 | 927 |

Tại thời điểm 31/12/2024, Công ty chưa phân phối lợi nhuận năm 2024, theo đó lãi cơ bản trên cổ phiếu năm 2024 có thể được điều chỉnh, phụ thuộc vào việc trích các quỹ của Công ty từ lợi nhuận sau thuế sau khi được thông qua tại Đại hội cổ đông thường niên. Lãi cơ bản trên cổ phiếu năm 2024 đã được trình bày lại do ảnh hưởng của việc phân phối lợi nhuận năm 2023 theo Nghị quyết đại hội cổ đông thường niên năm 2024 số 24/NQ-HHC-ĐHĐCĐ ngày 24/04/2024.

30. CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG

Công ty đã ký kết Hợp đồng thuê đất số 134/HĐ-TĐ ngày 09/09/2011 với Ủy ban Nhân dân tỉnh Nghệ An về việc thuê 809.930 m² đất tại xã Đồng Văn, huyện Quế Phong, tỉnh Nghệ An để thực hiện xây dựng Nhà máy Thủy điện Hòa Na. Thời hạn thuê đất là 46 năm kể từ ngày 09/09/2011 đến ngày 28/03/2058. Theo Quyết định số 1016/QĐ-CT ngày 09/06/2014 của Cục thuế tỉnh Nghệ An, Công ty được miễn tiền thuê đất trong thời gian xây dựng (từ tháng 08 năm 2011 đến hết tháng 07 năm 2013) và thời gian ưu đãi đầu tư (từ tháng 08 năm 2013 đến hết tháng 07 năm 2028).

Trong năm 2024, sau khi nhận chuyển nhượng toàn bộ tài sản gắn liền với đất thuê tại Nhà máy Thủy điện Nậm Nơn, Công ty đã ký kết Hợp đồng thuê đất số 165/HĐ-TĐ ngày 28/10/2024 với Ủy ban Nhân dân tỉnh Nghệ An về việc thuê 66.776 m² đất tại xã Xá Lượng, huyện Tương Dương, tỉnh Nghệ An để tiếp tục quản lý vận hành Nhà máy Thủy điện Nậm Nơn. Thời hạn thuê đất đến hết ngày 02/08/2061. Theo Quyết định số 890/QĐ-CT ngày 21/5/2013 của Cục thuế tỉnh Nghệ An, Công ty Cổ phần Tổng công ty Phát triển năng lượng Nghệ An (chủ đầu tư Nhà máy Thủy điện Nậm Nơn) được miễn tiền thuê đất đối với khu đất trên đến hết tháng 12/2027. Theo đó, Công ty được chuyển tiếp quyền được hưởng ưu đãi miễn tiền thuê đất.

31. GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Công ty có các bên liên quan có phát sinh giao dịch trong năm như sau:

| Bên liên quan | Mối liên hệ |
|--|---------------------------|
| Tập đoàn Dầu khí Việt Nam | Chủ sở hữu của công ty mẹ |
| Tổng công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam - CTCP | Công ty mẹ |
| Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Điện lực Dầu khí Việt Nam | Cùng chủ sở hữu |

Ngoài giao dịch và số dư với các bên liên quan đã trình bày tại các Thuyết minh, Công ty có giao dịch khác với các bên liên quan như sau:

| | Năm 2024 | Năm 2023 |
|--|-----------------|-----------------|
| | VND | VND |
| Phí bảo lãnh | | |
| Tổng công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam - CTCP | 47.471.181 | 271.762.035 |
| Phí nhân hiệu | | |
| Tập đoàn Dầu khí Việt Nam | 2.492.109.462 | 6.144.066.045 |
| Mua hàng | | |
| Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Điện lực Dầu khí Việt Nam | - | 2.119.207.794 |
| Chia cổ tức | | |
| Tổng công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam - CTCP | 189.872.760.000 | 284.809.140.000 |

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

Thu nhập của Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc

| Họ và tên | Chức vụ | Năm 2024 | Năm 2023 |
|------------------------|-------------------------------|----------------------|----------------------|
| | | VND | VND |
| Ông Hoàng Xuân Thành | Chủ tịch HĐQT | 1.229.564.839 | 1.148.764.495 |
| Ông Lê Hải Long | Thành viên HĐQT | 123.611.111 | 137.111.111 |
| Ông Vũ Văn Tâm | Thành viên HĐQT | 123.611.111 | 137.111.111 |
| Ông Bùi Huy Thành | Thành viên HĐQT, Giám đốc | 1.177.344.984 | 1.098.987.573 |
| Ông Nguyễn Xuân Sơn | Thành viên HĐQT, Phó Giám đốc | 1.125.287.203 | 1.067.795.747 |
| Ông Đoàn Văn Trường | Phó Giám đốc | 1.081.065.104 | 1.033.879.540 |
| Ông Nguyễn Trọng Thạch | Phó Giám đốc | 1.124.822.198 | 1.033.985.950 |
| Cộng | | 5.985.306.551 | 5.657.635.527 |

32. THÔNG TIN KHÁC

Thu nhập và thù lao của Ban kiểm soát chi trả trong năm là:

| Họ và tên | Chức vụ | Năm 2024 | Năm 2023 |
|--------------------|--------------------------|----------------------|----------------------|
| | | VND | VND |
| Ông Võ Trung Chính | Trưởng ban kiểm soát | 1.074.756.695 | 1.007.437.695 |
| Ông Văn Tuấn Thạch | Thành viên Ban Kiểm soát | - | 50.755.556 |
| Ông Lê Đình Hiệu | Thành viên Ban Kiểm soát | 87.055.556 | 44.800.000 |
| Bà Lê Văn Anh | Thành viên Ban Kiểm soát | 87.055.556 | 101.555.556 |
| Cộng | | 1.248.867.807 | 1.204.548.807 |

33. CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NIÊN ĐỘ KẾ TOÁN

Không có sự kiện bất thường nào xảy ra sau ngày kết thúc niên độ kế toán làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính và hoạt động của Công ty cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024.

34. SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023 đã được kiểm toán.

Nghệ An, ngày 11 tháng 03 năm 2025

Người lập

Nguyễn Phan Mạnh Hiền

Kế toán trưởng

Trần Thị Thu Hà

Giám đốc



Bùi Huy Thành

Số: 246 /TTr-HHC-HĐQT

Nghệ An, ngày 24 tháng 3 năm 2025

TỜ TRÌNH

V/v: Thông qua kế hoạch tài chính năm 2025 của Công ty cổ phần thủy điện Hũa Na

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần thủy điện Hũa Na

Căn cứ Luật Doanh nghiệp ngày 17/06/2020;

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần thủy điện Hũa Na;

Căn cứ Quyết định số 61/QĐ-HHC-HĐQT ngày 25/9/2023 của Hội đồng quản trị Công ty về việc phê duyệt và ban hành quy chế quản lý tài chính của Công ty cổ phần thủy điện Hũa Na,

Hội đồng quản trị Công ty cổ phần thủy điện Hũa Na kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua Kế hoạch tài chính năm 2025 của Công ty cổ phần thủy điện Hũa Na, bao gồm:

- Kế hoạch tài chính năm 2025 (Phụ lục 01 kèm theo);
- Kế hoạch dòng tiền năm 2025 (Phụ lục 02 kèm theo).

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét thông qua.

Trân trọng!

Nơi nhận:

- Như kính gửi;
- TV HĐQT, BKS;
- Ban GD Công ty;
- Lưu VT, TCKT.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**



hanh
Hoàng Xuân Thành

PHỤ LỤC 01: KẾ HOẠCH TÀI CHÍNH NĂM 2025

Kèm theo Tờ trình số 246/TTr-HHC-HĐQT ngày 24/3/2025 của Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần thủy điện Hòa Na

ĐVT: Tỷ đồng

| TT | Nội dung | Đơn vị tính | Số tiền | Ghi chú |
|------------|--|------------------|---------------|--------------------|
| A | Chỉ tiêu kế hoạch SXKD năm 2025 | | | |
| I | Sản lượng điện 2025 | Triệu Kwh | 685,28 | Kế hoạch SXKD 2025 |
| 1 | Nhà máy thủy điện Hòa Na | Triệu Kwh | 625,28 | |
| 2 | Nhà máy thủy điện Nậm Non | Triệu Kwh | 60,00 | |
| II | Doanh thu năm 2025 | Tỷ đồng | 828,70 | Kế hoạch SXKD 2025 |
| 1 | Doanh thu sản xuất điện | Tỷ đồng | 822,93 | |
| 1.1 | Doanh thu phát điện nhà máy Hòa Na | Tỷ đồng | 743,67 | " |
| 1.2 | Doanh thu phát điện nhà máy Nậm Non | Tỷ đồng | 79,26 | " |
| 2 | Doanh thu tài chính và Thu nhập khác | Tỷ đồng | 5,77 | " |
| III | Chi phí sản xuất 2025 | Tỷ đồng | 633,62 | Kế hoạch SXKD 2025 |
| 1 | Chi phí Nhà máy thủy điện Hòa Na | Tỷ đồng | 485,86 | " |
| 1.1 | Chi phí nguyên liệu, vật liệu, CCDC | Tỷ đồng | 18,28 | " |
| 1.2 | Chi phí nhân công | Tỷ đồng | 30,01 | " |
| 1.3 | Chi phí khấu hao tài sản cố định | Tỷ đồng | 286,87 | " |
| 1.4 | Chi phí dịch vụ mua ngoài | Tỷ đồng | 23,68 | " |
| 1.5 | Chi phí thuế tài nguyên, nước mặt và môi trường rừng | Tỷ đồng | 97,63 | " |
| 1.6 | Chi phí sửa chữa TSCĐ | Tỷ đồng | 25,93 | |
| 1.7 | Chi phí khác | Tỷ đồng | 3,47 | " |
| 2 | Chi phí Nhà máy thủy điện Nậm Non | Tỷ đồng | 68,10 | " |
| 2.1 | Chi phí nguyên liệu, vật liệu, CCDC | Tỷ đồng | 3,01 | " |
| 2.2 | Chi phí nhân công | Tỷ đồng | 10,73 | " |
| 2.3 | Chi phí khấu hao tài sản cố định | Tỷ đồng | 39,16 | " |
| 2.4 | Chi phí dịch vụ mua ngoài | Tỷ đồng | 2,57 | " |
| 2.5 | Chi phí thuế tài nguyên, nước mặt và môi trường rừng | Tỷ đồng | 9,39 | " |
| 2.6 | Chi phí sửa chữa TSCĐ | Tỷ đồng | 2,00 | |
| 2.7 | Chi phí khác | Tỷ đồng | 1,24 | " |
| 3 | Chi phí quản lý | Tỷ đồng | 50,39 | " |
| 3.1 | Chi phí nguyên liệu, vật liệu, CCDC | Tỷ đồng | 3,89 | " |
| 3.2 | Chi phí nhân công | Tỷ đồng | 21,54 | " |
| 3.3 | Chi phí khấu hao tài sản cố định | Tỷ đồng | 1,49 | " |
| 3.4 | Chi phí dịch vụ mua ngoài | Tỷ đồng | 6,77 | " |
| 3.5 | Chi phí thuế tài nguyên, nước mặt và môi trường rừng | Tỷ đồng | 0,00 | " |

| TT | Nội dung | Đơn vị tính | Số tiền | Ghi chú |
|------------|--|----------------|---------------|--------------------|
| 3.6 | Chi phí bằng tiền khác | Tỷ đồng | 16,69 | " |
| 4 | Chi phí tài chính | Tỷ đồng | 29,27 | |
| 4.1 | CP NM thủy điện Hòa Na | Tỷ đồng | 5,01 | |
| 4.2 | CP NM thủy điện Nậm Non | Tỷ đồng | 24,26 | |
| IV | Lợi nhuận trước thuế 2025 | Tỷ đồng | 195,08 | Kế hoạch SXKD 2025 |
| V | Nộp Ngân sách Nhà nước | Tỷ đồng | 199,06 | Kế hoạch SXKD 2025 |
| B | Các chỉ tiêu khác | Tỷ đồng | 239,84 | Kế hoạch SXKD 2025 |
| I | Kế hoạch đầu tư XDCB | Tỷ đồng | 22,01 | " |
| II | Kế hoạch trang bị tài sản cố định, thiết bị, phương tiện ... | Tỷ đồng | 34,63 | " |
| III | Kế hoạch khảo sát nghiên cứu và đầu tư các dự án mới | Tỷ đồng | 183,20 | " |
| C | Cân đối dòng tiền 2025 | | | |
| I | Số dư tiền năm 2024 chuyển sang | Tỷ đồng | 416,93 | BCTC 2024 |
| II | Dự kiến dòng tiền thu | Tỷ đồng | 958,06 | Dòng tiền 2025 |
| 1 | Tiền thu bán điện | Tỷ đồng | 878,43 | " |
| 2 | Doanh thu tài chính | Tỷ đồng | 79,62 | " |
| III | Dự kiến dòng tiền chi | Tỷ đồng | 986,89 | |
| 1 | Nhà máy thủy điện Hòa Na | | 419,74 | |
| 1.1 | Chi phí nhân công | Tỷ đồng | 44,01 | Dòng tiền 2025 |
| 1.2 | Chi phí Quản lý vận hành và Sửa chữa bảo dưỡng | | 101,42 | |
| 1.3 | Chi phí tài chính | Tỷ đồng | 169,26 | " |
| 1.4 | Chi nộp NSNN | Tỷ đồng | 105,05 | " |
| 2 | Nhà máy thủy điện Nậm Non | | 273,28 | |
| 2.1 | Chi mua nhà máy thủy điện Nậm Non | Tỷ đồng | 181,20 | Dòng tiền 2025 |
| 2.2 | Chi phí nhân công | Tỷ đồng | 10,73 | " |
| 2.3 | Chi phí Quản lý vận hành và Sửa chữa bảo dưỡng | Tỷ đồng | 6,82 | " |
| 2.4 | Chi phí tài chính | Tỷ đồng | 65,14 | " |
| 2.5 | Chi nộp NSNN | Tỷ đồng | 9,39 | " |
| 3 | Chi đầu tư và mua TSCĐ, thiết bị, phương tiện | Tỷ đồng | 34,63 | " |
| 4 | Chi cho hoạt động dự án | Tỷ đồng | 24,01 | " |
| 5 | Chia cổ tức | Tỷ đồng | 235,23 | " |
| IV | Dòng tiền cuối kỳ | Tỷ đồng | 388,10 | |

PHỤ LỤC 02: KẾ HOẠCH CÂN ĐỐI DÒNG TIỀN NĂM 2025

Kèm theo Tờ trình số 246/TTr-HHC-HDQT ngày 24 /3/2025 của Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần thủy điện Hòa Na

Đơn vị tính: Triệu đồng

| STT | Các chỉ tiêu kế hoạch | Kế hoạch năm 2025 | | | | | | | | | | | | Ghi chú | |
|-----------|---|-------------------|----------------|----------------|----------------|----------------|----------------|----------------|----------------|----------------|----------------|----------------|----------------|----------------|----------|
| | | Tổng cộng | Tháng 1 | Tháng 2 | Tháng 3 | Tháng 4 | Tháng 5 | Tháng 6 | Tháng 7 | Tháng 8 | Tháng 9 | Tháng 10 | Tháng 11 | | Tháng 12 |
| A | SỐ DƯ ĐẦU KỶ | 416.932 | 416.932 | 316.459 | 329.802 | 365.822 | 406.044 | 372.429 | 338.971 | 325.936 | 373.901 | 413.480 | 278.899 | 385.516 | |
| B | SỐ THU TRONG KỶ (I+II+III) | 958.056 | 77.182 | 30.248 | 63.178 | 67.113 | 61.907 | 67.679 | 62.379 | 73.722 | 80.016 | 134.795 | 136.676 | 103.162 | |
| I | Thu doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ | 878.432 | 72.643 | 25.467 | 59.006 | 63.398 | 58.198 | 52.987 | 56.752 | 62.920 | 68.945 | 126.726 | 132.210 | 99.180 | |
| 1 | NM Hòa Na | 803.166 | 52.123 | 56.701 | 50.167 | 43.032 | 46.638 | 53.332 | 64.616 | 120.705 | 125.571 | 93.488 | 51.619 | 45.174 | |
| 1.1 | Sản lượng điện | 625,28 | 40,57 | 43,02 | 36,66 | 32,16 | 31,37 | 40,55 | 50,79 | 100,19 | 101,91 | 72,76 | 40,59 | 34,70 | |
| 1.2 | Doanh thu bán điện chưa VAT | 743.672 | 48.262 | 52.501 | 46.451 | 39.845 | 43.183 | 49.381 | 59.829 | 111.764 | 116.270 | 86.563 | 47.795 | 41.828 | |
| 1.3 | VAT | 59.494 | 3.861 | 4.200 | 3.716 | 3.188 | 3.455 | 3.950 | 4.786 | 8.941 | 9.302 | 6.925 | 3.824 | 3.346 | |
| 2 | NM Nậm Non | 85.603 | 6.884 | 6.698 | 8.031 | 9.955 | 10.115 | 9.588 | 4.329 | 6.021 | 6.638 | 5.691 | 5.742 | 5.911 | |
| 2.1 | Sản lượng điện | 60,00 | 3,87 | 3,75 | 4,31 | 5,64 | 5,54 | 6,00 | 4,78 | 6,64 | 7,32 | 5,56 | 3,25 | 3,35 | |
| 2.2 | Doanh thu bán điện chưa VAT | 79.262 | 6.374 | 6.201 | 7.437 | 9.217 | 9.365 | 8.878 | 4.009 | 5.575 | 6.146 | 5.270 | 5.316 | 5.473 | |
| 2.3 | VAT | 6.341 | 510 | 496 | 595 | 737 | 749 | 710 | 321 | 446 | 492 | 422 | 425 | 438 | |
| II | Thu doanh thu HĐ tài chính | 79.624 | 4.539 | 4.781 | 4.171 | 3.714 | 3.709 | 14.692 | 5.626 | 10.803 | 11.071 | 8.069 | 4.467 | 3.982 | |
| 1 | Lãi tiền gửi | 3.872 | 273 | 257 | 316 | 333 | 409 | 428 | 285 | 267 | 354 | 418 | 198 | 333 | |
| 2 | Vay vốn lưu động | 65.752 | 4.267 | 4.524 | 3.855 | 3.382 | 3.299 | 4.264 | 5.341 | 10.535 | 10.717 | 7.651 | 4.269 | 3.649 | |
| 3 | Vay dài hạn | 10.000 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 10.000 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | |
| C | SỐ CHI TRONG KỶ (I+II+...+XI) | 986.892 | 177.655 | 16.905 | 27.157 | 26.891 | 95.522 | 101.137 | 75.413 | 25.757 | 40.437 | 269.376 | 30.059 | 100.582 | |
| I | Thanh toán chi phí QLVH khác | 15.719 | 1.100 | 1.100 | 1.572 | 1.100 | 1.100 | 1.100 | 1.100 | 1.100 | 1.100 | 1.100 | 1.100 | 3.144 | |
| 1 | NM Hòa Na | 13.944 | 976 | 976 | 1.394 | 976 | 976 | 976 | 976 | 976 | 976 | 976 | 976 | 2.789 | |
| 2 | NM Nậm Non | 1.775 | 124 | 124 | 177 | 124 | 124 | 124 | 124 | 124 | 124 | 124 | 124 | 355 | |
| II | Thanh toán chi phí sửa chữa, bảo dưỡng nhà máy | 58.600 | 4.514 | 526 | 8.454 | 4.993 | 207 | 15.690 | 4.514 | 207 | 8.454 | 207 | 366 | 10.470 | |
| 1 | NM Hòa Na | 56.121 | 4.307 | 319 | 8.247 | 4.786 | 0 | 15.483 | 4.307 | 0 | 8.247 | 0 | 160 | 10.264 | |
| 1.1 | Sửa chữa thường xuyên | 1.597 | | 319 | | 479 | | 639 | | | | | 160 | | |
| 1.2 | Sửa chữa định kỳ | 21.536 | 4.307 | | | 4.307 | | | 4.307 | | | | | 8.614 | |
| 1.3 | Sửa chữa TSCD khác, hạ tầng nhà máy | 32.988 | | | 8.247 | | | | 14.845 | | 8.247 | | | 1.649 | |
| 2 | NM Nậm Non | 2.479 | 207 | 207 | 207 | 207 | 207 | 207 | 207 | 207 | 207 | 207 | 207 | 207 | |

| STT | Các chỉ tiêu kế hoạch | Kế hoạch năm 2025 | | | | | | | | | | | | Ghi chú |
|------------|---|-------------------|---------------|--------------|--------------|--------------|---------------|---------------|---------------|---------------|---------------|---------------|---------------|---------------|
| | | Tổng cộng | Tháng 1 | Tháng 2 | Tháng 3 | Tháng 4 | Tháng 5 | Tháng 6 | Tháng 7 | Tháng 8 | Tháng 9 | Tháng 10 | Tháng 11 | |
| 1.1 | Sửa chữa thường xuyên | 2.479 | 207 | 207 | 207 | 207 | 207 | 207 | 207 | 207 | 207 | 207 | 207 | 207 |
| 1.2 | Sửa chữa định kỳ | | | | | | | | | | | | | |
| 1.3 | Sửa chữa TSCD khác, hạ tầng nhà máy | | | | | | | | | | | | | |
| III | Thanh toán chi phí tài chính | 234.402 | 41.937 | 34 | 54 | 4.315 | 4.569 | 54.294 | 44.525 | 3.385 | 4.373 | 5.464 | 10.629 | 60.824 |
| 1 | Chi trả lãi vay dài hạn | 85.437 | 21.556 | 0 | 0 | 0 | 0 | 21.573 | 21.088 | 0 | 0 | 0 | 0 | 21.220 |
| 2 | Chi trả gốc vay dài hạn | 97.642 | 20.000 | 0 | 0 | 0 | 0 | 28.821 | 20.000 | 0 | 0 | 0 | 0 | 28.821 |
| 3 | Chi trả lãi vay vốn lưu động | 776 | 18 | 34 | 54 | 48 | 45 | 45 | 55 | 86 | 109 | 123 | 93 | 66 |
| 4 | Chi trả gốc vay vốn lưu động | 50.184 | 0 | 0 | 0 | 4.267 | 4.524 | 3.855 | 3.382 | 3.299 | 4.264 | 5.341 | 10.535 | 10.717 |
| 5 | Phí bảo lãnh của PVPower | 363 | 363 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |
| IV | Thanh toán các khoản thuế, phí | 114.438 | 9.413 | 4.900 | 4.288 | 9.539 | 9.141 | 4.866 | 16.500 | 11.202 | 11.452 | 19.700 | 8.039 | 5.399 |
| 1 | NM Hòa Na | 144.271 | 11.689 | 8.103 | 6.220 | 9.596 | 10.952 | 5.605 | 18.497 | 18.826 | 18.024 | 24.284 | 7.530 | 4.945 |
| 1.1 | Thuế tài nguyên nước | 65.752 | 4.267 | 4.524 | 3.855 | 3.382 | 3.299 | 4.264 | 5.341 | 10.535 | 10.717 | 7.651 | 4.269 | 3.649 |
| 1.2 | Phí môi trường rừng | 22.510 | 4.329 | | | 3.747 | | | 9.104 | | | 5.330 | | |
| 1.3 | Phí quyền khai thác nước mặt | 9.365 | | | 0 | | 4.683 | | | | | 4.683 | | |
| 1.4 | Thuế VAT | 46.643 | 3.093 | 3.580 | 2.365 | 2.467 | 2.970 | 1.341 | 4.052 | 8.291 | 7.307 | 6.621 | 3.261 | 1.296 |
| 2 | NM Nậm Non | 12.885 | 1.052 | 692 | 842 | 1.741 | 1.727 | 1.005 | 1.232 | 870 | 984 | 1.778 | 509 | 454 |
| 2.1 | Thuế tài nguyên nước | 6.020 | 388 | 376 | 433 | 566 | 555 | 602 | 479 | 666 | 735 | 558 | 326 | 336 |
| 2.2 | Phí môi trường rừng | 2.160 | 429 | | | 618 | | | 675 | | | 438 | | |
| 2.3 | Phí quyền khai thác nước mặt | 1.206 | | | | | 603 | | | | | 603 | | |
| 2.4 | Thuế VAT | 3.498 | 234 | 316 | 409 | 557 | 568 | 403 | 78 | 203 | 249 | 179 | 183 | 119 |
| 3 | Thuế VAT (sau khấu trừ) | -51.200 | -3.327 | -3.895 | -2.774 | -3.024 | -3.539 | -1.744 | -4.130 | -8.494 | -7.556 | -12.718 | | |
| 4 | Thuế TNDN | 8.483 | 0 | | | 1.226 | | | 901 | | | 6.355 | | |
| V | Thanh toán tiền lương và các khoản trích nộp theo lương, thưởng VHAT | 62.281 | 15.888 | 3.235 | 5.619 | 4.398 | 3.235 | 3.235 | 4.508 | 3.235 | 3.235 | 4.508 | 3.235 | 7.949 |
| 1 | NM Hòa Na | 44.009 | 14.670 | 2.017 | 4.401 | 2.751 | 2.017 | 2.017 | 2.861 | 2.017 | 2.017 | 2.861 | 2.017 | 4.364 |
| 2 | NM Nậm Non | 10.732 | 715 | 715 | 715 | 1.145 | 715 | 715 | 1.145 | 715 | 715 | 1.145 | 715 | 1.574 |
| 3 | Người quản lý chuyên trách | 7.540 | 503 | 503 | 503 | 503 | 503 | 503 | 503 | 503 | 503 | 503 | 503 | 2.011 |
| VI | Thanh toán các dịch vụ mua ngoài | 26.379 | 2.602 | 1.445 | 1.445 | 1.445 | 1.445 | 3.925 | 2.065 | 2.065 | 2.065 | 2.065 | 2.065 | 3.746 |
| 1 | NM Hòa Na | 23.812 | 2.394 | 1.445 | 1.445 | 1.445 | 1.445 | 2.711 | 2.065 | 2.065 | 2.065 | 2.065 | 2.065 | 2.601 |

| STT | Các chỉ tiêu kế hoạch | Kế hoạch năm 2025 | | | | | | | | | | | | | Ghi chú |
|-------------|--|-------------------|----------------|----------------|----------------|----------------|----------------|----------------|----------------|----------------|----------------|----------------|----------------|----------------|---------|
| | | Tổng cộng | Tháng 1 | Tháng 2 | Tháng 3 | Tháng 4 | Tháng 5 | Tháng 6 | Tháng 7 | Tháng 8 | Tháng 9 | Tháng 10 | Tháng 11 | Tháng 12 | |
| 1 | Thanh toán chi phí mua bảo hiểm công trình | 3.163 | 949 | 0 | 0 | 0 | 0 | 1.265 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 949 | |
| 2 | Thanh toán chi phí mua bảo hiểm con người | 2.365 | | 1.183 | | | | | | 1.183 | | | | | |
| 3 | Chi phí bằng tiền khác | 20.649 | 1.445 | 1.445 | 1.445 | 1.445 | 1.445 | 1.445 | 2.065 | 2.065 | 2.065 | 2.065 | 2.065 | 1.652 | |
| 2 | NM Nậm Non | 2.568 | 207 | 0 | 0 | 0 | 0 | 1.215 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 1.146 | |
| 1 | Thanh toán chi phí mua bảo hiểm công trình | 691 | 207 | 0 | 0 | 0 | 0 | 276 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 207 | |
| 3 | Chi phí bằng tiền khác | 1.877 | | | | | | 938 | | | | | | 938 | |
| VII | Chi đầu tư và mua TSCĐ, thiết bị, phương tiện | 34.632 | | 3.463 | 2.424 | | 2.424 | 6.926 | | 3.463 | 8.658 | | 2.424 | 4.849 | |
| VIII | Chi trả cổ tức (10%) | 235.232 | | | | | | | | | | 235.232 | | | |
| X | Chi cho hoạt động dự án NM Hòa Na | 24.009 | 2.201 | 2.201 | 3.301 | 1.100 | 2.201 | 1.100 | 2.201 | 1.100 | 1.100 | 1.100 | 2.201 | 4.201 | |
| XI | Chi mua Nhà máy thủy điện Nậm Non | 181.200 | 100.000 | | | | 71.200 | 10.000 | | | | | | | |
| D | CÂN ĐỐI SỐ DƯ CUỐI KỲ (A+B-C) | 388.096 | 316.459 | 329.802 | 365.822 | 406.044 | 372.429 | 338.971 | 325.936 | 373.901 | 413.480 | 278.899 | 385.516 | 388.096 | |

Số: 247/TTTr-HHC-HĐQT

Nghệ An, ngày 24 tháng 3 năm 2025

TỜ TRÌNH

**V/v: Thông qua Kế hoạch tiền lương, thù lao năm 2025
của Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát**

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần thủy điện Hủa Na

Căn cứ Luật Doanh nghiệp ngày 17/6/2020;

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần thủy điện Hủa Na;

Căn cứ Nghị định số 53/2016/NĐ-CP ngày 13/6/2016 của Thủ tướng Chính phủ Quy định về lao động, tiền lương, thù lao, tiền thưởng công ty cổ phần, vốn góp chi phối Nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 28/2016/TT-BLĐTBXH ngày 01/9/2016 của Bộ LĐ-TB&XH ban hành Thông tư hướng dẫn thực hiện quy định về lao động, tiền lương, thù lao, tiền thưởng đối với Công ty có cổ phần, vốn góp chi phối của Nhà nước;

Căn cứ Nghị quyết số 24/NQ-HHC-ĐHĐCĐ ngày 24/4/2024 của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024 Công ty cổ phần thủy điện Hủa Na;

Căn cứ Báo cáo kiểm toán về Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024 của Công ty cổ phần thủy điện Hủa Na.

Hội đồng quản trị Công ty cổ phần thủy điện Hủa Na kính trình Đại hội đồng cổ đông Kế hoạch tiền lương, thù lao năm 2025 của Hội đồng quản trị (HĐQT) và Ban Kiểm soát (BKS) của Công ty như sau:

1. Tình hình tiền lương, thù lao, thu nhập năm 2024 của HĐQT, BKS

1.1. Tình hình tiền lương, thù lao, thu nhập năm 2024 của HĐQT, BKS chuyên trách

| TT | Nội dung | Thực hiện 2024 (VNĐ) | Ghi chú |
|------------------|-------------------------------|----------------------|---------|
| 1.1 | Chủ tịch HĐQT | 1.229.564.839 | |
| 1.2 | Thành viên HĐQT, Giám đốc | 1.177.344.984 | |
| 1.3 | Thành viên HĐQT, Phó Giám đốc | 1.125.287.203 | |
| 1.4 | Trưởng Ban kiểm soát | 1.074.756.695 | |
| Tổng cộng | | 4.606.953.721 | |

1.2. Tình hình tiền lương, thù lao, thu nhập năm 2024 của HĐQT, BKS kiêm nhiệm

| TT | Nội dung | Thù lao | Thu nhập khác | Tổng cộng | Ghi chú |
|------------------|----------------------------|-------------|---------------|--------------------|---------|
| (1) | (2) | (3) | (4) | (5)=(3)+(4) | |
| 1 | Thành viên HĐQT (02 người) | 192.000.000 | 55.222.222 | 247.222.222 | |
| 2 | Kiểm soát viên (02 người) | 144.000.000 | 30.111.112 | 174.111.112 | |
| Tổng cộng | | | | 421.333.334 | |

2. Kế hoạch chi trả tiền lương, thù lao của HĐQT và BKS năm 2025

2.1. Kế hoạch thù lao của Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát kiêm nhiệm và chi phí hoạt động của Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát năm 2025

| TT | Nội dung | Đơn giá (VNĐ) | Số tháng | Số người | Thành tiền (VNĐ) |
|------------------|---|---------------|----------|----------|----------------------|
| 1 | Thù lao | | | | 552.000.000 |
| 1.1 | Thành viên HĐQT | 10.000.000 | 12 | 3 | 360.000.000 |
| 1.2 | Kiểm soát viên | 8.000.000 | 12 | 2 | 192.000.000 |
| 2 | Chi phí hoạt động | | | | 635.000.000 |
| 2.1 | Chi phí đi lại | | | | 240.000.000 |
| 2.2 | Chi phí hội nghị | | | | 115.000.000 |
| 2.3 | Chi phí khác | | | | 130.000.000 |
| 2.4 | Chi phí làm việc của HĐQT với các cơ quan ban ngành | | - | | 150.000.000 |
| Tổng cộng | | | | | 1.187.000.000 |

Thù lao của các thành viên HĐQT và BKS nêu trên chưa bao gồm các khoản: tiền thưởng, phúc lợi,... được hưởng theo quy định của Nhà nước/Công ty.

2.2. Kế hoạch tiền lương, thu nhập năm 2025 của HĐQT và BKS làm việc theo chế độ chuyên trách

| STT | Chức danh (chuyên trách) | Số người | Kế hoạch tiền lương (VNĐ) |
|-----|---------------------------|----------|---------------------------|
| 1 | Chủ tịch HĐQT | 1 | 856.828.946 |
| 2 | Thành viên HĐQT, Giám đốc | 1 | 819.575.514 |
| 3 | Trưởng Ban Kiểm soát | 1 | 745.068.649 |
| | Tổng cộng | 3 | 2.421.473.108 |

- Việc xác định tiền lương, tiền thưởng, phúc lợi của HĐQT, BKS năm 2024: Thực hiện theo quy định của Nhà nước (Thông tư 28/2016/TT-BLĐTBXH ngày 01/9/2016 hướng dẫn thực hiện quy định về lao động, tiền lương, thù lao, tiền thưởng đối với công ty có cổ phần, vốn góp chi phối của nhà nước), theo Quy chế trả lương và hiệu quả sản xuất kinh doanh của Công ty.

- Tổng tiền lương kế hoạch của các thành viên HĐQT và BKS nêu trên chưa bao gồm các khoản: Thưởng an toàn, các khoản tiền thưởng, phúc lợi,... được hưởng theo quy định của Nhà nước/Công ty.

Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua.

Trân trọng!

Nơi nhận:

- Như kính gửi;
- TV HĐQT, BKS;
- Ban GD Công ty;
- Lưu VT, TCKT.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**



Hoàng Xuân Thành

Số: 248/TTr-HHC-HĐQT

Nghệ An, ngày 24 tháng 3 năm 2025

TỜ TRÌNH

V/v: Phương án phân phối lợi nhuận năm 2024

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần thủy điện Hủa Na.

Căn cứ Luật Doanh nghiệp ngày 17/06/2020;

Căn cứ Nghị định số 53/2016/NĐ-CP ngày 13/6/2016 của Chính phủ Quy định về lao động, tiền lương, thù lao, tiền thưởng công ty có cổ phần, vốn góp chi phối của Nhà nước;

Căn cứ thông tư số 28/2016/TT-BLĐTBXH ngày 01/9/2016 của Bộ LĐ-TB&XH ban hành Thông tư hướng dẫn thực hiện quy định về lao động, tiền lương, thù lao, tiền thưởng đối với Công ty có cổ phần, vốn góp chi phối của Nhà nước;

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần thủy điện Hủa Na;

Căn cứ quyết định số 61/QĐ-HHC-HĐQT ngày 25/9/2023 về việc phê duyệt và ban hành quy chế quản lý tài chính của Công ty cổ phần thủy điện Hủa Na;

Căn cứ Nghị quyết số 24/NQ-HHC-ĐHĐCĐ ngày 24/04/2024 của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024 Công ty cổ phần thủy điện Hủa Na;

Căn cứ Báo cáo tài chính năm 2024 đã được kiểm toán của Công ty cổ phần thủy điện Hủa Na.

Hội đồng quản trị công ty kính trình Đại hội đồng cổ đông Công ty xem xét thông qua Phương án phân phối lợi nhuận năm 2024 với các nội dung sau:

1. Phương án phân phối lợi nhuận năm 2024:

DVT: VNĐ

| TT | Nội dung | Phân phối lợi nhuận 2024 | | Ghi chú |
|-----|--|--------------------------|-----------------|---------|
| | | Mức trích | Số tiền | |
| 1 | Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối tại 31/12/2024 | | 731.489.626.480 | |
| 1.1 | Lợi nhuận chưa phân phối lũy kế đến 31/12/2024 chuyển sang | | 461.736.894.282 | |
| 1.2 | Lợi nhuận sau thuế năm 2024 | | 269.752.732.198 | |

| TT | Nội dung | Phân phối lợi nhuận 2024 | | Ghi chú |
|-----|--|--------------------------|------------------------|------------------------------------|
| | | Mức trích | Số tiền | |
| 2 | Dự kiến phân phối lợi nhuận năm 2024 | | 280.803.085.220 | |
| 2.1 | Trích Quỹ đầu tư và phát triển | 10% | 26.975.273.220 | |
| 2.2 | Trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi | 06 tháng lương BQ NLD | 17.843.760.000 | <i>Lương BQ NLD: 2.973.960.000</i> |
| 2.3 | Trích quỹ thưởng người quản lý | 1,5 tháng lương BQ NQL | 751.842.000 | <i>Lương BQ NQL: 501.228.000</i> |
| 2.4 | Chia cổ tức cho cổ đông bằng tiền | 10% | 235.232.210.000 | <i>= 10%*VĐL</i> |
| 3 | Lợi nhuận còn lại sau phân phối (1-2) | | 450.686.541.260 | |

2. Giao quyền cho HĐQT Công ty xem xét quyết định:

Lựa chọn thời điểm chi trả cổ tức phù hợp với khả năng cân đối dòng tiền của Công ty và đảm bảo đúng thời gian quy định.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét thông qua.

Trân trọng!

Nơi nhận:

- Như kính gửi;
- TV HĐQT, BKS;
- Ban GD Công ty;
- Lưu VT, TCKT.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**



Hoàng Xuân Thành



TỔNG CÔNG TY
ĐIỆN LỰC DẦU KHÍ VIỆT NAM - CTCP
HỦA NA
CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN HỦA NA

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 05 /TTr-HHC-BKS

Nghệ An, ngày 24 tháng 3 năm 2025

TỜ TRÌNH

Danh sách các đơn vị kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2025 của Công ty cổ phần thủy điện Hủa Na

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần thủy điện Hủa Na.

Căn cứ:

- Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/6/2020;
- Luật kiểm toán độc lập số 67/2011/QH12 ngày 29/3/2011;
- Nghị định số 17/2012/NĐ-CP ngày 13/3/2012, về việc: Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của luật kiểm toán độc lập;
- Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần thủy điện Hủa Na.

Để thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2025. Ban kiểm soát Công ty kính trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025, thông qua danh sách các đơn vị kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2025 như sau:

1. Công ty TNHH Kiểm toán An Việt.
2. Công ty TNHH Kiểm toán Quốc tế.
3. Công ty TNHH Kiểm toán và Thẩm định giá Việt Nam.
4. Công ty TNHH Kiểm toán VACO.

Ban kiểm soát kính trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 thông qua danh sách các đơn vị kiểm toán, đồng thời ủy quyền cho Hội đồng quản trị Công ty xem xét, lựa chọn một đơn vị kiểm toán trong danh sách nêu trên để thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2025 của Công ty theo đúng quy định, bảo đảm chất lượng và có tính cạnh tranh.

Trân trọng!

Nơi nhận:

- Như kính gửi;
- HĐQT;
- Lưu: VT, BKS.

**TM. BAN KIỂM SOÁT
TRƯỞNG BAN**

Võ Trung Chính

Số: 249/TTr-HHC-HĐQT

Nghệ An, ngày 24 tháng 3 năm 2025

TỜ TRÌNH

V/v: Thông qua bổ sung, sửa đổi ngành nghề kinh doanh và sửa đổi Điều lệ của Công ty cổ phần thủy điện Hủa Na

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần Thủy điện Hủa Na

Căn cứ Luật Doanh nghiệp ngày 17/6/2020;

Căn cứ Điều lệ Tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần thủy điện Hủa Na;

Căn cứ nhu cầu hoạt động và phát triển của Công ty cổ phần thủy điện Hủa Na.

Qua quá trình rà soát ngành nghề kinh doanh, để phù hợp với tình hình hoạt động thực tế của Công ty, trên cơ sở ngành nghề kinh doanh được quy định tại Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty, với các mục tiêu: đạt lợi nhuận tối đa từ hoạt động sản xuất kinh doanh; không ngừng nâng cao lợi ích cho các cổ đông; tạo công ăn việc làm, nâng cao thu nhập và tinh thần cho người lao động; phát triển Công ty ngày càng lớn mạnh thì ngoài nhiệm vụ quản lý vận hành, sửa chữa các Nhà máy điện hiện có, Công ty cần phát triển thêm các Dự án/Nhà máy và đa dạng các lĩnh vực hoạt động. Do đó, Hội đồng quản trị Công ty cổ phần thủy điện Hủa Na kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua bổ sung, sửa đổi ngành nghề kinh doanh và sửa đổi Điều lệ của Công ty cổ phần thủy điện Hủa Na như sau:

I. BỔ SUNG, SỬA ĐỔI NGÀNH NGHỀ KINH DOANH

1. Bổ sung ngành, nghề kinh doanh sau:

| STT | Tên ngành, nghề kinh doanh được bổ sung | Mã ngành |
|-----|---|----------|
| 1 | Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan. Chi tiết: Dịch vụ tư vấn quản lý dự án; Tư vấn giám sát thi công xây dựng công trình; Tư vấn giám sát lắp đặt thiết bị công trình (Ngành nghề kinh doanh có điều kiện). | 7110 |
| 2 | Cho thuê tài sản vô hình phi tài chính Chi tiết: Cho thuê công nghệ năng lượng xanh I-REC | 7740 |

2. Sửa đổi chi tiết ngành, nghề kinh doanh sau:

| STT | Tên ngành, nghề kinh doanh hiện tại | Mã ngành | Tên ngành, nghề kinh doanh sửa đổi chi tiết | Mã ngành |
|-----|---|----------|---|----------|
| 1 | Truyền tải và phân phối điện Chi tiết: Hoạt động mua bán điện | 3512 | Truyền tải và phân phối điện Chi tiết: - Hoạt động mua bán điện; - Hoạt động quản lý, vận hành đường dây và trạm biến áp từ 35kV trở lên (Ngành nghề kinh doanh có điều kiện) | 3512 |
| 2 | Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác Chi tiết: Đầu tư xây dựng công trình thủy điện | 4390 | Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác Chi tiết: Đầu tư xây dựng công trình năng lượng: thủy điện, nhiệt điện khí, điện gió, điện mặt trời và điện khác | 4390 |
| 3 | Hoạt động tư vấn quản lý Chi tiết: Dịch vụ tư vấn quản lý dự án; Tư vấn giám sát thi công xây dựng công trình (Ngành nghề kinh doanh có điều kiện) | 7020 | Hoạt động tư vấn quản lý: Chi tiết: Tư vấn đấu thầu, lập hồ sơ mời thầu, đánh giá hồ sơ dự thầu; Tư vấn hồ sơ mời thầu, thẩm định kết quả lựa chọn nhà thầu (Ngành nghề kinh doanh có điều kiện) | 7020 |
| 4 | Kiểm tra và phân tích kỹ thuật Chi tiết: Kiểm tra, đo lường, thí nghiệm hiệu chỉnh thiết bị Nhà máy thủy điện | 7120 | Kiểm tra và phân tích kỹ thuật Chi tiết: Kiểm tra, đo lường, thí nghiệm hiệu chỉnh thiết bị Nhà máy điện, thiết bị cơ điện; đường dây và trạm biến áp | 7120 |

II. SỬA ĐỔI, BỔ SUNG ĐIỀU LỆ CÔNG TY

Sửa đổi, bổ sung mục 1, Điều 4 về ngành, nghề kinh doanh tại Điều lệ tổ chức và hoạt động Công ty theo nội dung bổ sung, sửa đổi tại Mục I ở trên.

III. KIẾN NGHỊ

Hội đồng quản trị Công ty kiến nghị Đại hội đồng cổ đông thông qua việc bổ sung, sửa đổi ngành nghề kinh doanh nêu trên và giao:

- Hội đồng quản trị Công ty chỉ đạo thực hiện các thủ tục liên quan đến việc thay đổi ngành nghề kinh doanh tại cơ quan Nhà nước có thẩm quyền, bao

gồm cả việc điều chỉnh nội dung chi tiết trong phạm vi các mã ngành, nghề đã được ĐHCĐ thông qua tại Tờ trình này.

- Người đại diện theo pháp luật của Công ty ký ban hành Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty sửa đổi, bổ sung và các công việc khác liên quan đến việc thay đổi ngành, nghề kinh doanh của Công ty phù hợp với quy định của pháp luật.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét thông qua.

Trân trọng!

Nơi nhận:

- Như k/g;
- HĐQT, BKS Công ty;
- Ban GD (t/h);
- Lưu VT.

**TM HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**



Hoàng Xuân Thành





CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN HÒA NA
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2025

PHIẾU BIỂU QUYẾT
Các nội dung tại Đại hội đồng cổ đông

Tên Cổ đông:

Số thứ tự cổ đông:

Số cổ phần sở hữu:

Cổ phần

| TT | Nội dung biểu quyết | Tán thành | Không tán thành | Không có ý kiến |
|----|---|--------------------------|--------------------------|--------------------------|
| 1 | Báo cáo Kết quả thực hiện nhiệm vụ năm 2024 và phương hướng nhiệm vụ năm 2025 của Hội đồng quản trị | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> |
| 2 | Báo cáo của Ban giám đốc Công ty về kết quả sản xuất kinh doanh năm 2024 và kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2025 | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> |
| 3 | Báo cáo kết quả hoạt động của Ban kiểm soát Công ty năm 2024, kế hoạch hoạt động năm 2025 | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> |
| 4 | Báo cáo tài chính đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2024 | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> |
| 5 | Tờ trình về việc thông qua kế hoạch tài chính năm 2025 | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> |
| 6 | Tờ trình về việc thông qua Kế hoạch tiền lương, thù lao năm 2025 của Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> |
| 7 | Tờ trình về việc thông qua phương án phân phối lợi nhuận năm 2024 | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> |
| 8 | Tờ trình về việc thông qua danh sách các đơn vị kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2025 | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> |
| 9 | Tờ trình về việc thông qua bổ sung, sửa đổi ngành nghề kinh doanh và sửa đổi Điều lệ của Công ty cổ phần thủy điện Hòa Na | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> |

Lưu ý:

- Quý cổ đông biểu quyết bằng cách đánh dấu "X" vào một trong ba ô: "Tán thành" hoặc "Không tán thành" hoặc "Không có ý kiến" lần lượt từng nội dung biểu quyết.

Ngày 17 tháng 4 năm 2025

CỔ ĐÔNG

(Ký và ghi rõ họ tên)

DỰ THẢO

NGHỊ QUYẾT
Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025
Công ty cổ phần thủy điện Hủa Na

ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN HỦA NA

Căn cứ Luật Doanh nghiệp ngày 17/6/2020;

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động Công ty cổ phần thủy điện Hủa Na;

Căn cứ Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 Công ty Cổ phần thủy điện Hủa Na ngày 17/4/2025.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 Công ty cổ phần thủy điện Hủa Na tổ chức vào ngày 17/4/2025 thống nhất thông qua các nội dung sau:

1. Báo cáo Kết quả thực hiện nhiệm vụ năm 2024 và phương hướng nhiệm vụ năm 2025 của Hội đồng quản trị. Yêu cầu Công ty thực hiện các nhiệm vụ sau:

- Thực hiện tốt công tác quản lý tổ chức sản xuất kinh doanh nhằm hoàn thành các nhiệm vụ chỉ tiêu sản xuất kinh doanh năm 2025.

- Nghiêm túc triển khai thực hiện tiết kiệm, tiết giảm chi phí trong năm 2025.

2. Báo cáo của Ban Giám đốc Công ty về kết quả sản xuất kinh doanh năm 2024 và Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2025 Công ty cổ phần thủy điện Hủa Na, với nội dung chính như sau:

a. Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2024:

| TT | Chỉ tiêu | Đơn vị tính | Kế hoạch 2024 | Thực hiện 2024 | Thực hiện/Kế hoạch |
|-----|---------------------------|-------------|---------------|----------------|--------------------|
| (1) | (2) | (3) | (4) | (5) | (6)=(5)/(4) |
| 1 | Sản lượng điện | Tr.kWh | 641,87 | 637,80 | 99% |
| - | Nhà máy thủy điện Hủa Na | Tỷ đồng | 619,59 | 635,13 | 103% |
| - | Nhà máy thủy điện Nậm Non | Tỷ đồng | 22,28 | 2,67 | 12% |
| 2 | Tổng doanh thu | Tỷ đồng | 773,69 | 800,57 | 103% |
| 2.1 | Doanh thu bán điện | Tỷ đồng | 770,21 | 785,84 | 102% |

| TT | Chỉ tiêu | Đơn vị tính | Kế hoạch 2024 | Thực hiện 2024 | Thực hiện/Kế hoạch |
|-----|---|-------------|---------------|----------------|--------------------|
| (1) | (2) | (3) | (4) | (5) | (6)=(5)/(4) |
| - | <i>Doanh thu bán điện (trước thuế, phí, ...)</i> | Tỷ đồng | 672,93 | 689,07 | 102% |
| - | <i>Doanh thu thực thanh thực chi (thuế, phí, ...)</i> | Tỷ đồng | 97,28 | 96,76 | 99% |
| 2.2 | Doanh thu từ hoạt động cung cấp dịch vụ | Tỷ đồng | | 3,11 | |
| 2.3 | Doanh thu từ hoạt động tài chính | Tỷ đồng | 3,48 | 11,13 | 320% |
| 2.4 | Thu nhập khác | Tỷ đồng | - | 0,49 | |
| 3 | Tổng chi phí | Tỷ đồng | 584,27 | 516,15 | 88% |
| 4 | Lợi nhuận trước thuế thu nhập doanh nghiệp | Tỷ đồng | 189,42 | 284,42 | 150% |
| 5 | Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp | Tỷ đồng | 179,95 | 269,75 | 150% |
| 6 | Nộp ngân sách nhà nước | Tỷ đồng | 183,77 | 164,19 | 89% |
| 7 | Giá thành | đ/kWh | 910,25 | 820,31 | 89% |
| 8 | Tỷ lệ chia cổ tức (10%) | Tỷ đồng | 235,2 | 235,2 | 100% |

b. Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2025:

| STT | Các chỉ tiêu | Đơn vị | Kế hoạch năm 2025 |
|-----|----------------------------------|----------------|-------------------|
| 1 | Sản lượng điện thương mại | Tr.kw.h | 685,3 |
| - | Nhà máy thủy điện Hòa Na | Tr.kw.h | 625,3 |
| - | Nhà máy thủy điện Nậm Non | Tr.kw.h | 60,0 |
| 2 | Các chỉ tiêu tài chính | | |
| 2.1 | Vốn điều lệ | Tỷ đồng | 2.352,3 |
| 2.2 | Tổng doanh thu | Tỷ đồng | 828,7 |
| - | Doanh thu phát điện | Tỷ đồng | 822,9 |
| + | <i>Nhà máy thủy điện Hòa Na</i> | <i>Tỷ đồng</i> | <i>743,7</i> |
| + | <i>Nhà máy thủy điện Nậm Non</i> | <i>Tỷ đồng</i> | <i>79,3</i> |
| - | Doanh thu tài chính + khác | Tỷ đồng | 5,8 |

| STT | Các chỉ tiêu | Đơn vị | Kế hoạch năm 2025 |
|-----|--------------------------------------|---------------|-------------------|
| 2.3 | Tổng chi phí | Tỷ đồng | 633,6 |
| 2.4 | Lợi nhuận trước thuế TNDN | Tỷ đồng | 195,1 |
| 2.5 | Thuế TNDN | Tỷ đồng | 9,8 |
| 2.6 | Lợi nhuận sau thuế TNDN | Tỷ đồng | 185,3 |
| - | Tỷ suất lợi nhuận/VĐL | % | 8% |
| 3 | Đào tạo | Tỷ đồng | 1,9 |
| 4 | Giá thành (bao gồm thuế phí) | đồng/kWh | 924,6 |
| 5 | Nộp ngân sách nhà nước | Tỷ đồng | 199,1 |
| 6 | Kế hoạch đầu tư và mua sắm TSCĐ, TTB | Tỷ đồng | 239,8 |
| 7 | Lao động | Người | 143,0 |
| 8 | Quỹ tiền lương, thưởng vận hành | Tỷ đồng | 62,3 |
| 9 | Năng suất lao động bình quân | Tr.đ.ng/tháng | 150,0 |
| 10 | Tỷ lệ chia cổ tức (10%) | Tỷ đồng | 235,2 |

3. Báo cáo kết quả kiểm tra giám sát năm 2024 và kế hoạch kiểm soát năm 2025 của Ban kiểm soát Công ty cổ phần thủy điện Hòa Na.

4. Báo cáo tài chính đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2024.

5. Kế hoạch tài chính năm 2025 của Công ty Cổ phần thủy điện Hòa Na.

6. Kế hoạch tiền lương, thù lao và chi phí hoạt động năm 2025 của Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát Công ty cổ phần thủy điện Hòa Na.

a. Kế hoạch thù lao năm 2025 của HĐQT và BKS kiêm nhiệm.

+ Thành viên HĐQT kiêm nhiệm: 10.000.000 đồng/người/tháng.

+ Thành viên BKS kiêm nhiệm: 8.000.000 đồng/người/tháng.

b. Kế hoạch tiền lương, thu nhập năm 2025 của HĐQT và BKS làm việc theo chế độ chuyên trách.

- Chủ tịch HĐQT: 856.828.946 đồng.

- Thành viên HĐQT, Giám đốc: 819.575.514 đồng.

- Trưởng Ban Kiểm soát: 745.068.649 đồng.

c. Kế hoạch chi phí hoạt động năm 2025 của HĐQT, BKS: 635.000.000 đồng

Tổng tiền lương kế hoạch trước thuế của các thành viên HĐQT và BKS nêu trên chưa bao gồm các khoản: Thưởng an toàn, các khoản tiền thưởng, phúc lợi,... được hưởng theo quy định của Nhà nước/Công ty.

7. Phương án phân phối lợi nhuận năm 2024.

a. Phương án phân phối lợi nhuận

| TT | Nội dung | Phân phối lợi nhuận 2024 | | Ghi chú |
|----------|--|--------------------------|------------------------|------------------------------------|
| | | Mức trích | Số tiền | |
| 1 | Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối tại 31/12/2024 | | 731.489.626.480 | |
| 1.1 | Lợi nhuận chưa phân phối lũy kế đến 31/12/2024 chuyển sang | | 461.736.894.282 | |
| 1.2 | Lợi nhuận sau thuế năm 2024 | | 269.752.732.198 | |
| 2 | Dự kiến phân phối lợi nhuận năm 2024 | | 280.803.085.220 | |
| 2.1 | Trích Quỹ đầu tư và phát triển | 10% | 26.975.273.220 | |
| 2.2 | Trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi | 06 tháng lương BQ NLD | 17.843.760.000 | <i>Lương BQ NLD: 2.973.960.000</i> |
| 2.3 | Trích quỹ thưởng người quản lý | 1,5 tháng lương BQ NQL | 751.842.000 | <i>Lương BQ NQL: 501.228.000</i> |
| 2.4 | Chia cổ tức cho cổ đông bằng tiền | 10% | 235.232.210.000 | <i>= 10%*VDL</i> |
| 3 | Lợi nhuận còn lại sau phân phối (1-2) | | 450.686.541.260 | |

b. Ủy quyền cho HĐQT Công ty xem xét lựa chọn thời điểm chi trả cổ tức phù hợp với khả năng cân đối dòng tiền và đảm bảo thời gian chi trả theo đúng quy định.

8. Thông qua Danh sách đơn vị kiểm toán để lựa chọn thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2025 của Công ty cổ phần thủy điện Hòa Na như sau:

- Công ty TNHH Kiểm toán An Việt;
- Công ty TNHH Kiểm toán Quốc tế;
- Công ty TNHH Kiểm toán và Định giá Việt Nam;
- Công ty TNHH Kiểm toán VACO.

Ủy quyền cho Hội đồng quản trị lựa chọn một đơn vị trong danh sách trên để thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính năm 2025 của Công ty Cổ phần thủy điện Hòa Na.

9. Thông qua bổ sung, sửa đổi ngành nghề kinh doanh của Công ty cổ phần thủy điện Hòa Na, như sau:

a. Bổ sung ngành, nghề kinh doanh sau:

| STT | Tên ngành, nghề kinh doanh được bổ sung | Mã ngành |
|-----|---|----------|
| 1 | Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan. Chi tiết: Dịch vụ tư vấn quản lý dự án; Tư vấn giám sát thi công xây dựng công trình; Tư vấn giám sát lắp đặt thiết bị công trình (Ngành nghề kinh doanh có điều kiện). | 7110 |
| 2 | Cho thuê tài sản vô hình phi tài chính Chi tiết: Cho thuê công nghệ năng lượng xanh I-REC | 7740 |

b. Sửa đổi chi tiết ngành, nghề kinh doanh sau:

| STT | Tên ngành, nghề kinh doanh hiện tại | Mã ngành | Tên ngành, nghề kinh doanh sửa đổi chi tiết | Mã ngành |
|-----|---|----------|---|----------|
| 1 | Truyền tải và phân phối điện Chi tiết: Hoạt động mua bán điện | 3512 | Truyền tải và phân phối điện Chi tiết: - Hoạt động mua bán điện; - Hoạt động quản lý, vận hành đường dây và trạm biến áp từ 35kV trở lên (Ngành nghề kinh doanh có điều kiện) | 3512 |
| 2 | Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác Chi tiết: Đầu tư xây dựng công trình thủy điện | 4390 | Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác Chi tiết: Đầu tư xây dựng công trình năng lượng: thủy điện, nhiệt điện khí, điện gió, điện mặt trời và điện khác | 4390 |
| 3 | Hoạt động tư vấn quản lý Chi tiết: Dịch vụ tư vấn quản lý dự án; Tư vấn giám sát thi công xây dựng công trình (Ngành nghề kinh doanh có điều kiện) | 7020 | Hoạt động tư vấn quản lý: Chi tiết: Tư vấn đấu thầu, lập hồ sơ mời thầu, đánh giá hồ sơ dự thầu; Tư vấn hồ sơ mời thầu, thẩm định kết quả lựa chọn nhà thầu (Ngành nghề kinh doanh có điều kiện) | 7020 |

| STT | Tên ngành, nghề kinh doanh hiện tại | Mã ngành | Tên ngành, nghề kinh doanh sửa đổi chi tiết | Mã ngành |
|-----|--|----------|--|----------|
| 4 | Kiểm tra và phân tích kỹ thuật Chi tiết: Kiểm tra, đo lường, thí nghiệm hiệu chỉnh thiết bị Nhà máy thủy điện | 7120 | Kiểm tra và phân tích kỹ thuật Chi tiết: Kiểm tra, đo lường, thí nghiệm hiệu chỉnh thiết bị Nhà máy điện, thiết bị cơ điện; đường dây và trạm biến áp | 7120 |

c. Sửa đổi, bổ sung mục 1, Điều 4 về ngành, nghề kinh doanh tại Điều lệ tổ chức và hoạt động Công ty theo nội dung bổ sung, sửa đổi ngành nghề kinh doanh nêu trên; Ủy quyền cho Người đại diện theo pháp luật Công ty ký ban hành Điều lệ tổ chức và hoạt động Công ty sửa đổi, bổ sung; Giao HĐQT Công ty chỉ đạo thực hiện đăng ký bổ sung, sửa đổi ngành nghề kinh doanh theo quy định.

Điều 3. Giao Hội đồng quản trị Công ty cổ phần thủy điện Hòa Na chỉ đạo tổ chức thực hiện Nghị quyết này theo đúng quy định của pháp luật hiện hành và Điều lệ tổ chức & hoạt động của Công ty.

Nơi nhận:

- Các Cổ đông (đề b/c);
- Các thành viên HĐQT;
- Ban kiểm soát;
- Ban GD Công ty;
- Lưu VT.

**TM. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**